

I THÁNG I NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười ba

NGUYỄN HIỂN LÊ vấn đề « kiểm duyệt » • KIM ĐỊNH
ba đợt văn minh • TRẦN ĐẠI đào tạo kỹ giả tại
các quốc gia kém mở mang • CUNG GIỮ NGUYÊN
toán số với càn khôn : một đêm dài , ngàn năm •
PHẠM VIỆT CHÂU thăm Việt trên vùng định mệnh :
In-đô-nê-sia kinh-nghiệm liên-hiệp quốc -cộng • VIỆT
PHƯƠNG cuộc đảo chính ở Libye, một bước tiến của
các nước Ả-rập xã-hội • TỪ KẾ TƯỜNG đám cưới
trong mùa hè • NGUYỄN CÁT ĐÔNG thả khói lên
trời • ĐÔNG TRÌNH trong tình đầy thanh tâm •
LÊ VĂN TRUNG thanh bình • MINH QUÂN khóc
Mộng Trung • NGUYỄN NGU Í được tin Mộng Trung
từ trần ở Pháp • **SINH HOẠT** TỬ DIỆP thời sự
khoa học • TRÀNG THIÊN
THU THỦY thời sự văn nghệ
• TỪ TRÌ thời sự thể giới

306





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard - PARIS (6e)

INDUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B A C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 306 ngày 1 - 10 - 1969

NGUYỄN-HIỂN-LÊ <i>vấn-đề « kiêm duyệt »</i>	5
KIM ĐỊNH <i>ba đợt văn minh</i>	11
TRẦN ĐẠI <i>đào tạo kỹ-giả tại các quốc-gia kém mở mang</i>	17
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>toán số với cần khôn : Một đêm dài ngàn năm</i>	23
PHẠM VIỆT CHÂU <i>trăm Việt trên vùng định mệnh : In-đô-nê-sia kinh-nghiệm liên-hiệp quốc-cộng</i>	31
VIỆT PHƯƠNG <i>cuộc đảo-chánh ở Libye, một bước tiến của các nước Á-rập xã hội.</i>	37
TỪ KỂ TƯỜNG <i>đám cưới trong mùa hè (truyện)</i>	42
NCUYỄN CÁT ĐÔNG <i>thả khói lên trời (truyện)</i>	53
ĐÔNG TRINH <i>trong tình đầy thanh tâm (thơ)</i>	60
LÊ VĂN TRUNG <i>thanh bình (thơ)</i>	61
MINH QUÂN <i>khóc Mộng-Trung</i>	65
NGUYỄN NGU Í <i>được tin Mộng-Trung từ trần ở Pháp (thơ)</i>	68
SINH HOẠT	
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	69
TRĂNG THIÊN, THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	72
TỪ TRÌ <i>thời sự thể giới</i>	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHAU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi : 60 \$

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Lịch sử văn-học Anh-quốc** (tập 2) của Đô khánh Hoan do Sáng Tạo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 480 trang gồm các phần: Văn học Lãng mạn, Văn học Victoria, Văn học Cận kim và Hiện đại với 23 chương, biên khảo rất công phu. Bản đặc biệt.

— **Lý thuyết giá cả và sung dụng tài nguyên** nguyên tác «The Price System and Resource Allocation» của Richard H. Leftwich, bản dịch của Nguyễn Bá Long do Tủ sách Kinh tế xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 386 trang, gồm 16 chương. Giá 400đ.

— **Tuổi trẻ và cô đơn**, nguyên tác «Peter Camenzind» của Hermann Hesse, bản dịch của Vũ đình Lưu, do Cáo xuất bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang, in lần thứ hai, Bản đặc biệt.

— **Thân phận**, tập thơ thứ nhì của Hoài Khanh, do Cáo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang, gồm 60 bài thơ, cả phần chính và phần phụ lục Tựa «Nỗi cô đơn của Hoài-Khanh» của Phạm Công Thiện. Bản đặc biệt.

— **Vực nước mắt** truyện dài của Nguyễn thị Hoàng do Tủ hợp Gió xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 346 trang, 100 phẩm thứ 11 của tác giả. Bản đặc biệt. Giá bán thường 225 đ.

— **Úa vàng tâm sự** của Kim Đan do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm trên 30 bài thơ. Bản đặc biệt. Giá 64đ.

— **Tân văn** số 15, dày 94 trang, gồm những bài nghiên cứu, phê bình và sáng tác của Nguyễn văn Xuân, Bình nguyên Lộc, Võ Hồng, Tạ Chí Đại Trùng, Phương

Hoa Sửu, Châu Hải Kỳ, Đoàn quốc Sỹ, Lê ngọc Trụ. Giá 30 đ.

— **Đối diện** số 3 tháng 9/69 dày 128 trang gồm những bài của Nguyễn văn Trung, Cao Ngọc Phượng, Trần Hữu Lục, Đinh Khắc Tiễn, Đỗ Hữu Nghiêm, Trần Hữu Thanh, Lý Chánh Trung, Nguyễn văn Ngọc, Võ Quê v.v. Giá mỗi số 40 đ.

— **Tư Tưởng** số 4 đặc biệt về Giáo dục, dày 174 trang, gồm những bài thuộc chủ đề trên của Thích Minh Châu, Ngô Trọng Anh, Tôn Thất Thiện, Kim Định, Lê Tôn Nghiêm, Dương Thiệu Tống, Thạch Trung Giả. Giá 40 đ.

— **Chim họa mi của Đại vương Trung quốc** truyện thiếu nhi do bà Minh Quân phỏng tác theo The Nightingale của Hans Christian Andersen do Hoàng Đông Phương xuất bản trong tủ sách Sao Mai và tác giả gửi tặng. Sách dày 86 trang khổ 10,5x18 trình bày đẹp, nhiều hình vẽ, nội dung rất hợp với tuổi thơ, Bản đặc biệt. Giá 45 đ.

— **Nhan sắc** tập truyện của Dương Nghiễm Mậu do Văn-Xã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 200 trang gồm 6 truyện, đặc biệt lấy chất liệu ở đời sử hay văn học về Phạm Thái, Kinh Kha, Từ Hải v.v. với những phụ bản của Duy Thanh, Nguyễn Trung, Cù Nguyễn, Vị Ý, Ngọc Dũng, Nguyễn Khai, Trịnh Cung. Bản đặc biệt.

— **Phù thế**, tập truyện của Võ-Phiến do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 156 trang gồm 6 truyện mới nhất của tác giả: Một chỗ đề tùy nghi, Đêm trắng, Một chỗ thật tịch mịch, Thân xác, Lúc dừng nghỉ, Chim và rắn. Bản đặc biệt.

— **Nỗi chết không rời** tập truyện của Duy Lam và Thế Uyên do Văn-Uiễn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 144 trang mỗi tác giả có 3 truyện. Giá 40 đ.

Vấn đề « kiểm duyệt »

Dù là dưới chế độ quân chủ hay dân chủ, bất kì ở đâu và thời nào cũng có một lần ranh rõ rệt giữa hai giới : giới cai trị người và giới bị người cai trị.

Xưa giới cai trị tự cho là cha mẹ dân, cho dân cái gì thì dân được cái nấy, dân chẳng có chút quyền gì cả mà chỉ có bổn phận, nếu chẳng may gặp cảnh « hà chính mãnh ư hồ » thì chỉ có cách trốn vào rừng và nổi loạn. Nhà cầm quyền ngồi vói vói ở trên, dân quì mọp ở dưới, phân cách nhau thành hai tầng.

Nay giới cầm quyền do dân bầu ra, dân có quyền đòi hỏi và tranh đấu, sự phân cách theo chiều dọc giảm đi nhiều, nhưng lại có sự phân cách theo chiều ngang : chính quyền và nhân dân thành hai giới đối địch nhau. Sự mâu thuẫn có từ trong bản thể : một bên là cai trị, một bên là bị cai trị. Đương ở bên bị cai trị mà bước qua lần ranh, sang bên cai trị thì tự nhiên và đột nhiên người ta thành một con người khác. Léon Blum đã nói rất đúng : « Khi người ta thành một nhà cầm quyền thì sự nhận định của người ta thay đổi hẳn. »

Ông X.X. trong « bài học Moutet » (Đuốc nhà nam ngày 29-6-69) đã nhắc lại những chuyện Marius Moutet qua quan sát tình hình Việt-nam cuối năm 1946 để chứng minh điều đó. Moutet

là một lãnh tụ của đảng Xã hội Pháp, vậy mà khi làm bộ trưởng Pháp ngoại thì chỉ có cái tác phong bộ trưởng chứ không còn cái tác phong xã hội, cũng chủ trương như tên thực dân khát máu D'Argenlieu : diệt kháng chiến Việt-nam. Rồi ông X. X. kết luận :

«Té ra Marius Moutet cũng nói ra những lời không khác gì mấy ông thực dân khác. Một là ông bị họ (tức bọn thực dân) đầu độc. Hai là ông đã thay đổi lập trường. Ba là địa vị trong chánh quyền để bắt buộc ông phải từ bỏ lập trường xã hội. Nhưng nghĩ lại thì cũng không nên trách ông. Vì chẳng những đảng xã hội, ngay đảng cộng sản pháp đã từng tham chánh mà vẫn không ngăn cản được chánh sách dùng sức mạnh ở Việt Nam».

Vâng, không nên trách Moutet. Nhà cầm quyền nước nào cũng vậy.

Khi Ngô Đình Diệm lên cầm quyền, tôi đã mừng rằng chính phủ thực dân không còn, chiến tranh cũng đã ngưng, thì cái việc kiểm duyệt nếu chưa bãi bỏ hẳn được, chắc cũng không còn khắt khe như trước.

Nhưng ngược hẳn lại: người ta đã chẳng cởi ra mà mỗi ngày mỗi thắt chặt hơn. Cái thời mà chế độ họ Ngô rung rinh cũng chính là thời bộ Thông Tin thắt thêm một vòng rất gắt. giấy phép

kiểm duyệt chỉ có giá trị trong ba tháng, quá hạn phải xin triển hạn.

Sau cuộc «cách mạng» 1-11-1963 bộ Thông Tin bị dân chúng đập phá sơ sơ đề cảnh cáo, tôi lại hi hửng tưởng đã «cách mạng» rồi thì tất sẽ «cách» luôn cái việc kiểm duyệt, nhưng tôi cũng lui hất vọng: người ta chỉ «cách cái mạng» của ba anh em nhà Ngô thôi, còn chính sách kiểm duyệt cỏi được mấy tháng rồi lại như cũ; vậy là họ Ngô không đáng sống, nhưng đường lối của họ Ngô vẫn đáng theo.

Trong mười mấy năm đó, trải bốn năm triều, tôi hân hạnh được quen bốn năm ông lãnh những trách nhiệm quan trọng ở bộ Thông tin. Khi chưa năm quen, các vị đó đều đã viết lách ít nhiều và vị nào cũng có những tư tưởng tự do, chống chế độ kiểm duyệt; nhưng có quyền trong tay rồi, chỉ trừ mỗi một vị, còn bao nhiêu có lẽ vì bận việc quá, đều cứ «tuồng cũ diễn lại». Một vị khi «ở ngoài» đã tính dịch truyện *Bất phân thắng bại* của Steinbeck mà khi «vô» rồi, lại «bác» truyện ngắn *Một cuộc ráp* cũng của Steinbeck, nội dung so với *Bất phân thắng bại* còn ôn hòa hơn nhiều.

Và tôi rút được những kinh nghiệm này:

— Các thời đó cơ quan kiểm duyệt đối với nhà báo nhà văn nhiều khi có vẻ như các thầy cảnh sát đối với bọn trộm cướp, một đảng cố rình, một đảng thì tìm cách lẩn. Một vị giám đốc nào đó đã chẳng có lần tự hào mà tuyên bố rằng lật lây được các mảnh khoé tránh đòn kiểm duyệt của các nhà báo đấy ư?

— Tình hình càng đen tối, chính quyền càng lung lay thì càng gắt gao trong việc kiểm duyệt,

— một người dù có thành tâm thiện chí tới mấy, khi cầm quyền rồi cũng tự nhiên thay đổi hẳn lập trường; ta đừng ngây thơ mà nhắc tới chủ trương cùng lời hứa của họ trước kia, họ chỉ thêm bức mình mà còn thắt chặt hơn nữa chứ chẳng cởi mở cho đâu.

— Một người cầm bút muốn khỏi tự phản bội mình, thì đừng nên bước vào chính quyền, vì vô rồi, chỉ hôm trước hôm sau mặt của mình sẽ thay đổi hẳn, chính mình cũng không nhận ra được mình nữa. Y như con kì nhông vậy, đổi màu rất mau.

Di nhiên, tôi nói đó là nói chung, bao giờ cũng có biệt lệ, những biệt lệ bao giờ cũng rất hiếm, chính vì nó là biệt lệ.

Từ khi Đế nhị Cộng Hòa thành lập rồi Tân Hiến Pháp được công bố, tôi lại có chút hy vọng thế nào chẳng có thay đổi, không nhiều thì ít? Hai viện, Thượng và Hạ đều có Ủy ban Văn hóa, văn đề tất phải đem ra bàn. Và tôi kiên nhẫn đợi.

Lần này không đến nỗi thất vọng hẳn. Ít nhất cũng đã bãi bỏ sự kiểm duyệt báo hàng ngày. Trên báo thỉnh thoảng còn những đoạn bỏ trắng làm cho tôi hơi thắc mắc ở điểm sao nhà báo không tự kiểm duyệt trước khi sắp chữ, đề đồ chĩ, lên khuôn rồi mới đục. Nhưng dù sao như vậy cũng là chính quyền và nhân dân hiểu nhau, biết hợp tác với nhau, một bên khỏi phải đóng cái vai cố rình, một bên khỏi phải tìm cách tránh né. Những tờ báo nào không biết tự kiểm duyệt mà có bị tạm ngưng và đưa ra tòa thì đã có công lí. Và nếu áp dụng luật lệ thì rồi đây nếu nhà báo thắng kiện chính phủ sẽ phải bồi thường. Thực là công bằng. Trách nhiệm cuối cùng về Bộ Tư Pháp chứ

không về Bộ Thông Tin nữa. Có tự do ngôn luận tới mức nào sẽ tùy thuộc các vị thẩm phán.

Nhưng về sách thì tới nay vẫn chưa có gì thay đổi cả.

Gần Tết năm ngoái, trong một cuộc tiếp tân văn hóa tại dinh Độc Lập, một số nhà văn ngỏ ý xin bãi bỏ kiểm duyệt. Tổng thống tuy không hứa bao giờ sẽ bãi bỏ, nhưng chấp nhận nguyên tắc.

Năm lấy cơ hội đó, khoảng hai mươi ngày sau, ngày 5-3-69, một trăm nhà văn ở Sài Gòn cùng kí một kiến nghị yêu cầu chính phủ bãi bỏ chế độ kiểm duyệt về ngành xuất bản. Chưa bao giờ các nhà văn mà đoàn kết với nhau được như vậy, quyết định và hành động mau lẹ như vậy. Đó là hạn chế ở số 100, chứ nếu muốn có 200, 300 chữ kí thì cũng dễ. Vì từ mấy chục năm nay nhà văn nào mà chẳng mỗi mắt trông chờ cái ngày bãi bỏ kiểm duyệt.

Kiến nghị gửi đi tới nay đã sáu tháng, đã không thấy hồi âm mà lại gây nên một vụ sôi nổi, vụ nhà văn Võ Phiến bị Bộ lột chức Chánh sự vụ vì đã dám kí tên trong kiến nghị. Ở nước ta, thời này, không việc gì quyết định mau được, ai cũng hiểu vậy, nên sáu tháng chưa phải là lâu, mà tám tháng cũng chưa trễ. Nhưng tôi nghe nói hình như Quốc hội có đem vấn đề đó ra hỏi Bộ Thông Tin, Bộ có trình cả một hồ sơ thu thập những câu văn bóng gió, mĩa mai nào đó để Quốc hội thấy không thể bãi bỏ kiểm duyệt được và Quốc hội đã « thông qua ».

Nếu lời ông bạn tôi nói đó mà đúng thì Quốc hội đã dễ bị thuyết phục quá. Bảo rằng vì có những người viết như vậy nên phải kiểm duyệt, thì sao không

nghĩ rằng vì còn kiểm duyệt nên những người đó phải viết như vậy ? Đâu là nhân, đâu là quả ? Ai mà biết chắc ? Tôi tin rằng chế độ kiểm duyệt khắt khe là nhân mà lỗi viết như vậy là quả. Bằng cớ là từ khi bãi bỏ sự kiểm duyệt báo hằng ngày, những giọng như vậy trên nhiều tờ đã bớt đi nhiều lắm, mặc dầu ngôn luận vẫn còn bị giới hạn.

Vả lại đã bãi bỏ sự kiểm duyệt báo thì tại sao không bãi bỏ sự kiểm duyệt sách ? Sách phổ biến mạnh và mau hơn báo ư ? Sách nguy hại hơn báo ư ? Cơ hồ như trái lại mới phải chứ ? Hay là nhà văn không đủ tư cách hưởng tự do ngôn luận bằng kí giả ? Nhà văn hãy còn ấu trĩ không tự lãnh trách nhiệm về tư tưởng của mình được vẫn còn cần sự chỉ bảo của chính quyền ? Lí do đó tới không sao hiểu nổi..

Một ông bạn tôi bảo có lẽ tại nếu bãi bỏ thì tổn công cho sở kiểm duyệt: khi nạp bản sở phải đọc gấp mà sách nhiều hơn báo. Lí do này lại càng không vững. Chúng ta hiện nay lại có năm sáu chục tờ báo hàng ngày, cứ kể như mỗi tờ nhân viên kiểm duyệt chỉ cần đọc ba trang thôi, mà ba trang báo ít nhất cũng bằng hai chục trang sách; vậy là mỗi ngày phải đọc từ 1000 đến 1200 trang sách, tức 5, 6 cuốn sách trung bình (200 trang) Mà số sách xuất bản mỗi năm nhiều lắm là ngàn cuốn, đại đa số, chỉ cần coi nhan đề hoặc tên tác giả là có thể cho giấy phép được rồi, chẳng cần phải đọc. Đọc làm quái những sách giáo khoa, những sách trình thám; mà những sách biên khảo mang tên Lê Ngọc Trụ, Nguyễn Duy Cần, Nguyễn Đăng Thục chẳng hạn thì tin chắc được rồi; những bản dịch tác phẩm của Sartre, Camus, Tolstoi, Maugham, Khrisnamurti, Goethe

vân vân.... cũng đọc làm chi cho mất công. Vậy thì trung bình mỗi ngày chỉ phải đọc một hay hai cuốn, đâu có nhiều 10 cuốn báo được. Lại thêm những sách tái bản nữa, tôi chắc chẳng một nhân viên nào mà đọc lại nếu tác giả không sửa chữa thêm bớt, vậy mà cũng mất công đánh h máy rồi kí đề cấp giấy phép.

Sau cùng có nhiều tới mấy đi nữa thì tuyển thêm người và phân công chứ sao lại làm một việc trái ngược với hiến pháp?

Không, suy nghĩ kĩ tôi vẫn không thấy có lí do gì để duy trì chế độ kiểm duyệt sách, nhất là chế độ đó của họ Ngô để lại.

Tôi không hiểu tại sao ông cựu bộ trưởng Tôn Thất Thiện đã bãi bỏ sự kiểm duyệt báo chí mà không liếc mắt ngó qua mẫu giấy phép xuất bản sách. Y hết thời Ngô Đình Diệm, chỉ khác có cái tên « sở Kiểm duyệt » đổi làm « sở Phối hợp Nghệ thuật ». Còn thì vẫn :

1. Giấy phép này chỉ có giá trị trong ba tháng.

2. Trong sách xuất bản, ở những nơi có chữ hay đoạn văn bị xóa bỏ, không được để khoảng trắng, hoặc in những vạch đen, dán giấy đè lên trên.

.....

Thời thực dân Pháp không có hai điều đó. Đó là sáng kiến của nhà Ngô.

Chính sách của nhà cầm quyền hoặc đường lối kiểm duyệt có thể thay đổi trong ba tháng sao ?

Từ hai năm nay vì thiếu nhân công, một cuốn sách 200 trang, in thường phải sáu tháng mới xong, thành thử mười cuốn thì 6-7 cuốn phải xin triển hạn.

Rồi việc cấm đề khoảng trắng không hiểu có lợi gì cho chính quyền không ? Đề cho người đọc sách khỏi đoán được ý tác giả trong những chỗ bỏ trắng đó ư ? Có phép thần nào mà đoán được nếu nhân viên kiểm duyệt đã cắt một cách kĩ lưỡng ? Hay là đề cho độc giả không thấy dấu vết kiểm duyệt mà tưởng rằng đã có sự « phối hợp » rất chặt chẽ về đường lối, về tinh thần giữa chính quyền và nhà văn ? Như vậy đề làm gì kia chứ ? Đề gặt dân ư ? Gặt được không ?

Giá ông Tôn Thất Thiện mà ngó tới mẫu Giấy phép thì chắc ông ta đã sửa đổi hai điều đó rồi, cũng đỡ được ít nhiều cho giới cầm bút.

Trước sau gì thì chế độ kiểm duyệt xuất bản cũng phải bãi bỏ. Quốc hội này không can thiệp thì sẽ có Quốc hội sau. Càng bãi bỏ sớm càng có lợi cho chính quyền.

Vì chính quyền lúc này đã chuẩn bị gấp đề tranh đấu về chính trị, tranh thủ nhân tâm với đối phương. Mà ai cũng biết rằng điểm nhân dân ngán nhất ở đối phương là chính sách bóp ngẹt tự do. Nay bãi bỏ kiểm duyệt, cho nhân dân quen hưởng tự do — một thứ tự do không tới mức phóng túng — thì nhân dân càng sát cánh với chính quyền chứ gì đâu ? Cho nhà văn tập nhận lấy trách nhiệm thì họ càng phải thận trọng chứ có sao đâu ? Có người nào không hiểu thì cứ thành thực ôn tồn giảng giải cho họ, một hai lần mà không sửa đổi thì đã có bộ Tư Pháp, có tòa án đấy. Chính quyền luôn luôn ở trong cái thế mạnh mà, còn ngại nỗi gì ?

Cần định rõ tiêu chuẩn duyệt xét. sau khi nạp bản : Cấm những điều nào;

về mỗi điều, đưa ra một ít thí dụ cụ thể cho nhà văn nhận định được rõ ràng, chứ chỉ đưa ra những qui tắc tổng quát thì mơ hồ quá, chẳng những nhà văn không biết đâu mà tránh và sẽ ngờ chính quyền bủa lưới quá rộng, mà ngay các nhân viên duyệt xét cũng không biết đâu mà làm việc, cứ xóa bỏ lung tung, gây ra những trường hợp quái đản như tờ *Hòa Bình* nêu trong số 21-7-69 :

Câu : « loài người ơi, đừng nhìn nhau với vẻ mặt hận thù », bôi bỏ hai chữ « hận thù »

Câu : « lửa bập bùng nung chí tự do », bôi bỏ bốn chữ « nung chí tự do ».

Câu : « mong ước sao cho nhân loại hòa bình » bôi bỏ hai chữ « hòa bình ».

Tới cái nông nổi chỉ ước mong sinh một đứa con da vàng mà người ta cũng bắt bôi bỏ hai chữ da vàng đi nữa.

Một ông bạn tôi đã có ý gom góp một số bài báo, chương sách của các bạn văn xa gần bị ti kiểm duyệt bác từ 1954 đến nay để có dịp là in thành một tập « Văn chương quốc cấm trong thời độc lập ». Sẽ là một tập tài liệu quý chẳng những về lịch sử kiểm duyệt mà còn về lịch sử chính trị ở nước mình nữa. Người đời sau đọc chắc ngỡ rằng chúng mình sống ở thời đại Tần Thủy Ho ng.

Nếu định rõ tiêu chuẩn rồi mà trong hội đồng đọc tác phẩm (sau khi nạp bản) lại có đại diện của giới nhà văn, nhà xuất bản và độc giả để cùng xét với chính quyền mỗi khi muốn cấm phát hành một cuốn nào — những đại diện đó không do chính quyền đề cử và cứ vài năm lại thay đổi — thì tôi tưởng nhà văn nào cũng sẽ hài lòng mà hợp tác với chính quyền một cách thành thực — hợp tác không nhất định là không chống đối ; nếu cần thì vẫn chống đối nhưng luôn luôn thành thực và có tinh thần xây dựng.

Dù là việc nhà, việc hăng, việc sở hay việc nước, hễ người trên đứng dẫn,

thành tâm, tìm hiểu cấp dưới thì luôn luôn có tinh thần hợp tác mà được việc. Cái bần phận mà cũng là vinh dự của người chỉ huy là tỏ thiện chí trước.

Tóm lại là phải thay đổi hẳn tinh thần, đừng rình rập để bắt lỗi rồi cấm, rồi phạt như thực dân pháp thời trước nữa, mà đối thoại với nhau giảng giải với nhau, thì nhẹ việc cho chính quyền rất nhiều, đỡ việc cho nhà xuất bản mà lại tránh được những vụ chấn động như vụ nhà văn Võ Phiến tờ *Hòa Bình* đã nêu lên mấy tháng trước.

Nhưng duyệt xét tác phẩm không phải chỉ nhằm mục đích phục vụ một chính sách có tính cách giai đoạn, mà còn phải phục vụ nhân dân nữa, tránh cái hại cho dân. Cấm lưu hành những sách khiêu dâm mà cũng nên cấm luôn cả những sách của một bọn không cy lương tâm viết bậy bạ để kiếm tiền. Mấy năm gần đây báo chí đã vạch cái nạn sách giao khoa và sách dịch đầy những lỗi không thể tha thứ được. Những sách đó in ra đã tốn ngoại tệ cho chính quyền (để mua giấy và mực) đem bán ra lại phí tiền cho những người lỡ mua phải. Rồi đây, hòa bình trở lại, từ chính quyền đến nhân dân đều phải hết sức tiết kiệm để kiến thiết, những loại sách đó nhất định phải cấm. Muốn cấm mà khỏi mang tiếng là độc tài, người viết và người xuất bản không thể phản rân được thì trong hội đồng đọc sách phải có đại diện của giới nhà văn, giới xuất bản và giới độc giả, như trên tôi đã đề nghị, dĩ nhiên những đại diện đó phải là người có uy tín do mỗi giới đề cử.

Tôi rất mong Quốc hội và Bộ Thông Tin giải quyết cho xong vấn đề kiểm duyệt trước cuối năm để nếu có một cuộc tiếp tân tại dinh Độc Lập như năm ngoái, vấn đề khỏi trở lại trong câu chuyện nữa. Chúng ta thử làm một cái gì khác Cộng sản khác Tư bản tây phương xem nào.

Sàigon ngày 5-8-1969.

NGUYỄN HIẾN LÊ



Nhức đầu
• Nhóng
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ

KN số 1211/BYT/QCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY :

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Ba đợt văn minh

Sau Phục-Hi thì nói đến Hoàng-Đế mà không nhắc tới Nữ-Oa. Và đây là một chỗ tế nhị cần ý tứ rất nhiều. Hoàng-Đế có hai biểu hiệu là Hữu-Hùng (thuộc sơn bản) hai là Hiên Viên (thuộc nơi sanh). Ông vừa là tù trưởng của Hoa tộc đã vào chiếm đóng đất đai của Viêm tộc, đề mở đầu cho giai đoạn là Ngũ-đế, sau lại được Hoa tộc tôn phong lên bậc Hoàng, kiêm luôn chức Đế và gọi là Hoàng-Đế. Xưa rầy các nhà sử không chú ý mấy tới chữ Hoàng và Đế nhưng nó có sự quan trọng giúp chúng ta chứng kiến một sự gặp gỡ giữa hai nền văn-minh: Hoàng thuộc văn-minh mẹ (Nữ Oa) của Viêm tộc ưa văn. Đế thuộc văn-minh cha của Hoa tộc ưa võ. Và như thế thì ban đầu Hiên Viên chỉ là Đế thuộc Hoa tộc. Đế có nghĩa là chinh phục. Đây là chinh phục văn-minh Viêm tộc. Và vì thế khi tự xưng là Hoàng-Đế thì Hiên Viên đã mở đầu một nền văn minh tổng hợp cả Hoàng lẫn Đế. Trong nền văn minh mới này quyền bính chuyển từ mẹ sang cha. Một lưu truyền nói bà Nữ-Oa lập ra phép hôn phối và chế ra một thứ đàn gọi là sinh. Ta có thể hiểu là thời ấy đã khởi đầu có ước định sơ sài về hôn phối, âm nhạc... một thứ văn minh đầy ắp tình người rất gần với bản năng và tiềm thức nên gọi là Nữ Oa đề chỉ cái gì còn ọa trừ ọa tàng, chưa minh

nhien như về sau. Từ Nữ Oa sang Thần Nông rồi đến Hoàng-Đế là cả một khúc quanh lịch sử từ giai đoạn Tân Thạch chuyển sang giai đoạn đồ đồng; từ quyền mẹ chuyển sang quyền cha. Tuy nhiên sự chuyển mình này không rõ rệt dứt khoát vì hai khuynh hướng còn giằng co lâu dài và thay đổi nhau lên xuống! Nhưng nói chung thì mẹ nhường dần cho cha, tức Viêm tộc nhường bước cho Hoa tộc, vì thế nhiều sách không kể đến Nữ Oa nữa, mà chỉ kể đến Hoàng-Đế liền sau Phục-Hi và phong Hiên Viên lên bậc Hoàng, tức được dự phần nào văn minh của Viêm tộc. Tác giả thiên Hệ Từ cũng tham dự tinh thần tổng hợp này nên đã nói cho « ai có tai » thì hiểu rằng: Hiên Viên đã ăn tự nền văn-hóa Viêm tộc mà biến đổi đời sống, đó là lấy biến thông làm đầu, tức từ Võ Biền đời sang lối ngồi vô vi (Thùy y thường) mà thiên hạ trị và đó là nhờ hai quả Kiền Khôn tức là hai trụ cột nền văn-minh Dịch-lý của Viêm tộc. Đây là sáng chế quan trọng bậc nhất của Hiên Viên, nó do ở sự biết thấu nhận văn minh Dịch-lý của Viêm tộc để làm cách mạng xã hội, từ vô trị chuyển sang văn trị nên nói « thần nhi hóa chi, sử dân nghi chi ». Có lẽ đó là điều Viêm tộc đã gởi vào những truyền thuyết nói rằng Hoàng-Đế phải đánh Thần Nông bằng khí giới mới được lên làm vua (S M.t.I. 12). Nhưng đối với Tam Miêu con cháu

Thần Nông thì phải dùng nhạc và vũ, nhất là những bài vũ của Si-Vưu của Tam Miêu. (Danses 262. 214).

Có lẽ tinh thần thích nghi với văn minh Việt tộc này được gửi trong những chữ «nghi» (sử dân nghi chi) Đế Lai con Đế nghi sanh ở mạn Bắc đi xuống phương Nam (lai) lấy vợ và ở lại với vợ (Đế nghi) tức là thích nghi với Văn hóa đang vợ : văn hóa gốc Mẹ.

Về 8 sáng chế sau của Hoàng Đế chỉ là tùy phụ, có tính cách văn minh hơn là văn hóa, trừ có việc lập ra văn tự, tuy nhiên cũng gọi được là nối tiếp xây đắp nền văn hóa đức trị đã khởi đầu từ Phục-Hi và Thần Nông vì có lưu truyền cho rằng chữ viết khởi đầu do ngấm vết chân chim : nếu vậy thì đời Phục-Hi chữ viết đã mạnh nha vì đã biết « quan điều thú chi giao ». Civ 47, 48. Và Hoàng Đế chỉ là đẩy xa hơn, mà hầu chắc lại cũng do người Việt mà hiệu là Thương Hiệt. Thương là kho lúa (nông nghiệp) còn Hiệt là bay lên cùng nghĩa với tiếng Việt, hoặc câu nói do ngấm vết chân chim « có nghĩa là nương theo chữ của Việt tộc thờ vật điều chim, nên gọi là vết chân chim ». Cương vị của Kinh Dịch là cương vị văn-hóa, chúng ta nên theo vì chỉ có phương diện đó là ơn ích cũng như có nền móng vững chắc hơn rất xa phương diện chủng tộc và chính trị. Tuy nhiên ở đây ta đang tìm hiểu nguồn gốc từng yếu-tố văn-minh nên đôi khi ta tạm đứng sang cương vị chính trị hay cả chủng tộc để làm sáng tỏ vấn đề. Trong ý hướng đó chúng ta nhìn trở lại giai đoạn giao thời từ Thần Nông sang Hoàng-Đế để tìm hiểu thêm. Kinh Dịch chỉ nói « Thần Nông thị một Hoàng-Đế thị tác »... Câu nói quá bao quát đủ cho văn-hóa nhưng chưa đủ cho

chính-trị và chủng-tộc-học. Ở trên hai bình diện này ta phải hỏi Thần-Nông mệnh một vì bệnh hay vì Hoàng-Đế sát hại, và tại sao Si-Vưu con cháu Thần-Nông lại chống đối Hoàng-Đế ? Lúc đó chúng ta sẽ nhận ra rằng theo Tư-mã-Thiên thì Hoàng-Đế đã giết Thần-Nông để đoạt chính quyền (xem S.M.t.I.13). Một lưu truyền ghi lại trong tự điển Tỉr-Nguyên nói họ Thần-Nông đời thứ 8 là Du Vồng bạo ngược bị Hoàng-Đế đánh bại ở Bản Tuyền. Rồi vì đó mà Si-Vưu là dòng dõi Thần-Nông tuy đông các bộ lạc (cửu lê) đứng lên chống Hề Viên xâm lăng. Chính sử quen gọi Si-Vưu là rợ, thì chúng ta nên hiểu chữ rợ theo luật « được làm vua thua làm rợ », và như thế chúng ta sẽ tìm ra được ý nghĩa nhiều câu khác. Thí dụ việc nhiều sách qui công sáng chế mọi ngành kỹ thuật như đủ đồng... cho Hoàng-Đế thì thực ra là Hoàng-Đế đã ăn tự của « rợ » Si-Vưu. Vì Hoàng-Đế chiến thắng nên làm vua chiếm đất đai, cũng như chiếm luôn công khởi sáng của kẻ bại. Tuy nhiên Hoàng-Đế có công ở chỗ đã thêm vào gia-sản của kẻ bại bằng cách đưa đến độ hơn bị hơn. Thí-dụ Si-Vưu mới phát minh ra việc đúc đồng và làm khí pìrời (Maspéro 26) thì Hoàng-Đế ăn tự hai việc đó và tiếp tục cho ngày thêm tinh xảo. Cả về văn hóa cũng phải hiểu theo lối đó mới đợi được ít tia sáng vào những câu nói hàm hồ thí dụ trong sách Quản-tử chương 16 rằng « tích giả Hoàng-Đế đắc Si-Vưu nhi minh ư thiên đạo » câu nói hàm hồ vì chữ đắc không có nghĩa là thắng nhưng là được, và chữ « minh ư thiên đạo » có nghĩa là sáng lên về đạo trời, hay là hiểu được đạo trời, cắt nghĩa bằng nào cũng được. Tuy nhiên theo cái nhìn trên kia thì phải hiểu rằng

Hoàng-Đế vì được tiếp cận với nền văn minh của Si-Vuru nên đã hiểu rõ thêm được đạo trời. Bởi vì có truyền thuyết coi Si-Vuru như phụ trách lịch, mà lịch thuộc thời-gian, nên gọi là thời Si-Vuru coi về trời, Cộng Công coi về đất. Bởi thế mới nói « đặc Si-Vuru nhi minh ư thiên đạo », và nếu Hoàng Đế có công nào đó thì là công đồ khuôn, tức là nhờ thắng về quân sự nên nắm quyền hành, nắm được phương tiện đồ khuôn cho nội dung văn minh nông-nghiệp tức là làm cho ý-thức được mở thêm về giá trị của văn-minh Viêm tộc mà phần lớn còn nằm trong vùng tiềm thức. Nói cách khác, Viêm tộc mới là đợt sống nhiều khi chưa ý-thức đủ vì quá quen thuộc. Nay nhờ có Hoàng Đế thu c văn-minh du-mục, mới ở phía Tây đến, nên nhìn vào nền văn-minh nông nghiệp với con mắt lạ lẫm thăm hỏi tra xét nên nhận ra được nhiều khía cạnh mới một cách rõ hơn và do đấy phát kiến ra dạng thức đề lên khuôn cái nội dung lúc trước còn lơ mờ; nhờ đó có thể nâng văn-hóa Viêm tộc lên đợt ý-thức cao hơn trước.

Đây là một diễn biến theo luật tổng quát. Xét về văn-hóa, người Aryen kém dân bản thổ Dravidien (được chứng tỏ trong di tích đào được ở Mohenzo-Daro, nhưng lại hơn về sức mạnh, về văn minh, nên đã đồ khuôn cho văn-hóa Dravidien. Nếu chỉ có văn-minh Aryen thì kinh Véda đã chết lịm trong mớ dị đoan thần thoại, nhưng nhờ văn-hóa Dravidien mà Véda đã đủ sức tự tôn-giáo chuyển sang triết-lý Vedanta nhờ những khuôn là các kinh Upanisades. Cũng thế, phải có văn-minh lý trí giàu tính cách xoi mói của Hoàng-Đế, đại diện văn-minh du mục y cứ trên vũ-lực, thì văn-hóa tình-cảm nhân-trị của nông-nghiệp mới nhô

thêm lên chân trời ý thức và mặc những hình thái rõ rệt, thí dụ các thề-chế mới mở rộng hơn: xưa là bộ lạc nay là quốc gia. Xưa nay phần lý vì là minh bạch nên hay thắng phần tình vì quá âm u, đó là văn thắng *chất*. Hoàng Đế thắng Si Vuru trong keo đấu: đó là giai đoạn lý thắng tình, giai đoạn nổi về văn-minh hiểu là có tổ chức chu đáo hơn. Nhưng vì tình mạnh hơn lý nên tình thua đề rồi tầm nhuận lại văn-hóa Hoa tộc. Hoàng-Đế thắng Si-Vuru nhưng thắng đề rồi bị thua, hay đúng hơn đề được tầm nhuận bởi tình thần Si-Vuru: thắng ở chỗ làm chủ nhân tình hình, ở chỗ đồ khuôn, đưa ra dạng thức, nhưng thua ở chỗ phải nhận nội dung của kẻ chiến bại. Nói đúng hơn thì không phải thắng với bại mà là hai chủng-tộc Hoa Viêm cùng chung sức xây đắp một nền văn-hóa mới, trong đó thì nội dung phần lớn của Viêm tộc nông nghiệp mà ta có thể gọi là giai đoạn *"tại thiên thành tượng"*, Tượng thì lơ mờ thấp thoáng nên cần bước thêm một bước nữa là *"tại địa thành hình"*. Hình là hiện lên hình tích rõ rệt trong những dạng-thức công cộng và đó là công của Hoàng-Đế, của Hoa tộc du mục, rồi cả hai dân tộc được tô tạo trong nền văn-hóa tổng hợp ấy nên lâu ngày trở thành đồng-hóa mà đồng-hóa có nghĩa là *Viêm-hóa* vì tuy danh xưng thì kêu là Hoa và sau này là Hán đi nữa, nhưng về nội dung thì đã thành Viêm-tộc, tức thấm nhuần văn-hóa nông nghiệp và do lẽ đó sẽ bị những làn sóng « Hoa tộc » mới chính cống hiệu du mục tràn vào đề mở đợt chinh phục mới khác. Sau Hoàng-Đế du mục thì đến Nghiêu Thuấn, Hạ Thương đều nông nghiệp, chính vì thế sẽ bị nhà Chu du mục diệt.

Nhà Chu được nhắc nhở tới nhiều vì

hai lý do trước hết là nhờ đã thấm nhuần được văn minh nhà Thương nông nghiệp, nên mang dòng máu cả hai nền văn minh du-mục lẫn nông-nghiệp. Nhờ đó đã lật đổ được nhà Thương để kiến tạo nên đợt khác của văn minh mới cao hơn nhà Thương. Nhà Thương tuy đã nông nghiệp nhưng tính chất tôn giáo (yếu tố Tây-Bắc) còn rất sâu đậm. Đến nhà Chu thì đã tiến dần sang lễ nghĩa qui chiếu vào con người. Nhờ đó văn hóa nhà Chu cao hơn nhà Thương. Thế rồi vì định cư lâu ngày nên nhà Chu dần dần hết sinh khí đâm ra sa đọa ở thời Xuân Thu và tan rã ở thời Chiến Quốc để chấm dứt giai đoạn Tam đại. Tam đại gồm cả ba nhà Hạ, Thương, Chu là giai đoạn thứ hai mà tính chất là liên bang (chư hầu) đã ổn định: nó khởi đầu tự Hoàng-Đế, và thịnh đạt ở thời Hạ, Thương và nhất là Chu. Vì thế nhà Chu được nhắc nhở tới nhiều như tận cùng của một sự dồn đúc hai nền văn-minh *tinh* Viêm-tộc với lý Hoa-tộc, và cũng là như tận cùng của giai đoạn *Vương*, phải nhường lại cho nhà Tần du mục danh dự khai mào đợt văn hóa thứ ba là *Đế*.

Khi Tần-Thủy-Hoàng thôn tóm được cả 6 nước mạn Đông rồi lập thành đế quốc, thì muốn tìm một danh hiệu kiêm được cả tính chất Tam Hoàng lẫn Ngũ Đế và vì thế đã nhận danh hiệu Hoàng-Đế (Civ. 41) gọi là Tần-Thủy-Hoàng-Đế, chữ Thủy là mở đầu nó bao hàm sự chối bỏ trước hiệu Hoàng-Đế của Hề Viên. Sự thực Hề Viên chưa xứng là Hoàng mà mới là Đế để mở đầu Ngũ đế Tần Hoàng rồi cũng chỉ là Tần Đế, nhưng đây là truyện về sau, chứ lúc ban đầu khi lựa chọn danh hiệu là vô tình mà Tần Hoàng đã chọn một danh hiệu hay nhất nói lên ý hướng muốn chung đúc hai nền văn-minh của Viêm tộc (Tam Hoàng) và Hoa tộc (Ngũ

Đế). Tôi nói vô tình theo nghĩa từ tiềm thức, vì như trên đã nói, nước Tần dựng nên do Viêm tộc, nên thuộc văn minh Tam Hoàng, tuy nhiên vì sống trong môi trường du mục nên mang nặng tính chất du mục: thiên về uy lực và hình luật, do đó mà gọi là Đế, và Đế đã thắng Hoàng. Nếu Tần Hoàng đã lấy và theo đúng danh hiệu Hoàng-Vương thì có lẽ đã không bị nhà Hán chiếm mất ngôi để sửa lại chỗ quá đáng của Tần Hoàng-Đế. Tần-Hoàng tuy thuộc Viêm tộc nhưng đã đồng-hóa với vương triều nên đã đế-hóa trọn vẹn, vì thế lại bị Lưu-Bang cũng chiêu mộ quân lính từ vùng Giang-tô, Chiết-giang (Cối kê) khởi lên chống lại xâm lăng lập ra nhà Hán. Nhà Hán gốc từ áo vải mà lên, nên nếu không thuộc dòng máu Viêm tộc thì ít ra cũng đại diện cho tiếng nói của Viêm-tộc đáng lẽ phải như thế. Nhưng cho tới đây thì không còn vấn đề chủng tộc giữa Viêm tộc và Hoa tộc nữa mà trái lại nó đã chuyển sang địa hạt khác là giữa vương triều và bần dân, rồi sau là giữa thị dân và thôn-dân. Bởi vì qui tộc kế tập dính liền với Hoa tộc đã bị Tần Hoàng phá vỡ bằng cách đưa các vương công hầu tước về sống ở các thành phố và nhất là kinh đô để coi chừng; còn công chức thì ban phát ra toàn dân nghĩa là được tuyển từ theo công, của, tài, đức. Xét về mặt này, Tần Hoàng đã có công hiện-thực điều mà Viêm tộc đã cố võ được thấy rõ nhất qua lời Khổng-Tử. Nhưng Tần Hoàng đã phản bội Viêm tộc khi giữ nguyên tính chất Đế của Hoa tộc trước, khác chẳng là chuyển sang cho Vương triều, cho thị dân. Vì thế vẫn là phản bội Viêm tộc xét như là dân tộc và do đó đã bị nhà Hán lật đổ.

Nhà Hán lật đổ Tần Hoàng mặc nhiên nhận danh Viêm tộc lúc này đã trở thành dân tộc, nhưng rồi nhà Hán lại phản bội dân tộc bằng cách duy trì tính

cách đối chọi giữa thị dân và thôn dân mà không hiện thực được lý tưởng cho toàn dân, và do đó chúng ta gọi giai đoạn mới này là Hán Nho, trong đó chất Đế bằng chất Hoàng, nói khác là chất pháp-trị nổi vượt hơn chất nhơn-trị và từ đây thì đã đặt xong nền tảng đối chọi giữa pháp-trị và nhơn trị thay cho cặp đôi Hoa tộc và Viêm tộc. Vì Tần Hoàng cũng như nhà Hán đã từ Viêm tộc nhảy sang phe Vương triều (tự nay thay hẳn cho ý thức Hoa tộc), sau này chỉ còn ý thức Viêm tộc và Hoa tộc ở các đợt chiếm cứ về sau như đợt Dương-Tử rồi tới đợt Việt-Giang nhưng không bao giờ trở thành chủ nghĩa kỳ-thị chủng-tộc như bên Âu hay Ấn, vì yếu tố Viêm tộc quá mạnh cả về văn-hóa (đã đặt nền móng) và về nhân số. Một học giả Trung-Hoa nói với ông Hoàng văn Nội rằng người Trung-Hoa nay đến phân nửa là Viêm tộc, còn Hồi tộc (gồm cả Mãn, Mông, Tạng) lối go phần trăm Tôi cho là câu nói đó rất đáng chú ý vì nếu căn cứ trên màu tóc đen (lê dân), mà Hoa tộc gọi Viêm tộc lúc đầu, thì nay "lê dân" đã tràn ngập hầu hết. Sở dĩ Viêm tộc đã không quật khởi dành lại quyền độc lập là vì trận tuyến đã chuyển từ chủng tộc sang địa hạt vua và dân nên mỗi lần có cuộc lật đổ một Vương-triều là mỗi lần đều do Viêm tộc khởi xướng. Nhà Tần cũng như nhà Hán và sau này nhà Minh v.v... thấy đều do Viêm tộc nhưng đã không còn vấn đề chủng tộc mà chỉ còn là vấn đề đạo với vô đạo. Hữu đạo là đi với dân, mà hiểu về xa xưa là đi

với Viêm-tộc, ngược lại là vô đạo. Cần chú trọng điểm này để tránh sự đồng hóa Nho giáo với Hoa tộc mà quên rằng Nho giáo là công đầu lớn của cả Viêm tộc tức Việt tộc nữa, mà công đầu là căn bản hơn hết. Vì không chú ý điểm này nên nhiều người đã vô ý chuyển lòng căm phẫn vương triều sang bên Hoa tộc mà quên rằng Hoa tộc hiện nay phần lớn thuộc dòng máu Viêm tộc. Cho nên khi lẫn lộn cương-vị chính-trị với văn-hóa là chúng ta hờn oán chính nền văn-hóa của chúng ta và anh em Viêm tộc chúng ta còn ở lại trong giải đất Trung-Hoa. Tuy nhiên đó là điều ít được chú tâm vì lớp sóng Hoa tộc (hiều là óc đế quốc) lại cứ lâu lâu được canh tân nối tiếp trong các đời sau từ Tây Bắc tràn vào như Hung-Nô đời Hán, rợ Tiên-Ti, rợ Chi, rợ Khương đời Tần, rợ Đột Quyết, đời Tùy, rợ Khiết đan, Hồi hột, Sa-Đà đời Đường, rồi Kim, Nguyên, Thanh. ..

Đó là bấy nhiêu đợt sóng bá đạo tràn vào uy kiếp nền Vương đạo của Viêm tộc. Điều đáng ngạc nhiên là nền Vương đạo đó đã không bị tiêu trầm nhưng vẫn trường tồn cho tới tận nay để đem lại cho nền văn-hóa Viễn-Đông một nét đặc trưng mà chúng ta sẽ tìm hiểu thêm trong các chương sau.

Bây giờ để tóm tắt ta hãy xác định phần nào khuôn mặt của các đợt sóng văn minh tràn lên rồi để lắng xuống những lớp phù xa ảnh hưởng. Người xưa đã muốn phân biệt bằng những chữ Tam Hoàng, Ngũ - Đế, Tam

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỐ C

Neurotonic

KH. 785/BTT/QCDP/16.4.40

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Vương, Ngũ Bá v. v.. thì đó chỉ là cách nói co dãn theo huyền sử, nếu hiểu theo lịch sử thì không đúng. Thí-dụ : Tam Hoàng có thể là 6 khi kể cả Toại nhơn, Hữu Sào, Nữ Oa ; Ngũ Đế có thể là thất đế khi kể cả Hoàng - Đế, Chuyên Húc, Đế chí, Nghiêu Đế, Thuấn đế .. Tam Vương cũng không hẳn là tam mà có thể bao gồm Nghiêu Thuấn vào giai đoạn này mới đúng và lúc ấy gọi là thời Vương đạo gồm Nghiêu Thuấn là thời lập đức, nhà Hạ, Thương là thời lập công, còn nhà Châu là thời lập ngôn ở tại việc giàn hòa hai chiều văn-hóa Hoàng-trời (tam hoàng) với Đế-dất (ngũ đế) làm thành Vương - Đạo là thời quân bình nhất, rồi sau đó Vương đạo suy dần ở những đời sau mà khởi đầu là Ngũ bá. Ngũ bá cũng không hẳn là ngũ vì sau Tề, Tấn, Tống, Tần, Sở còn có Ngõ rồi Việt. Vậy nên những đợt Tam Hoàng, Ngũ-đế, Tam đại... chỉ nên hiểu là những đợt văn-hóa mà ta có thể xác định hơn kém bằng thời gian và khu vực như sau. Giai đoạn trước hết là Viêm tộc xuất hiện đầu tiên trên toàn lãnh thổ Trung-Hoa, lập ra một nền văn-minh mà ta có thể gọi là Hoàng-Đạo của Viêm Việt, với thể-chế thị-tộc (Mẹ làm chủ nên gọi là thị) rồi bộ-lạc và một đôi nơi đã khởi sự bước vào thể chế quốc-gia. Thí dụ họ Hồng-Bàng lập ra nước Xích-Quì, Văn lang.

Giai đoạn thứ hai Hoa-tộc từ Tây-Bắc vào chiếm 6 tỉnh mạn Bắc thuộc Hoàng - Hà rồi nương theo thể liên-bang của Viêm-tộc mới mạnh nhà,

đề hoàn thành dưới hình thái chư hầu và phong kiến tức một thứ liên-bang nhưng kém phần dân chủ và công thể của Viêm tộc chính tông. Bởi đó về triết lý thì giai đoạn này kêu được là Vương đạo, một thứ triết lý mà chất Viêm Việt nổi hơn chất Hoa tộc, và tôi gọi là Việt Nho.

Giai đoạn ba là mở rộng ảnh hưởng Hoa tộc xuống mạn Nam thuộc vùng Dương-Tử-Giang lập thành nước Kinh Sở. Tiên tổ Lạc Việt bị tiêu diệt từ đây. Thời này về triết không có gì đặc sắc mà chỉ là tiếp nối Vương đạo. Nhưng vì đất của Viêm tộc bị rút hẹp thì ảnh hưởng trong triết cũng suy yếu theo.

Giai đoạn thứ bốn Hoa tộc chiếm thêm ba tỉnh cửa sông Dương-tử thuộc hai nước Ngô Việt và cuối cùng chiếm luôn cả Lương Việt (Quảng Đông, Quảng Tây) và Bắc Việt là mảnh đất trú chân cuối cùng của Việt tộc đại diện cho toàn thể gia-đình Viêm Việt. Theo đà ấy triết bước vào giai đoạn Đế-Đạo cũng gọi được là Bá-Đạo hay Hán Nho và truyền lại cho tới nay.

Riêng về nước Việt-Nam xét như là mảnh đất nương thân cuối cùng của tinh thần Viêm tộc đã trải qua một quá trình tranh đấu để cuối cùng dành lại nền độc lập trên một giải đất nhỏ để duy trì những đại diện chính thức cho Viêm tộc cũng như cho Bách-Việt, nói khác là đại diện nền văn-hóa nông nghiệp khi mới manh nha cũng như cho giai đoạn Kinh điển tựu thành tức giai đoạn nông cốt của nền văn-hóa Việt-Hoa.

KIM ĐỊNH

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Đào tạo ký-giả

tại các quốc gia kém mở mang

Đào tạo ký giả là một công việc mới mẻ đối với Việt-Nam, nhưng lại là một việc đã xảy ra cách đây một thế kỷ đối với nước Mỹ. Năm 1869, đã có trường dạy báo chí thuộc tiểu bang Virginie tại Đại học Washington College do đại tướng Lee làm Viện trưởng. Ngay ở Ai Cập trường báo chí cấp Đại-học cũng đã được mở tại Le Caire năm 1937 với hình thức trường báo chí hiện tại. Tại Ấn-độ trường báo chí có từ năm 1939 tại Đại học Musulmane d'Aligarth. Ngày nay hầu như tất cả các nước tiền tiến đều có trường dạy làm báo. Công việc trên cũng đang được phát triển tại các quốc gia chậm tiến Á-Phi.

Trung tâm báo chí tại Le Caire (cho Châu Phi) và tại Mã Lai (cho Đông Nam Á) là những hợp tác của các quốc gia Á-Phi và cơ quan UNESCO trong việc đào tạo ký giả.

Nhiều tác giả đã đề cập tới vấn đề giảng dạy báo chí tại các quốc gia thiếu mở mang. Nhưng hãy còn thừa thớt. Tất cả vấn đề này chỉ được đưa ra một cách hết sức sơ lược trong khuôn khổ bàn luận về công cuộc phát triển thông tin tại các quốc gia chậm tiến. Cho tới năm 1960, một cuộc hội thảo báo chí quan trọng đã được tổ chức tại Trung-tâm Cao-đẳng Báo-chí Quốc-tế Strasbourg (Centre International

d'enseignement supérieur du journalisme). Đại biểu nhiều quốc gia chậm tiến đã tham dự và phát biểu ý kiến. Trong đó những vấn đề riêng về đào tạo ký giả được bàn luận.

Trong giai đoạn gần đây, việc mở các trường dạy báo chí ở Đại-học tại Việt Nam cũng đã được thực hiện. Trong năm 1967, lớp báo chí đầu tiên tại Đại-học thuộc Viện Đại học Đà-lat đã được khai giảng. Viện Đại học Vạn Hạnh cũng đã giảng dạy về báo chí và cách đây hai năm, Trường Đại học Văn khoa Sài-gòn đã dự định mở chứng chỉ báo chí. Tất cả những biến cố đó khiến cho chúng tôi nghĩ cần phải nêu lên vấn đề giảng dạy về báo chí tại các quốc gia kém mở mang.

Trước khi đi sâu vào vấn đề, chúng tôi cũng cần thừa rằng hầu như ngày nay nhiều người không còn bàn cãi về vấn đề « có cần đào tạo ký giả hay không ? » Vấn đề này thường thấy xuất hiện tại các quốc gia mới mở lớp đào tạo. Một số ký giả lão thành bước chân vào nghề báo không cần qua một lớp huấn luyện nào, thường tỏ ý khinh thị các lớp đào tạo ký giả.

Vì bị thành-kiến bởi những danh từ « trường dạy làm báo », họ có ý nghi ngờ một sự học nghề bằng trường học, thực ra

« lớp đào tạo ký giả » cũng là một cách giúp cho những người làm báo học nghề. Các ký giả lão thành nếu không qua trường dạy làm báo, cũng phải tự học nghề. Vậy thì học nghề là một điều cần thiết. Học nghề bằng cách nào : tại tòa báo, tại trường chuyên nghiệp hay tại đại-học ? Những phương thức đó đều được áp dụng ở nhiều quốc gia khác nhau.

Chỉ có thể đồng ý hay không đồng ý về phương thức đào tạo, chứ không thể « không đồng ý về việc đào tạo ký giả ». Kinh nghiệm cho biết, tại các quốc gia tiến tiến cũng như hậu tiến, các ký giả được đào tạo bằng đường lối trường học đều tỏ ra phục vụ đắc lực tại các tòa báo.

Cũng cần nói thêm là chúng tôi đã nhìn vấn đề đào tạo tại các quốc gia chậm tiến chỉ trong khuôn khổ quốc gia mà thôi.

Tất nhiên một tiêu chuẩn ký giả

quốc tế là một tiêu chuẩn tốt đẹp nhất, mà mọi ký giả và mọi cộng đồng cùng mong muốn đạt tới. Nhưng thực sự một ký giả hữu hiệu nhất là một ký giả đáp ứng với nhu cầu của chính sách quốc gia.

Những người này sẽ thăng tiến cùng với đa phát triển quốc gia. Và các lớp đào tạo cũng phải thay đổi theo đa phát triển đó. Quan điểm này đã không còn là quan điểm mới mẻ, nó giống như bất cứ quan điểm nào trong mọi phát triển thuộc lãnh vực khác : giáo dục kinh tế, văn hóa v.v. Quan niệm trên cần được xác định rõ rệt để khỏi có những bàn cãi đáng tiếc về tiêu chuẩn đào tạo.

Đề tiện cho việc khảo sát, bài này chia ra làm ba phần : đào tạo ký giả trong khuôn khổ phát triển quốc gia, tiêu chuẩn đào tạo, và phương thức đào tạo.

ĐÀO TẠO KÝ GIẢ VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

Có hai vấn đề được nêu lên. Vấn đề thứ nhất không mấy mới mẻ. Đó là : *Đào tạo ký giả liệu có làm phát triển được ngành thông tin báo chí, nằm trong khuôn khổ phát triển quốc gia hay không ?*

Hầu như các chuyên gia về thông tin báo chí đã trả lời về vấn đề này hết sức rõ ràng.

Một nền báo chí tân tiến do rất nhiều yếu tố tạo thành.

Yếu tố xã hội như trình độ văn hóa độc giả cao, số người biết chữ đông và nghề báo được tôn trọng. Số người biết chữ đông, đọc báo nhiều làm báo chí bán chạy, và do đó báo chí mới có đủ

phương tiện để phục vụ độc giả. Trình độ văn hóa của độc giả cao, khiến những người cầm bút ý thức được trách nhiệm của mình và viết những bài xứng đáng hơn cho độc giả. Nghề báo được tôn trọng sẽ khiến thanh niên chọn nghề này nhiều. Yếu tố kinh tế như : sự tập trung dân số, phát triển đường giao thông, kỹ thuật tân tiến, mức sống dân chúng cao. Sự tập trung dân chúng tại các xã hội kỹ nghệ hoá, do nhu cầu cần công nhân, làm lợi cho những người này ; họ được giáo dục nhiều và được hưởng những tiện nghi của thành phố. Sự phát triển giao thông khiến báo chí có thể tới được những vùng

hào lánh nhất Kỹ thuật báo chí tân tiến đã làm báo chí bước từ địa hạt tiểu công nghệ sang kỹ nghệ. Các máy in tối tân, các phương tiện truyền tin nhanh chóng như điện tín, điện thoại, viễn ký, viễn ảnh (téléphoto) đã khiến cho báo chí phồn thịnh và trở thành đại quy mô. Một tin tức, từ khi xảy ra một tai nạn cho tới khi truyền đi khắp thế giới không đầy năm phút. Ông André Souillard trong một bài nói chuyện về Thông-tấn-xã hiện đại đã xác nhận như trên (1). Mức sống cao giúp người dân dễ dàng mua báo và đọc nhiều báo. Tất cả những điều trên đều là những lợi ích cho sự phát triển báo chí.

Yếu tố chính trị cũng vậy, nó có thể giúp cho báo chí tiến bộ hay không. Một nền chính trị coi trọng tự do báo chí làm nảy nở báo chí mau chóng. Ngược lại một chế độ độc tài sẽ bóp chết báo chí dễ dàng.

Ngoài ra yếu tố nhân sự cũng là một trong những yếu tố cần thiết. Lịch sử báo chí cho biết các nhà báo tài ba, nhiều sáng kiến, đã đóng góp rất nhiều cho việc phát triển báo chí. Samuel Tophill lập ra phòng tin tức đầu tiên trên thế giới, tại Boston. P.H. Graig dùng chim bồ câu để truyền tin. William Randolph Hearst đã thành lập ra hãng International News Service (I N S). E. W. Scripps sáng lập United Press (U P) và Reuter là người đã đặt thành cơ sở cho hãng thông tấn Reuter. Nhiều nhà báo tài ba khác tại các quốc gia tiên tiến quả thật đã đẩy mạnh việc tiến triển báo chí.

Ngoài ba yếu tố trên, sự cấu tạo lịch sử báo chí của các nước tiên tiến cũng là điều quan trọng. Tại các quốc gia này, báo chí thoát tiền ra đời do

nhu cầu tin tức về thương mại. Nhu cầu đó sau trở thành nhu cầu tin tức có tính cách tổng quát. Sự phát triển báo chí Âu Mỹ song song với việc phát triển khác tại quốc gia của họ, trong khi đó hầu như sự hiện diện đầu tiên của báo chí tại các nước chậm tiến là do ý định muốn truyền bá tư tưởng thuận lợi cho sự thống trị của thực dân đối với các quốc gia thuộc địa. Sự kiện đó khiến báo chí tại các quốc gia này trở thành mất thăng bằng. Cho dù kỹ thuật đã xuất hiện tại các quốc gia họ tương đối sớm hơn tại các quốc gia Âu Mỹ trước đây, nhưng dân họ còn mù chữ, sự biết tin tức chưa tạo thành một nhu cầu khẩn thiết. Tất cả những điều như vậy làm cho nền báo chí trở nên khó khăn và tiến bộ chậm.

Tóm lại, đào tạo ký giả chỉ là một phần đóng góp cho việc đào tạo nhân sự, một yếu tố có thể nói nhỏ bé trong việc phát triển báo chí, cho nên ký giả quá cổ Từ Chung ở ý muốn đào tạo một tinh thần đạo đức cho ký giả để giúp báo chí thăng tiến (1), cũng là do nhiệt tâm của ông mà thôi, còn chính ông, có lẽ cũng nhận thấy đó không phải là một yếu tố quyết định.

Vấn đề thứ hai liên quan đến công việc phát triển quốc gia còn quan trọng hơn bởi vì nó liên hệ tới sự tổ chức việc đào tạo ký giả một cách trực tiếp đối với các quốc gia chậm tiến. Đó là :

Đào tạo ký giả tức là tạo nên một yếu tố để phát triển thông tin, đồng thời cũng là phát triển quốc gia. Nhưng hiện công tác đào tạo ký giả có thể làm phi phạm một số chuyên viên hay không ?

(1) « Thông Tấn Xã Hiện Đại » — André Souillard V. T. X, số 5771.

(2) « Nói chuyện với các bạn làm báo » Bách Khoa số 217.

Smail Boulahia, ký giả từ El Amal Tunisie trong một cuộc hội thảo tại Strasbourg đã mô tả việc đào tạo các ký giả như công tác có thể làm mất một số chuyên viên ưu tú (élites) tại những xứ mà nhu cầu các ngành khác có thể khẩn thiết hơn. Cũng trong hội nghị trên, Jacques Léauté, Giám đốc Trung-tâm Cao đẳng còn mạnh dạn khuyến cáo. « Trong mọi quốc gia trẻ cũng như lâu đời, việc thiết yếu nhất là không nên phí phạm các người ưu tú. Trong những quốc gia trẻ, số lượng các phần tử ưu tú này đã bị giới hạn nhiều hơn tại các quốc gia khác. (1) »

Sợ phí phạm các chuyên viên ưu tú ông Jacques Léauté còn nhấn mạnh : « Tránh sự phí phạm các phần tử ưu tú bao hàm cả trong việc không nên đào tạo, tại quốc gia trẻ, một số chuyên gia thông tin nhiều hơn sự cần-thiết. Ngoài ra chỉ nên dùng một số thích hợp nhất với nghề báo, trong số những người trẻ ưu tú này, và phải trả lại ngay những người khác, mà cuộc thử thách không được chấp nhận, cho các nghề khác, vì ở các nghề này có thể họ hữu ích. (2) »

Nhận định của hai tác giả trên làm cho một số người muốn đào tạo ký giả, nhưng đồng thời cũng muốn nhìn công việc đào tạo đó như những công cuộc hữu ích cho việc phát triển quốc gia, phải lưu ý. Liệu việc đào tạo ký giả có quả thật phí phạm một số chuyên viên ưu tú không ? Cho dù đã trả lại ngay những người, không phải thích hợp vào các ngành khác, dù muốn hay không sự đào tạo phải chăng cũng đã phí phạm ? Muốn rõ được vấn đề trên, chỉ có cách duy nhất là tìm xem những con số ký giả được đào tạo và số chuyên viên

ưu tú (xuất thân Đại học) coi thương số như thế nào ? Cả Smail Boulahia và J. Léauté đều không đưa ra những con số dẫn chứng. Tuy nhiên nếu nhìn qua những con số ra trường của Đại học báo chí tại một vài nước chậm tiến, chúng ta thấy cũng không thể gọi là nhiều. Tại Thổ nhĩ kỳ, lúc mới mở Học-viện Báo chí, chỉ có 20 người tốt nghiệp vào năm 1950. Năm 1959, số tốt nghiệp là 240 người trong số 2.500 thi tuyển. Theo ông Samith Tingakio Glu thì các học viên này chỉ đủ cung ứng theo nhu cầu báo chí đang phát triển tại Thổ-nhĩ-kỳ mà thôi.

Tại Ấn-độ với sáu đại học đào tạo báo chí, Đại học Punjab đào tạo ba mươi ký giả mỗi năm, Đại học Madras mỗi năm chỉ cho ra có 12 ký giả. Đại học Mysore 100 người. Ba Đại học khác không thống kê số sinh viên tốt nghiệp nhưng theo bản thuyết trình của ký giả Nadig Krishna Murthy, cũng là Viện trưởng của Đại-học Mysore, thì tất cả sinh viên ra trường đều « giữ các chức vụ quan trọng tại các ngành báo chí, truyền thanh, truyền hình. » Một số người khác làm việc với chính quyền và chưa hề có việc đào tạo dư thừa đến nỗi ký giả phải thất nghiệp.

Ngay tại Việt-Nam Cộng-hòa, số phóng viên 80 người đào tạo trong năm 1965, đều là những người làm việc cho các đài phát thanh, Việt tấn xã, và các báo ngoài. Số ký giả ở cấp Đại học năm 1968 tốt nghiệp là 26 người so với một số sinh viên toàn quốc trên dưới 30.000, quả thật là không đáng kể. Giáo sư Nguyễn Ngọc Linh

(1) Recueil des conférences des journalistes — Strasbourg-1960-84.

(2) Recueil des conférences op. cit. 84.

đã phân tách tình hình các nhân viên báo chí và cho biết nhu cầu về nghề làm báo mỗi năm vào khoảng 40 đến 50 người. Nhưng ở đây có 28 bạn thôi thì sang năm ra trường chắc chắn là có việc làm (1). Hơn nữa cả ông Smail Boulahia và ông J. Léauté sợ phí phạm chuyên viên ưu tú đều muốn cho việc đào tạo ký giả phải cần thận, và các ký giả, này phải ở cấp bậc Đại học. Kinh nghiệm lại cho biết rằng việc đào tạo ký giả, không hẳn chỉ ở cấp Đại học, mà còn có thể ở tại các cấp thấp hơn nữa tùy theo nhu cầu trong một chính sách toàn diện của quốc gia. Nếu cần một kế hoạch phát triển thông tin toàn quốc, người ta có thể đào tạo những thông-tin-viên hoặc ký giả các tờ báo địa phương với trình độ thấp hơn, những người này sẽ thăng tiến lên các báo lớn qua nhiều năm kinh nghiệm.

Cách huấn luyện báo chí cộng sản là trường hợp điển hình của việc đào tạo các ký giả ở trình độ thấp. Để đào tạo các ký giả, tại Nga-sô một ký giả chỉ cần được huấn luyện trong ba tháng tới hai năm, không thấy nói tới bằng cấp, miễn là đã cộng tác với các tờ báo xí nghiệp hoặc tờ báo địa phương (2).

Chính sách quốc-gia sẽ ấn định trình độ của ký giả. Trình độ đó có thể cao hay thấp, tùy theo từng giai đoạn, từng khoảng thời gian, để cho việc phát triển toàn diện với quốc gia. Chớ không cần phải tốt nghiệp Đại học mới có thể làm ký giả, mà sợ mất đi một số ưu tú.

Mặt khác để phủ nhận vấn đề lo sợ đào tạo ký giả có thể làm phí phạm

chuyên viên ưu tú như hai nhà báo đã nói — dù là phải đào tạo ở trình độ Đại học, — cũng có thể lấy việc phát triển quốc gia là một mẫu số chung để bàn cãi. Thật vậy, đối với nước chậm tiến người ký giả được nhìn như một chuyên viên phát triển quốc gia. Hầu như các công tác phát triển kinh tế, giáo dục tại các quốc gia chậm tiến hoặc cộng sản trong thời kỳ chậm tiến, hữu hiệu hay không, đều nhờ một chính sách thông tin báo chí đầy đủ. Những chuyên viên đó rất cần thiết cho nhu cầu quốc gia. Nếu đã cần thiết thì không có thể gọi là phí phạm được. Vấn đề chính sẽ chỉ là đào tạo một số vừa đủ cho nhu cầu một chính sách tổng quát.

Tuy nhiên ý kiến của hai ông Smail Boulahia và J. Léauté vẫn hữu ích, ý kiến đó giúp chúng ta quan tâm tới một số người tại các quốc gia chậm tiến, quá hăng say muốn đào tạo những ký giả, nhưng không nghĩ tới có thể số ký giả sẽ vượt quá nhu cầu đòi hỏi. Vì lý do đó khiến hai ông S. Boulahia và J. Léauté đều đặt ra vấn đề tuyển chọn các ký giả một cách kỹ càng.

Khi nói tới việc tuyển chọn ký giả kỹ càng, tất nhiên chúng ta sẽ đi tới phần thứ hai cần phải xét: Tiêu chuẩn của một người ký giả phải đào tạo tại các quốc gia chậm tiến.

(còn tiếp)

TRẦN-ĐẠI

Kỳ tới: Tiêu chuẩn đào tạo

(1) Nguyễn Ngọc Linh, « Diễn văn khai giảng Ban Báo-chí học (Saigon 1967), 6.

(2) Henri Calvet, « La presse contemporaine » (France 1958), 324.

PNB

A votre service
tous les services de la

banque
nationale
de Paris

Toán số với càn khôn

Một đêm dài ngàn năm

Trong lịch-sử Tây-phương, danh-từ Trung-Cổ thường chỉ khoảng thời gian một ngàn năm đi từ sự sụp đổ của văn-minh cổ, đồng thời với sự suy vong của đế-quốc La-mã cho đến thời kỳ Phục-Hưng chói lọi bắt nguồn từ nước Ý. Trong những thế kỷ 13 và 14, nghệ-thuật và tôn-giáo cũng chứng tỏ được sự hiện diện của một nền văn-minh với sắc-thái đặc-biệt, nhưng người ta vẫn xem thời Trung-Cổ như một đêm trường trong đó những sáng kiến và phát-minh khoa-học không có phương-cách trỗi dậy. Đời sống tri-thức khó khăn của hàng người như Roger Bacon (đừng nhầm với Francis Bacon xuất hiện 350 năm sau) nói lên được cảnh âm-u bao trùm khoa-học tây-phương thời đó. Bacon, thuộc dòng Phan-xi-cô, là người nghịch với những chủ-thuyết thịnh hành lúc bấy giờ. Không những đã tố cáo sự dốt nát về ngôn-ngữ, ảnh hưởng đến việc giảng-giải kinh-sách, Bacon còn chủ-trương chỉ có phương-pháp thực-nghiệm mới đưa lại sự hiên nhiên trong việc hiểu-biết. Bacon đã hiểu quan-trọng của toán-học, và có công dịch những sách toán viết bằng tiếng Ả-rập. Nhưng sau khi Giáo-hoàng Clement IV không còn nữa để che chở công việc khoa-học cấp tiến của mình, tu-sĩ Bacon bị giam

cầm và ít lâu đó không còn ai biết đến tăm hơi.

Khi Âu-châu lui vào trong một cảnh tối tăm về hiểu-biết, thì khoa-học lại trỗi dậy ở nơi khác, ở tại những nước Á-châu mà người Ả-rập đã xâm chiếm lăm. Người Ba-tư và Ả-rập trước kia đã sống nhờ những bản-dịch các sách Hy-lạp, nhưng sau này đóng góp phần riêng của họ trong văn-hóa chung của nhân-loại. Âu-châu đã học nhiều của người Ả-rập mà thời kỳ sáng chói nhất vào khoảng từ năm 800 đến năm 1100. Tại triều-đình Constantinople, khắp những xứ từ Syrie đến Vịnh Ba-tư, một văn-hóa vô cùng phong-phú được duy-trì, một văn-hóa tổng hợp nhiều nguồn tư-tưởng, Hy-lạp, La-mã, Do-Thái. Trung-tâm danh tiếng là của học-phái Ba-tư ở Jundis-hapour, đã che chở một số học-giả thiên-chúa-giáo cũng như dám theo thuyết Platon, trốn khỏi Athènes. Đến thời Phục-Hưng, Âu-Châu mới dành lại được uy-thế về khoa-học. Nhiều vĩ nhân, không kể những bậc trong phạm-vi văn chương và mỹ-thuật, đã làm cho quên lãng, với công-trình sáng chói của mình, cảnh tối tăm của những thế-kỷ vừa qua. Léonard de Vinci, Copernic, Kepler, Galilée, Descartes, Boyle... vạch ra những con đường mới cho cuộc phiêu-lưu tinh-thần không chỉ cho người tây-phương mà cả những người ở phương khác sau này.

Trước khi nói đến đặc - sắc của đường hướng ấy, tưởng cũng nên nhắc lại một vài kinh-nghiệm những dân-tộc không phải Âu-Châu đã cố gắng hiển cho sự-nghiệp chung.

Dùng chữ khám phá điều chưa biết.

Khi lịch-sử nhân loại bắt đầu, văn-minh xuất hiện tại Trung-Hoa và nơi những lưu-vực các sông Euphrate và Tigre ở Tiều-Á, sông Indus ở Ấn, sông Nil ở Ai-cập. Nhờ tài liệu các sử-gia Hy-lạp và nhờ công khó gần đây của những nhà khảo-cổ, ta mới biết được ít nhiều về các nền văn-minh ấy.

Vào khoảng 40 thế-kỷ trước Tây-lịch, dân Babylone đã đạt một trình-độ khoa-học và kỹ-thuật khá cao. Họ đã dùng đơn-vị đo lường, tiền tệ. Một ít toán-học và kỹ-thuật xây cất do dân Sumeriens cai trị một ngàn năm trước đó truyền lại, đã được tìm thấy với những bản tính cửu chương, tính bình-phương, thể-tích khối. Họ có lối đếm 12 để tiện tính phân-số, song song với lối đếm 10 (thập phân) do những ngón tay mà ra. Con số 60 có giá-trị quan-trọng vì là sự hòa-hợp hai lối đếm ngày được dùng làm đơn-vị đo thời-gian. Họ đã dùng nhật-quỹ với một cây cặm đứng (nhật-khuê, *gnomon*) để chỉ giờ. Chuyển-động biểu-kiến của mặt trời, hành-tinh, được quan sát. Những tên đặt cho ngày dùng theo tên chỉ mặt trời, mặt trăng và năm hành-tinh đã quen biết, làm thành bảy ngày của tuần lễ. Quỹ-đạo(?) của mặt trời được chia làm 12 phần hợp với 12 tháng trong năm. Mỗi phần mang tên một vị thần hay linh-vật và có biểu-tượng tương ứng. Những tên ấy còn lại trong danh-từ thiên-văn hiện-đại để chỉ sao

Dân Babylone hình dung vũ-trụ như một không gian đóng kín hay một phòng mà nền là mặt đất. Đã có nhà thiên-văn biết đất là một cầu, tính được vị-trí tương-quan giữa mặt trời và mặt trăng và tiên-đoán được những nhật - thực nguyệt-thực. Kèm theo sở biết khoa-học đó, môn chiêm-tinh hay bói sao, có tầm quan-trọng hơn. Dựa nơi những trùng phùng ngẫu nhiên, người ta tin (ở thế-kỷ 20 không thiếu gì người còn tin) các vì sao chi-phối và tiên-định các sự việc của con người. Và vì số kiếp con người đã tất-định một cách tàn-nhẫn như thế, ma-thuật xuất hiện mạnh mẽ, giúp cho người phá vỡ luật lệ thiên-nhiên, dùng mọi phương-cách hữu-lý và phi-lý để mong có một sự an-ủi nào cho thân phận.

Từ văn-minh Babylone qua văn-minh khác của thượng-cổ như văn-minh Ai-cập đã có sự khác-biệt về thái-độ tôn-giáo. Thần-thoại Ai-cập trình bày những quyền-lực khả-ái trông nom, giúp đỡ người trong đời sống hiện tại và cả đời sống bên kia cái chết. Có thể là môi-trường sinh hoạt dễ chịu hơn, với đất đai phì-nhiều được coa sông Nil bồi đắp, đã ảnh-hưởng đến thái-độ tôn-giáo của người Ai-cập. Nhưng bất cứ nơi nào, mọi sự hiểu-biết cũng do nơi thần mà thôi, ở Babylone thì có Oannès, ở Ai-cập có Thot và nữ-thần chân-lý Mait.

Về toán học, trình-độ Ai-cập bằng Babylone. Có người lại xem toán-học của Ai-cập chỉ là một thứ thực dụng không cao gì lắm. Họ biết tính, đo diện-tích đất, vì nước lụt sông Nil thường hay phá vỡ những bờ ruộng đất. Nhưng một số khám phá gần đây vẫn duy trì ý nghĩ Ai-cập đã đạt đến sự hiểu biết khá cao, và toán học của họ, do tác dụng mà ra không hoàn-toàn nhằm mục-phiêu

thiên cận. Một sử liệu chắc chắn về số học và hình-học Ai-cập là một bản giấy (papyrus) có mấy vạn năm trước Tây-lịch, và hiện giờ nằm trong viện bảo-tàng British Museum ở Luân-Đôn.

A ha, toàn-thể nó, phần bảy của nó, vị chỉ 19. Một câu, có vẻ như thần chú, đặt ra một bài toán đại-số đầu tiên người đã giải-quyết được. Tiếng *A ha* như thể một tán-thán, tiếng thở ra vui mừng khoan khoái, nhưng không đúng thể. *A ha* chỉ một đống, một lượng. Bây giờ thì ta nói: "Cho x bằng...", *A ha* là thứ x của Ai-cập thượng-cổ. Việc tìm ra được bản giấy viết tay *A ha* xảy ra cách đây trên một trăm năm. Henry Rhind, một nhà chuyên-môn buôn bán đồ cổ ở Tô-cách-Lan, đã mua được tài liệu ấy tại làng Luxor gần sông Nil năm 1858, khi ông ta đến đó dưỡng bệnh. Tài liệu này được gọi là *Rhind Papyrus* đề nhớ đến công của thương-gia may mắn ấy. Đó là một sử-liệu toán-học xưa nhất, một tài liệu quan-trọng vì chứng minh được lúc nào con người đã vượt qua số-học đề hướng về đại-số. Từ xưa đến nay, mục-dịch của đại-số-học vẫn là giải quyết những bài toán có nghiệm-số. Nghiệm-số được diễn ra bằng một ký-hiệu đề dùng cho đến khi tìm ra được trị số. Bài toán của Ai-cập ghi nơi bản giấy Rhind "*A ha, toàn thể nó, phần bảy của nó, vị chỉ 19*" có thể diễn nôm na: Một người khai lợi-tức, biết rằng thuế của mình phải đóng là một phần bảy số tiền khai, lại muốn cho số tiền khai cộng với thuế phải đóng tất cả 19 000 đồng thôi. Ông sẽ làm toán đại-số. "Cho x số tiền tôi khai đề đóng thuế. Phải tìm trị số x thế nào đề cộng x với một phần bảy của x bằng, 19.000". Phương-

trình ông viết sẽ là $x + \frac{x}{7} = 19.000$. Và

ông sẽ tính dễ dàng $7x + x = 19.000 \times 7$ hay $8x = 19000 \times 7$ và kết quả là

$x = \frac{19000 \times 7}{8}$ vân vân. Đối với một

trẻ bắt đầu học đại-số, một bài toán như vậy không có gì đáng lạ, nhưng khi chưa có đại-số, khi lối dùng chữ thay số đề tìm nghiệm-số chưa được phổ-biến, thì là cả một chuyện khó hiểu. Giấy Rhind không phải có giá-trị nơi bài toán dễ hay khó, mà nơi bằng chứng lịch-sử của một giai-đoạn hiểu biết trong một thời thật xa xăm đối với chúng ta. Bản tài-liệu Rhind do một giáo-sĩ tên Ahmose chép lại và người chép đã chú-thích thêm, đã chép theo một cuốn giấy xưa hơn, có vào khoảng 2.200 năm trước Tây-lịch, dưới triều thứ XII. Trong bản còn có một ít khái-niệm về phân-số, những phép tính thông thường, tính nhân, làm bằng những tính cộng lên tiếp.

Những toán-gia đời thượng-cổ thường là những nhà thiên-văn nữa. Thiên-văn của Ai-cập tuy cũng cạnh-tranh được với thiên-văn xứ Chaldée về thời-gian xuất phát, không phát-triển bằng vì dân Chaldée rất chú-trọng đến chiêm-tinh nên nhờ sự giúp đỡ của những người ham bói sao, mà nhà thiên-văn mới có phương-tiên đề nghiên-cứu thêm phần thoát khỏi dị-đoan. Đó cũng là trường-hợp sau này của Képler.

Dân Ai-cập xem những chòm sao là những vị thần và biểu-thị những sao nơi trần nhà, nơi nắp hòm. Kim-tự-tháp của Ai-cập, nếu không chứng minh được nhiều về trình-độ toán của họ, cũng có những điều lạ lùng về

thiên-văn. Kim-tự-tháp là một đề-ài đã tốn công nghiên-cứu của nhiều thế-hệ bác-học. Gác lại một bên những chuyện hoang-đường, về sự linh-ứng của những ngôi mộ, những tiểu-thuyết về tiên-tri ghi nơi thiết-đồ kiến-trúc, người ta vẫn còn ngạc-nhiên trước những điềm trùng phùng và kim-tự-tháp không chỉ là một duyên-cớ tầm-thường của những nhà vua (pharaons) muốn bảo vệ xác chết và kho tàng của mình mà bất chấp hằng vạn nô lệ đã bỏ mình để dựng lên những đồng gạch đá.

Vài con số lạ lùng của Kim-tự-tháp.

Trong khung cảnh sa-mạc mênh mông, tháp đá dựng lên sừng sững có vẻ siêu-thực. Du-khách có đến ngắm cũng chỉ thấy rung động ở điều đã biết đến, hay người hướng-dẫn nhắc lại, đó là một trong bảy kỳ-quan cổ-diễn của thế-giới, đó chất chứa bao nhiêu huyền-bí. Kỳ thật, quang cảnh có vẻ thê-lương buồn thảm, không gây được một thứ xúc cảm như đền điêu-tàn Acropole ở Athènes. Tuy nhiên, chẳng hiểu cảm-hứng đặc-biệt nào đã khiến cho Nã-phá-luân, trước khi tiến-quân đánh trận Kim-tự-tháp, đã thốt ra trong lịch của mình câu thời danh: "Hỡi chiến-sĩ, hãy nhớ từ trên đỉnh những tháp này bốn mươi thế-kỷ chiêm ngắm các bạn." Lời nói bốc-đồng và lãng mạn ấy, cũng nên tha cho viên tướng trẻ tuổi, vì chính ông ta sau này đã biết nói: Từ tuyệt-vời đến lố-bịch không bao xa. (1).

Trong số kim-tự-tháp, có tháp Chéops lớn nhất đã được nhiều nhà khoa-học nghiên-cứu tường-tận. Nhưng còn bí-t bao điều vẫn giữ sự bí-mật của mình. Tháp có tác-dụng thiên-cận là làm lãng-

tầm nhà vua, nhưng tháp cũng là ký-hiệu mà người sau này phải tìm nghĩa-lý. Cho đến bây giờ, một số nhận xét về thiên-văn và địa-lý nơi tháp Chéops cũng đủ gây sự ngạc-nhiên.

Tháp có nền vuông được hướng Nam-Bắc. Cổng vào ở trên trục trung-tuyến, nhưng lệch đi $4'35''$. Sự sai lệch này đúng với $1/1.175$ của quadrant (góc phần tư $= 90^0$). Đơn-vị để đo cung. Kinh-tuyến đi ngang qua Tháp lại là kinh-tuyến băng qua nhiều địa-lục nhất và ít đại-dương nhất trên địa-cầu, nó lại chia diện-tích địa-lục làm hai phần bằng nhau. Vĩ-tuyến 30^0 Bắc (đúng là $29^058'05''$) đi ngang trung-tâm Tháp cũng là đường băng qua nhiều địa-lục nhất.

Lấy bề cao của Tháp (148 m 208) nhân lên một tỷ lần ($\times 10^9$) thì ra 148.208 000 kilomet mà khoảng-cách giữa địa-cầu và nhật-cầu là 149.400 000 (cho phép xê-xích 70.000 km).

$$\text{Dùng tỉ-số } \frac{2a}{365.242} = \frac{232 \text{ m } 805}{365 \text{ m } 242}$$

trong đó 2a là bề dài cạnh nền vuông của Tháp, 365 242 số ngày trong năm, thì có 0,6373091, một đơn-vị đo chiều dài mà Piazzv-Smith (nhà khảo-cứu đã có công đo các chiều ở Tháp Chéops) gọi là thước kim-tự-tháp. Lấy bề dài này mà nhân cho 10 000.000, sẽ có 6 374 km, mà đường bán-kính trung bình

() *Soldats, songez que, du haut de ces pyramides, quarante siècles vous contemplent.* Ngày 21 tháng 7 1798, trước khi quân-đội viễn-chinh Pháp đánh chiếm vùng này

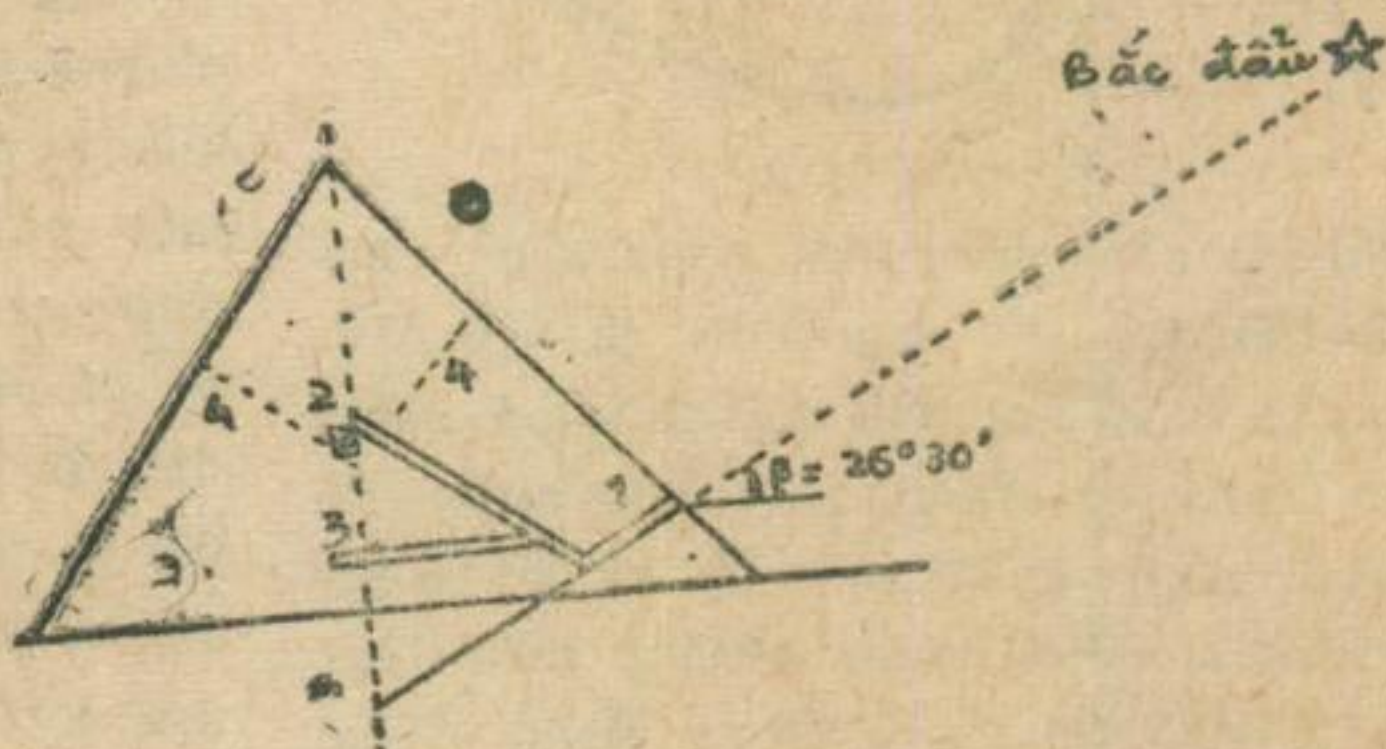
Nhưng năm 1812, sau khi phụng-hoàng, biều-hiệu của đế-quốc Nã-phá-luân, bị rụng lông gậy cánh sau trận Mạc-tư-Khoa, quân-đội rút lui nhục nhã, Nã-phá-luân đã than: *Du sublime au ridicule il n'y a qu'un pas.*

của địa-cầu (không phải một cầu hoàn toàn, vì lép ở hai cực) là 6.371 km. (Nếu theo bài tính của Linh-mục Moreux — trong sách *La Science mystérieuse des Pharaons*, cho $2a$ là 232 m 170 thì sẽ có thước kim-tự-tháp 0, 635660 nhân cho 10.000.000 ra số 6.356 km.)

Lấy $1/25$ của thước kia mà nhân cho 100 tỷ sẽ có chiều dài của quỹ-đạo địa-

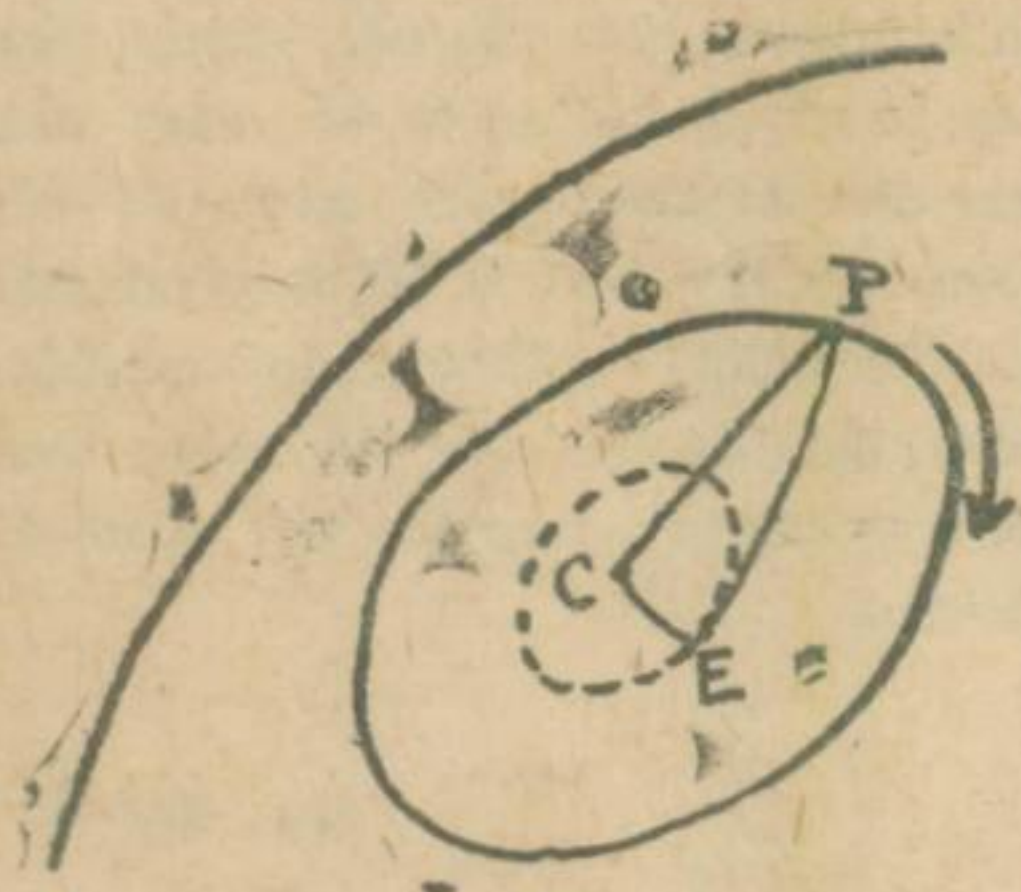
cầu trong 24 giờ. Cộng số tắc (pouce) nơi hai đường chéo của nền vuông của tháp, ta có số 25.800, là số năm của vòng địa-cầu quay quanh mình đi hết hoàng-đạo, là vòng quả đất đi quanh mặt trời. Nơi hành lang để vào tháp ở mặt Bắc, đường nghiêng của cổng vào hướng theo góc $b = 26^{\circ}30'$, giúp cho việc quan-sát Bắc-đầu.

- 1 — Cổng vào
- 2 — Mã hoả g để Chéops
- 3 — Mã hoàng-hậu.
- 4 — Đường thông hơi



Như trên kia đã nói, vĩ-độ của Tháp là $29^{\circ}58'51''$, hợp một cách lạ lùng với thuyết về năm vũ-trụ. Ai cũng biết sở dĩ một năm có những mùa khác nhau vì mặt phẳng của hoàng-đạo là nghiêng đối với mặt phẳng của xích-đạo địa-cầu. Bề nghiêng đó đo được nhờ góc giữa hai đường thẳng đứng với hai mặt phẳng nói trên, một là đường nối hai cực của hoàng-đạo, hai là đường nối hai cực của địa-cầu. Góc độ ấy hiện là $23^{\circ}28'$ ($23^{\circ}27'$?) không phải bất biến, mà thay đổi vì hai hiện-tượng : tuế-sai (précession) của hoàng-đạo ($50''2$ mỗi năm) và việc dời trục lớn của hoàng-đạo hay là đường điểm-cận-viên-nhật (apside) — sai $11''7$ mỗi năm. Hai sự dời góc theo một chiều. Do đó có sự thay đổi của chiều nghiêng của hoàng-đạo từ $23^{\circ}25'57''$ đến $35^{\circ}25'47''$, tương - đương với chu - kỳ 31.756 năm.

Trên địa-cầu, cực P làm một vòng tròn có bán kính không thay đổi $29^{\circ}25'47''$ chung quanh điểm C, ở cách cực E của hoàng-đạo 6° . Trong tam-giác cầu PCE, hai đường PC và CE không thay đổi. Chu-kỳ 31.756 năm diễn lại theo một tỉ-số lớn, những mùa trong năm. Có mùa hạ khởi đầu lúc PE ngắn nhất, $23^{\circ}25'57''$ và mùa đông khởi đầu khi PE dài nhất $35^{\circ}25'47''$ và tất nhiên mùa xuân và mùa thu ở giữa hai mùa kia. Đại Đông (mùa đông lớn) bắt đầu năm 13.583 trước Tây-lịch. Đông-chí của Đại-Niên (theo chu-kỳ của Drayson) hợp với thời-kỳ giá-băng tiếp theo kỷ-nguyên Aurignac (thời xuất hiện đá mài, vật bằng xương, giống người Grimaldi và Cro - Magnon). Xuân-phân gần ta nhất hay Đại-Xuân vào năm 5.644 trước Tây-lịch (lúc đại-hồng-thủy và thời-kỳ ở hồ). Hiện nay chúng ta gần đến một «đêm Saint-Jean» hay Xuân Phân của



Đại-Hạ nằm vào năm 2.295. Cứ theo lối tính ấy, thì Đại-Thu sẽ vào năm 10.234 và lại bắt đầu một thời giá băng. Âu-Châu trở thành một tảng nước đá mênh mông; giống tuần-lộc và bò có xạ-hương sẽ đến ăn rêu những nơi trước kia là kinh-đô của Anh và Pháp. Năm 18.173 đánh dấu đông-chí của một Đại-Đông khác.

Nhà thiên-văn Anh Alfred Barley đã tính chiều nghiêng PE cho những xuân-phân, thu-phân, chu-kỳ và tìm ra $29^{\circ} 58' 53''$. Năm Đại-Thu và Đại-Xuân, người ở vĩ-tuyến ấy sẽ thấy Nhật-cầu chiếu trên đỉnh đầu, và ngay trên trung tâm Kim-tự-tháp Chéops, vì Tháp này ở vĩ tuyến $29^{\circ} 58' 51''$. Một sự ngẫu nhiên kỳ lạ là Kim-tự-tháp đã ghi cho Đại-Niên những sự thay đổi về xuân-phân thu-phân mà các nhà khảo-cứu đã nhận thấy nơi những nhóm đá, như nhóm Stonehenge ở Anh-quốc. Người ta

phỏng đoán lúc mà những tảng đá khổng lồ này được đặt, lối 1600 năm trước Tây-lịch, thì ngày 21-6, ngày xuân-phân, chủ-tế có thấy từ nơi bàn thờ mặt trời lên đúng nơi chóp một tảng đá (menhir) đặt rời ra khỏi vòng. (Xem Matila C. Ghyka, *Esthétique des proportions*, 1927).

Tháp Chéops không ngớt làm cho những nhà nghiên-cứu bàng hoàng. Sao không ngạc nhiên khi nghĩ rằng, tại một nơi đặc-biệt của địa-cầu thoát được các thủy-triều của thời băng giá, đã có những người tài giỏi lạ lùng về địa-vật và thiên-văn dựng lên một lâu-đài có thể bền gan với tuế-nguyệt, có giá-trị như một nhật-khuê, một nhật-quỹ, ghi Đại niên của nhân-loại, những năm huyền-bí chi - phối những hiện-tượng giá-băng và lụt lớn, những sự tàn suy và phục hồi của các nền văn-minh. Có thể xem mỗi nhận xét nới chỉ là một trùng-hợp ngẫu nhiên, nhưng sự ngẫu nhiên quá nhiều. Nếu so sánh Tháp Chéops với những kỳ-đài của Ai-Cập dựng lên sau đó, người ta phải đi đến kết luận: công-trình của khoa-học-gia thời Chéops không chỉ là bước ngập ngừng đầu tiên trên đường hiểu-biết, mà chứng tỏ tầng bậc rất cao của trí-tuệ. Hình như văn-hóa siêu việt ấy trước khi điều-tàn muốn để lại cho đời biết dấu-hiệu tài-năng và lời tiên-tri của mình. Nhưng sở dĩ

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

tài-năng họ được biết, cũng nên ca-negọi tài-năng của các nhà bác-học hiện đại, mấy vạn năm sau, đã biết nhận ra được, tuy chưa chắc đã biết hết, và đúng hết — công-trình đã dấu kín của tiền-bối, như một bài « thai » bằng ká đề thách đố những thế-hệ sau. Nếu đhoa-học không được duy trì, phát triển, nếu không có những người theo vết người xưa đi tìm sự hiểu-biết vô vị-

lợi, thì tháp Chéops cũng chỉ là một đồng đá vô nghĩa và vô ích cho cuộc sống của những người chung quanh hay chỉ là thứ mả mồ vùi xác của vài tên độc-tài chuyên-chế đã khinh-thường hằng vạn dân nô-lệ.

(còn tiếp)

CUNG GIỮ NGUYÊN

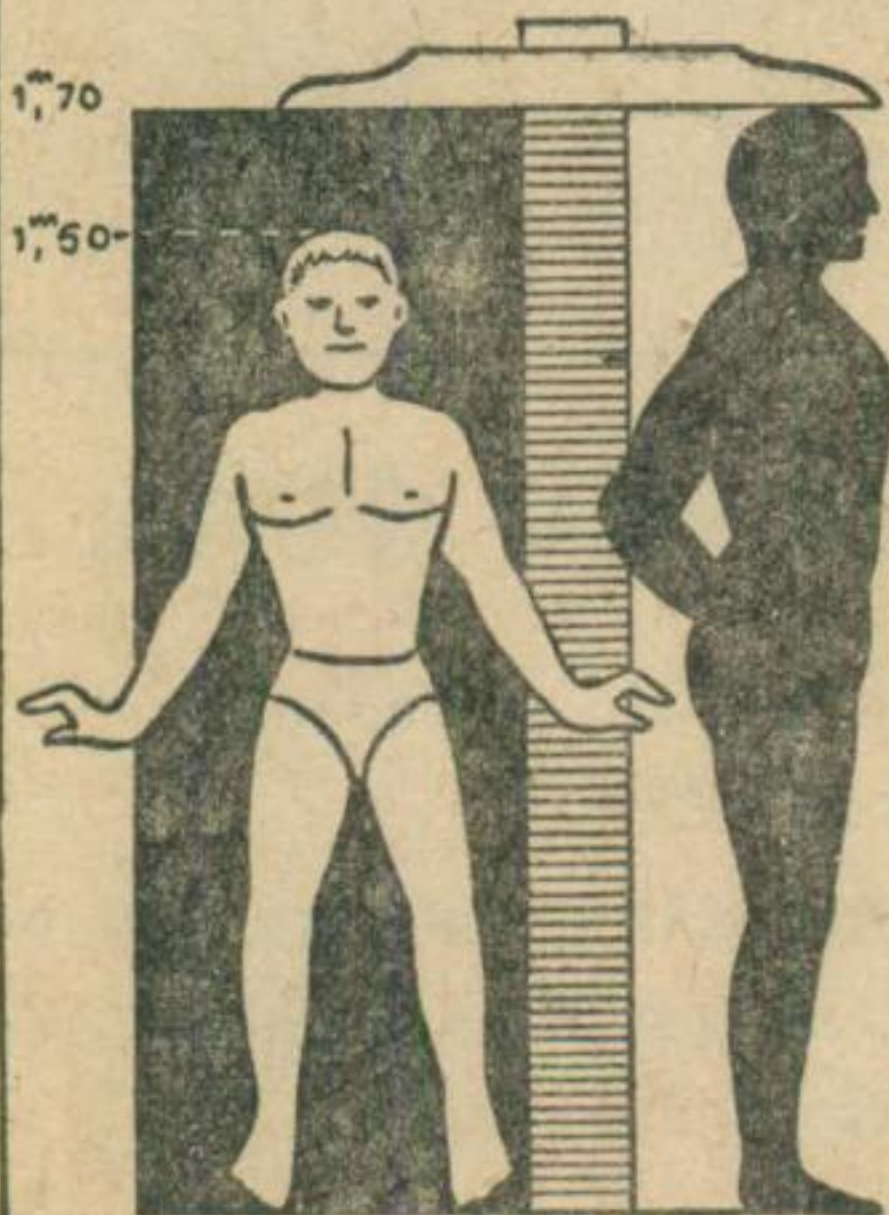
Kỳ tới : Một câu thai đại - số khác.

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

Số KN 28 MBYT/QCPD



THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện
số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÂN

TRĂM VIỆT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B K. T Đ. từ số 290-291)

I N - Đ Ô - N Ê - S I A

kinh-nghiệm liên-hiệp quốc-cộng

In-đô-nê-sia, quốc-gia đông dân cư vào hàng thứ năm trên thế-giới và lớn nhất Đông-Nam-Á, đã là nơi mà cuộc đấu tranh để thống-nhất diễn ra liên tục không lúc nào ngơi. Sau thế - chiến 2, Hòa Lan đã núp bóng quân Anh trở lại vùng này và mưu toan chia nát các hải-đảo để dễ bề tái-lập quyền thống-trị. In-đô-nê-sia đã đấu-tranh để giữ vẹn toàn lãnh thổ, một lãnh-thổ nằm dài trên 1/8 đường xích-đạo với 3.000 hòn đảo lớn nhỏ.

Cuối cùng, nhân dân In-đô-nê-sia đã thắng. Nhưng ngay từ trong cái thắng để thống-nhất ấy lại nảy mầm chia rẽ, chia rẽ giữa Java (đảo trung ương) và ngoại - đảo, giữa chính-trị và quân-sự, giữa giá trị cũ và giá trị mới, giữa khuynh-hướng tự-do và khuynh-hướng độc tài ; sau hết và trầm trọng hơn hết : giữa quốc-gia và cộng sản.

Sukarno đã đặt chỗ đứng của mình ngay trên điểm chia rẽ ấy. Nghĩa là ông ta tự biến thành mối dây liên-hiệp các lực-lượng chống đối. Ba lực lượng nòng cốt là Quốc-gia, Tôn-giáo và Cộng-sản đã được Sukarno coi là thành trì của chế-độ và được mệnh-danh là NASAKOM.

Tinh-thần Tôn-giáo (Hồi) và tinh-thần quốc-gia của nhân dân In-đô-nê-sia đã được khích động mạnh mẽ trong thời kỳ đấu-tranh chống thực dân. *Thượng-đế* và *Quốc-gia* là hai tín niệm đầu tiên trong ngũ-niệm *Pantja Sila* mà Sukarno đã dùng làm nền tảng ý-thức chính trị. Còn về Cộng-sản, trong suốt thời gian cầm quyền, Sukarno đã cố gắng duy trì. Hai lần Cộng-sản nổi dậy, hai lần bị quân-đội giết tan và cũng hai lần Sukarno lại cho phép tái lập để hoạt-động công-khai.

Khi thực dân cũ không còn là mối đe dọa nữa, Sukarno bèn tính chuyện bành-trướng thế-lực. Hình-ảnh những biểu người vi đại hành-động đồng loạt theo lệnh của lãnh-tụ tại Hoa-lực (thăm viếng năm 1956) đã làm cho Sukarno bị mê hoặc. Ông noi theo con đường của Trung-Cộng và chủ trương lập trực Djakarta Bắc Kinh mưu đồ lãnh-đạo Á-Phi và Châu Mỹ La-tinh trong tổ-chức quốc-

tế mà ông gọi là *Lực-Lượng Đang lên* (NEFO — New Emerging Forces) để chống lại Bọn NECOLIM (Tân Thực dân Đế-quốc).

NECOLIM dưới mắt Sukarno chính là Đế-quốc Tư-bản, do đó ông dùng Cộng-sản làm lợi khí đấu-tranh. Trong khi dưới mắt Phe Không Cộng-sản, Trung-Cộng được đặt lên hàng đầu NECOLIM, còn Đế-quốc Tư-bản là thứ yếu. Họ quan niệm rằng Đông-Nam-Á, trong đó có In-đô-nê-sia, đang là mục tiêu đầu tiên trong mưu-đồ bành-trướng của Trung-Cộng. Vậy phải coi chừng Trung-Cộng và chặt tay của Tân Đế-quốc này (tức đảng Cộng-sản địa phương) trước tiên.

Sự chia rẽ trầm trọng nhất của In-đô-nê-sia khởi nguyên từ đó. Vết nứt từ quan niệm trên đã rạn lạn sang nền tảng NASAKOM đề rồi lồi cuốn theo sự sụp đổ của chế-độ và cái chết tập thể của nửa triệu con người trong một cuộc thanh trừng khủng-khiếp. Sự thất bại của Sukarno đã để lại cho các quốc gia mới độc-lập một bài học đáng giá : Bất kỳ mưu toan nào nhằm liên hiệp NASA với KOM tại các quốc gia chưa có kinh-nghiệm thực thi chế-độ dân-chủ đại-nghị sẽ đều thất bại !

oOo

Thời kỳ Tây-phương Thống-trị

Trên vùng đảo In-đô-nê-si-a, Majapahit đã xuất-hiện như một Đế-quốc lớn mạnh nhất Đông-Nam-Á vào thế-kỷ 14. Majapahit đã kiểm soát khắp miền biển Nam-dương từ 95^0 tới 135^0 Đông nhờ một hải-lực hùng hậu, đồng thời đã thống nhất thế-giới Mã-lai bằng Ấn-giáo qua sự tiếp nhận và thần phục của các tiểu-quốc trong vùng. Tuy nhiên, so sánh với triều-đại Srivijaya trước, thì Majapahit đã tồn tại trong một thời-gian quá ngắn. Vững chân được qua thế-kỷ 15, tới đầu thế-kỷ 16 thì Đế-quốc bắt đầu tan rã — tan rã không phải vì ngoại-xâm nhưng vì sự phát triển mạnh mẽ của Hồi-giáo. Nhiều tiểu-quốc cải-giáo và ảnh-hưởng như vết dầu loang từ đảo này sang đảo khác cho tới khoảng 1540 thì chính trung-tâm Đế-quốc ở Đông Java cũng bị Hồi-hóa, và cái tên Majapahit cũng biến mất theo.

Giữa lúc sự phân ly đang làm suy yếu toàn thể khu vực thì người Âu lần lượt kéo sang và đã bành trướng được ảnh hưởng một cách dễ-dàng. Bồ-Đào-

nha hồi đầu thế kỷ 16 đã xây dựng cơ sở thương mại trên quần đảo hương-liệu Moluccas. Tiếp theo là Hòa-lan với những tàu buôn đầu tiên xuất hiện vào năm 1596 ở vùng đảo Bantan Tây Java.

Trong cuộc ganh đua kiểm thị trường, Hòa cũng bắt chước Anh thành-lập Công-ty Đông-Ấn tung vào In-đô-nê-si-a hoạt động. Suốt thế kỷ 17, Hòa đã lần lượt thắng các công-ty Âu-châu khác và dần dần hiện diện khắp vùng biển này. Hoạt động thương mại được kèm theo hoạt động quân sự rồi chính-trị. Công ty Hòa không những chỉ củng cố các đảo Moluccas với những pháo thành kiên-cố rải trên các điểm trọng yếu của thượng-lộ trong vùng, mà đồng thời cũng còn kiểm soát luôn cả các eo biển Malacca và Sunda, và làm cho các tiểu-quốc In-đô-nê-si-a suy yếu dần vì sự khống chế về kinh-tế và chính-trị.

Sang thế kỷ 18, Công-ty Đông-Ấn của Hòa đã đặt được nền tảng hoạt-động sâu rộng trên các đảo lớn nhỏ. Lợi tức ngày càng nhiều tràn lan trên những diện tích đất đai ngày càng lớn làm cho Hòa phải lo bảo vệ những quyền lợi bất chính đã thâu đoạt được. Cuộc xâm lược

của Hòa được ghi dấu bằng những nét đậm trong 20 năm đánh chiếm Java, một hải-đảo quan-trọng bậc nhất trong quần-đảo. Trước hết là Tây Java lọt vào tay công-ty Hòa năm 1752, Trung Java năm 1755 sau khi các toán kháng chiến cuối cùng của tiểu-quốc Mataran bị giết tan, và Đông Java vào năm 1772. Công-ty Hòa đã triệt-đề khai thác các tài nguyên thiên nhiên và nhân lực In-đô-nê-si-a, còn quyền chính-trị địa phương vẫn được duy trì bằng cách đặt các tiểu-vương bù nhìn cho an-dân.

Sang đầu thế-kỷ 19, vì ảnh-hưởng trận Âu-chiến do Napoléon gây nên, Hòa đã bị Anh thế-quyền thống-trị ở Java từ 1811 đến 1816. Khi Anh trao trả lại cựu thuộc-địa cho Hòa theo hiệp-ước hậu-chiến giữa hai nước, thì Công-ty Đông-Ấn mất hẳn quyền hành, việc cai trị được chuyển qua chính-phủ Hoàng-gia.

Cũng ngay thời đó, Java đã trải qua năm năm (1825-30) đấu-tranh mưu đồ lật đổ chế-độ thuộc-địa do Diponegoro, Hoàng-thân đất Jogjakarta cầm đầu. Cuộc nổi dậy xảy ra vì dân-chúng trong vùng bị bóc lột quá mức, nên khi chiếm được nơi nào, quân khởi nghĩa bèn tàn sát tức khắc những kẻ thù thuế tàn bạo gồm người Âu và người Tàu (1) tại nơi đó. Về sau, người Hòa đã mưu bắt Diponegoro trong một cuộc điều đình và đem đày ông ta ở Bắc Célèbes.

In-đô-nê-si-a tiếp tục sống im lìm trong nô lệ, mãi tới đầu thế-kỷ 20, ảnh-hưởng các phong trào quốc-gia Á-châu, nhất là cuộc nổi dậy chống Tây-Ban-Nha của dân Phi do Aguinaldo lãnh-đạo, những phần tử trí thức trong nước mới bắt đầu tụ tập lại thành đoàn thể để hoạt động cứu quốc. Tuy nhiên,

những phong-trào đầu tiên mới chỉ thu hẹp trong phạm vi văn hóa và kể tiền phong phải được kể đến trước hết là công-chúa Raden Adjeng Kartini xứ Japara. Bà đã hô hào, tổ chức việc Âu-hóa nền giáo-dục bản xứ, và đặc biệt là đẩy mạnh công cuộc giáo dục phụ nữ. Theo chân bà, bác-sĩ Waidin Sudita Usada cũng đứng ra thành lập hội Budi Utomo năm 1908 nhằm chấn hưng tinh-thần quốc gia qua tổ chức học đường — tương tự như phong-trào Đông-Kinh Nghĩa-thục ở Việt-Nam.

Bốn năm sau, một chính đảng đầu tiên đã được thành lập : Sarekat Islam, thường được gọi là Đảng Hồi-giáo. Đảng chủ-trương tranh-đấu ôn hòa và công khai đề đòi hỏi cho In-Đô-nê-si-a được tự trị trong Đế-quốc Hòa-Lan. Trên đường phát-triển, Đảng đã tuyên truyền chủ-chương chống người Hòa, người Tàu và cả giới phong-kiến In-đô-nê-si-a, nên đã thu hút được khá nhiều đảng viên. Năm 1919 số đảng-viên đã lên tới hai triệu rưỡi. 1919 cũng ghi dấu cao điểm bành-trướng tốt cùng của đảng này, vì ngay sau đó đảng dần dần bị tan rã do sự bất hòa của các khuynh-hướng tôn-giáo, quốc-gia và cộng-sản trong nội-bộ.

Năm 1920, nhóm Mác-xít trong Đảng Hồi-giáo tách ra thành lập đảng Cộng-sản, Cộng-đảng đầu tiên ở Á-Châu. Cộng-sản hoạt-động khá sôi nổi trong các cuộc sách-động biểu-tình, đình-công. Nhưng tới năm 1926, trong một cuộc nổi dậy vội vã với hai trăm chiến-sĩ tại Batavia, đảng này đã bị chính-quyền thống-trị giết tan, rồi ruồng bỏ khắp nơi và đem

(1) Hòa-Lan đã mở đất Java cho người Tàu tràn vào. Ngay từ thế kỷ 18 đã có hàng trăm ngàn người Tàu di-cư sang.

đi đây ở Tây Tân Guinée 1300 đảng-viên.

Năm 1927, Sukarno, một kỹ-sư trẻ tuổi, đã đứng ra thành lập Đảng Quốc-gia. Chủ-trương của Đảng là tranh thủ độc-lập bằng cách bất hợp tác với người Hòa trong tinh thần tự tín, không bạo động. Hoạt-động vùn vùn được hai năm, khi số đảng-viên mới lên tới 10 ngàn thì Đảng Quốc-gia cũng bị giải-tán. Chính-quyền Hòa-lan đã bắt Sukarno và nhiều lãnh tụ khác rồi cũng đem đây sang Tây Tân Guinée.

Trong Thế-chiến 2, quân Nhật đã tấn-công In-đô-nê-si-a vào tháng 3-1942 và đã chiến-thắng mau chóng khắp các đảo. Tùy theo các cuộc điều động đơn vị hành quân, Bộ Tư lệnh Nhật đã giao cho Lục-quân quản-trị đảo Java, Hải-quân đảo Bornéo, Célèbes và các đảo nhỏ, còn Sumatra thì được ghép chung với Mã-lai trong việc cai-quản hành-chánh.

Người Nhật đã đưa Sukarno về Java và đặt ông ta vào chức vụ Chủ-tịch Hội-đồng Cố-vấn Trung-ương thiết-lập hồi tháng 9-1943. Ngày 17-7-1945 Hội-đồng Tối Cao Chỉ-đạo Chiến-tranh của Nhật đã quyết-định trao trả độc lập cho In-đô-nê-si-a và một Ủy-ban Dự-bị Độc-lập cũng được tổ-chức. Tuy nhiên chưa đầy một tháng sau thì Nhật đầu hàng (15-8-1945) Ủy-ban Dự-bị Độc-lập bèn vội vã tuyên-cáo nền độc-lập của tân Cộng-hòa In-đô-nê-si-a trước quốc dân và thế-giới (17-8-1945).

Sau khi công bố độc lập, Ủy-ban Dự-bị Độc-lập đã bầu Sukarno giữ chức vụ Tổng-thống và Hatta Phó Tổng-thống; đồng thời một Hiến-pháp cũng đã được ban hành. Sukarno đã thành lập nội các và Hội-đồng Quốc-gia Trung-ương với 135 hội-viên. Nền Cộng-hòa In-đô-nê-

si-a được tô-điểm thêm bằng Ngũ niêm Pantja Sila, chuẩn đích cho ý-thức chính-trị : Thượng-Đế, Quốc-gia, Nhân-đạo, Dân-chủ và Công-lý.

Con đường độc lập còn nhiều gian nan

Đã có một khoảng trống thời gian từ khi In-đô-nê-si-a tuyên-cáo độc-lập tới lúc quân Anh nhân danh đồng minh đến chấp nhận sự đầu hàng và tước khí giới quân-đội Nhật. Lợi dụng thời-gian sáu tuần lễ ấy, chính-phủ Sukarno đã cố gắng vô bờ bến trong việc tổ chức cơ-quan hành-pháp từ trung-ương xuống thôn ấp. Chính phủ cũng thành lập một đạo quân trang bị nhẹ bằng chính vũ-khí của Nhật lên chuyển giao.

Tuy nhiên, để tránh tiếng về việc đồng minh cho là những nhân vật cầm quyền đều là những phần tử cộng tác với Nhật, Sukarno cũng tức thời mở cửa cho giới thanh niên chống Nhật thuộc khuynh-hướng xã-hội tham-dự vào guồng máy chính-trị. Hội-đồng Quốc-gia Trung-ương nguyên chỉ đóng vai trò tư vấn đã được mở rộng và đổi thành cơ-quan lập chánh. Nội các tổng-thống-chế do chính Sukarno cầm đầu bị giải tán và Sjahrir thuộc đảng Xã-hội được đề cử đứng ra thành lập nội các trách-nhiệm "rước lập pháp.

Bốn chính đảng đã được tái lập và hoạt-động hợp pháp trong thời kỳ này là Đảng Hồi-giáo Masjumi, Đảng Quốc-gia, Đảng Xã-hội, và Đảng Cộng-sản.

Cũng tương-tự như tình-trạng miền Nam Việt-Nam sau thế-chiến, quân Anh đã mang theo quân Hòa-lan tới In-đô-nê-si-a ngay ít lâu sau những đợt đổ bộ đầu tiên. Anh đã trở lại Miến và Mã, nên cũng muốn giúp Pháp và Hòa trở lại cự thuộc-địa để cùng nương tựa nhau

mà tạo lại thời vàng son của thực dân ở Đông Nam Á. Đứng trước sự trở lại của người Hòa, dù có nhiều áp lực nội bộ (nhất là của quân-đội) đòi giải-quyết bằng quân-sự, nhưng chính phủ Sjahrir và các chính-phủ kế-tiếp vẫn thương thuyết để tìm một lối thoát đỡ đỡ vớ hơn.

Về vùng kiểm soát, lúc ấy Hòa đã chiếm được một số thành phố trên hai đảo Java và Sumatra, nhưng chánh phủ Cộng-hòa vẫn nắm trọn được hầu hết dân chúng trên hai đảo chính này. Tại các nơi khác, Hòa đã chiếm cứ dễ - dàng hơn và chiếm được đến đâu Hòa lập tiểu-bang và vùng tự trị đến đó.

Tới tháng 3-1947 sau nhiều lần gặp gỡ, các nhà lãnh-đạo In-đô-nê-sia và Đại-diện Hòa đã ký thỏa-ước Linggad-jati với nhau. Theo đó, Hòa công nhận Cộng-hòa In-đô-nê-si-a gồm đảo Java và Sumatra, nhưng ngược lại, chính phủ Cộng-hòa phải công nhận sự khai-sinh của một Liên - Hiệp In-đô-nê-sia gồm thành-phần Cộng - hòa In-đô-nê-si-a, Bornéo và Đại - Đông (từ Célèbes tới Tây Tân Guinée). Và sau hết, Liên-Hiệp In-đô-nê-sia phải nằm trong Khối Thịnh-vượng Hòa-Lan cùng với Tây-Ấn thuộc Hòa. Bên cạnh hệ-thống chính-trị ba tầng « Cộng-hòa — Liên-Hiệp — Khối Thịnh-vượng » thỏa ước còn có điều khoản « nỗ lực quân-sự của cả hai bên đều phải sút giảm để duy trì hòa-bình ».

Thỏa-ước được ký kết nhưng không có ai thi-hành, bốn tháng sau mặc nhiên coi như bị xé bỏ. Lực lượng Hòa thay vì được sút giảm thì lại tăng viện liên tục. Tới tháng 7-1947, lực lượng này đã lên tới 150.000 người. Thấy đã đủ mạnh, Hòa liền ra quân tấn công. Tuy

nhiên Ấn và Úc đã tức khắc kêu gọi Hội-Đồng Bảo-An Liên-Hiệp-quốc can thiệp, nên cuộc chiến đã bị chặn lại. Dù sao, sau một thời-gian hành-quân ngăn ngủi, Hòa cũng đã chiếm được nhiều vùng đất đồn điền và hầm mỏ giàu có ở Java và Sumatra ; Và phái-đoàn Liên-Hiệp-quốc đã mặc nhiên cho Hòa giữ lại những vùng đất ấy.

Tháng giêng 1948, hai bên ký một thỏa-ước mới, thỏa ước tự nó biểu-lộ rõ rệt sự yếu-thế về quân-sự của In-đô-nê-si-a. Nhưng chưa đầy một năm (12-1948), Hòa lại tung quân tấn công lần thứ nhì. Với chiến - thuật chớp nhoáng, sử dụng vũ-khí nặng và không-yểm, Hòa đã chiếm được thủ-đô In-đô-nê-sia, bắt giữ hầu hết các lãnh-tụ trong đó có cả Tổng-thống Sukarno và Thủ-tướng Hatta, và đem đẩy họ ra đảo Bangka ngoài khơi Sumatra.

Hành-động của Hòa đã bị cả thế-giới lên án. Chính-quốc Hòa bị rung động vì áp lực ngoại-giao ở khắp nơi. Hơn nữa, quân-đội In-đô-nê-sia đã phân tán và áp-dụng chiến-thuật du-kích làm cho quân Hòa không thể tổ-chức guồng máy hành-chánh ở những nơi mới chiếm được.

Hòa tự thấy mình bị sa lầy, sa lầy giữa công luận quốc tế và ngay cả giữa đất thuộc địa cũ, nay là đất của thù nghịch. Nên, sau cùng, Hòa lại phải đưa các lãnh-tụ In-đô-nê-si-a về Java và điều-đinh. Một Hội-nghị bàn tròn đã được tổ-chức tại Hòa-Lan giữa chính-phủ Hòa, đại-diện Cộng-Hòa In-đô-nê-si-a và các Tiểu - bang do Hòa thành lập để giải quyết cho xong vấn-đề.

Kết-quả của Hội - nghị bàn tròn là việc thành-lập một Cộng-hòa Liên-hiệp

In-đô-nê-sia (Republic of The United States of Indonesia) gồm 15 tiểu-bang do Hòa đở đầu kết-hợp với Cộng-hòa In-đô-nê-si-a cũ. Như vậy, ngoại trừ đất Tây Irian (tức Tây Tân-Guinée) Hòa vẫn ngoan cố giữ lại (1) còn tất cả lãnh-thò In-đô-nê-si-a đã được quy về một mối, dù dưới hình-thức Liên-hiệp lỏng lẻo.

Căn cứ vào kết-quả trên, Cộng Hòa Liên-Hiệp In-đô-nê-sia đã được công bố thành-lập ngày 27-12-1949, vẫn với Sukarno, tổng-thống, và Hatta, thủ-tướng. Bảy tháng sau, nội - bộ Liên-Hiệp nảy sinh ra nhu-cầu thống-nhất thực sự, do đó các tiểu-bang đã họp

lại, cùng đồng ý hủy bỏ hình - thức Liên-hiệp và đổi lại danh-hiệu là Cộng-Hòa In-đô-nê-si-a như xưa.

(còn tiếp 1 kỳ)

PHẠM VIỆT CHÂU

(1) Tây Irian là nơi cư ngụ của 800.000 người Papuan da đen thuộc giống Australoid cò sơ. Do đó Hòa đã cho rằng không có lý gì một lãnh thổ biệt lập, khác giống dân, lại nhất thiết phải sáp nhập vào In-đô-nê-sia. Về sau, qua nhiều cuộc điều đình bất thành, In-đô-nê-sia đã sử dụng quân đội đoạt lại năm 1962, nhưng Liên-Hiệp-quốc đã can thiệp và 'giữ thề diện' cho Tây-phương bằng cách đề nghị đề dân Papuan tự do lựa chọn trong một cuộc đầu phiếu vào năm 1969.

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. YẾN-TRÍ

KN 226.8Y7

Cuộc đảo chính ở Libye

liên hệ với tình hình Trung-Đông

Ngày 1-9-1969, một biến cố quan trọng đã xảy ra ở Libye một cuộc đảo chánh đã diễn ra biến nước quân chủ này thành một nước Cộng-hòa xã-hội. Cách đây 3 tháng một cuộc cách-mạng xã-hội cũng đã bùng nổ ra ở Soudan, khiến cho cả một khối Ả-Rập liên-tục từ Algérie đến Ai-Cập, Soudan và Syrie trở thành một khối các nước Cộng-hòa xã-hội cùng chung một lý tưởng chống Do-Thái. Đó là một thắng lợi lớn của các quốc-gia Ả-Rập và đồng thời Nga-sô cũng củng cố thêm được thế lực của mình tại một khu vực đang bị mây mù của chiến tranh Trung-Đông bao phủ.

Libye là một nước toàn sa mạc, rộng 1.759.000 km², nhưng chỉ có chừng 1/100 đất đai là có thể canh tác được. Dân số 1.800.000 người theo đạo Hồi trừ một thiểu số theo đạo Thiên-Chúa. Thủ đô : Tripoli. Có 3 tỉnh là Tripolitaine, Cynéraiique và Fezzan.

Trước thế chiến, Libye là một thuộc địa của Ý. Lybie đã từng là chiến trường tranh hùng giữa các chiến xa của tướng Rommel (Đức Quốc-xã) và tướng Montgomery (Anh). Những địa-diểm có tên quen thuộc như Tobrouk Benghazi đã bị hai bên tranh đi đoạt lại nhiều lần. Vì Lybie là con đường tiến tới kênh đào Suez mà tướng Rommel cố vươn tới,

mà tướng Montgomery thì cố chặn cho kỳ được, nên những bãi sa mạc nóng bỏng Lybie còn chôn bao xác chiến xa.

Sau thế chiến, Libye được đặt dưới quyền giám hộ của Liên Hiệp Quốc. Đến năm 1951 thì Libye được trao trả độc lập. Vua Mohammed Idriss El Sennoussi (60 tuổi) lưu vong ở Ai-Cập từ năm 24 tuổi được Quốc-hội lập-hiến bầu lên làm vua, lấy vương-hiệu là Idriss đệ-nhất.

Quốc vương Idriss rất được tôn sùng vì ông tượng trưng cho sự đoàn kết giữa các bộ lạc cừu địch. Năm 1964 khi ông định thoái vị vào năm 75 tuổi, dân chúng đã biểu tình ủng hộ ông. Nhưng ông cai trị nước ông như một vị vua chuyên chế. Quốc vương Idriss không có con và chọn cháu là Hassan Rida làm Đông cung thái-tử.

Từ khi độc-lập (12-1950) cho đến năm 1959, Libye là một nước nghèo, lợi-tức tính theo đầu người thấp nhất trên thế-giới, chỉ có giá trị như là một xứ trung-độ ở Địa-trung-hải giữa Tây-Âu và Ai-Cập. Có thể nói là trong thời gian đó Libye sống về những căn cứ ngoại quốc : căn cứ Hoa-kỳ ở Tripoli, Benghazi, căn cứ Anh ở Tobrouk. Năm 1954, Hoa-kỳ ký với Libye một hiệp-ước theo đó Hoa-kỳ được sử dụng căn-cứ không quân Wheelus Field (gần



Quốc vương Idriss

Tripoli) cho đến ngày 24-12-1970 với giá là 10 triệu đô-la mỗi năm.

Hạm đội thứ 6 Hoa-kỳ đặt căn cứ ở Tripoli kiểm soát con đường Địa-trung-hải cùng với hạm đội Anh quốc từ khi nước này mất những căn cứ ở Ai-Cập để trực tiếp khống chế kênh đào Suez.

Nhưng từ khi khám phá ra những mỏ dầu-hoả ở tỉnh Tripoli và nhất là ở tỉnh Cynérai que, nhiều công ty dầu lửa Anh, Hoa-kỳ và cả Pháp nữa đã đến xin đất để khai thác. Hiện nay có tất cả 118 mỏ dầu lửa do 38 công-ty khai thác. Chính hãng Standard Oil of New Jersey (Esso) của Hoa-kỳ đã khám phá ra là Lybie có dầu lửa. Tổng số lượng dầu lửa còn nằm dưới lòng đất ước tính là hơn 3 tỉ tấn (5,5% số dầu lửa chưa khai thác trên toàn thế-giới), một kho tàng vô tận !

|| Cho đến năm 1958, Lybie đã đứng hàng thứ tư trên thế-giới về sản xuất dầu lửa (125 triệu tấn), sau Hoa-kỳ (584 triệu tấn) Venezuela (187 triệu tấn) Ba-tư (140 triệu tấn) và Arabie Séoudite (140 triệu tấn). Trước một nguồn lợi

bất ngờ, chính-phủ Lybie, với đạo luật số 5/1955, đã cho các Công ty ngoại quốc tự do cạnh tranh khai thác và phải chia lãi với chính phủ (1). Trong vòng có mấy năm, Lybie nghiêm nhiên từ một nước nghèo nàn nhất thế-giới biến thành một nước giàu có, lợi tức tính theo đầu người cao nhất Phi-Châu. Năm 1967 Lybie đã quyết định hàng năm đóng một số tiền là 45 triệu bảng để nâng đỡ kinh-tế các quốc-gia bị cuộc "chiến tranh sáu ngày" làm thiệt hại nhất, cụ thể là Cộng-hòa Ả-Rập Thống-nhất và Jordanie. Lybie đã biến thành một kho tiền của khối Ả-Rập trong cuộc thánh chiến chống Do-Thái.

Hoa-kỳ là nước bỏ vốn đầu tư nhiều nhất ở Lybie khai thác những giếng dầu vĩ-đại nhất như những giếng Zelten cách vịnh Syrte 170 km mỗi ngày hút được 32.000 barils dầu. Một công-ty Hoa-kỳ khai thác một ngày được tới 500.000 barils dầu, giá cả lại rẻ hơn là dầu hỏa của Algérie.

Từ một nơi chỉ có một giá trị chiến lược thuần túy, bỗng nhiên Lybie trở nên một con bò sữa của Hoa-kỳ. Vì thế cho nên mấy năm gần đây Hoa-kỳ đã cử đến Lybie một nhà ngoại giao vào bậc lỗi lạc nhất của mình: Ông Joseph Palmer, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao phụ trách Phi-Châu sự vụ.

Riêng đối với Anh, từ ngày kênh đào Suez bị đóng cửa, Lybie cùng với Koweit trở nên những khách hàng quan trọng nhất, hàng năm cung cấp cho Anh tới 14 triệu tấn dầu lửa (15% nhu cầu dầu

(1) Tháng 4-68, Chính phủ Lybie ra thông-cáo là các hãng ngoại quốc khai thác dầu lửa ở Lybie ký giao kèo phải chia đôi với Công-ty quốc-gia LIPETCO (Libyan National Petroleum Company).

1

ra của Anh). Pháp cũng mua của Libye tới 10,85 triệu tấn vào năm 1963 (nghĩa là 13% số lượng nhập cảng Pháp).

Đối với các nước Tây-phương, Libye càng ngày càng trở nên một nguồn tiếp tế vô tận, một nguồn lợi tức không đáy. Quốc-vương Idriss xứ Libye trở nên một trong những nhà giàu có nhất thế giới, một người mà cả Anh lẫn Mỹ đều có lợi trong việc bảo vệ ngôi báu để giữ vững lấy con gà đẻ trứng vàng.

Chính quốc-vương Idriss cũng đã có thái độ rất khôn ngoan là ủng hộ các quốc gia Ả-Rập trong công cuộc chống Do-Thái. Trong cuộc chiến tranh 6 ngày, quốc vương đã dè toàn thể hạm đội của mình dưới quyền sử dụng của Tổng-thống Nasser. Quốc vương cũng đã xuất quỹ ra để tài trợ cho việc tái thiết những nơi ở Ai-cập và Jordanie bị Do Thái tàn phá. Làm như vậy, quốc vương Idriss hy vọng là các quốc gia Ả-Rập sẽ không động đến ngai vàng của mình.

Nhưng cuộc đảo chính ngày 1-9-1969, do một nhóm sĩ quan có xu hướng cách mạng điều khiển, đã bùng nổ một cách bất ngờ ở Tripoli và mau chóng lan tràn ra toàn quốc, trong khi quốc vương còn đang du lịch ở Thổ-Nhĩ Kỳ. Tại sao lại có thể có sự bất ngờ đó, không những đối với quốc vương mà đối với cả các nước Tây-phương nữa, vì chế độ quân chủ ở Libye là một đảm bảo chắc chắn nhất cho những số tiền khổng lồ của họ đầu tư ở các mỏ dầu lửa.

Nguyên do cuộc đảo-chính

Cuộc đảo chính 1-9 tuy là do một nhóm quân nhân thực hiện, nhưng chắc chắn không phải một cuộc đảo chính như các cuộc đảo chính khác, thường xảy ra.

Trước hết nó là một cuộc đảo chính của một nhóm sĩ quan khuynh tả, ôm ấp những tư tưởng cấp tiến. Đại-tá Abon Chouairib, 35 tuổi, người cầm đầu cuộc đảo chính, là một người được huấn luyện ở Anh, có tư tưởng tiến bộ, chủ trương liên-hiệp Ả-Rập và cách-mạng xã-hội chủ-nghĩa. Dưới trướng ông có rất nhiều sĩ quan trẻ tuổi và hăng hái.



Đại tá Chouairib

Điểm thứ hai là sau khi cuộc đảo-chính thành công, nền Cộng-hòa được tuyên bố, mọi cơ cấu quốc-gia chắc chắn sẽ hoàn toàn đảo lộn. Tất cả mọi người đều hoan nghênh nền Cộng-hòa mới lập. Cả thái-tử Hassan Rida là người mà quốc vương dự định truyền ngôi cho cũng tán thành nền Cộng-hòa. Dân chúng các thành phố lớn đều ngả theo Cách-mạng.

Chế-độ Cộng-hòa vừa mới được tuyên bố thì hầu hết các nước trong khối Ả-Rập đã thừa nhận.

Ta có thể tìm thấy mấy nguyên nhân chính sau đây.

— 1) Sự quân phân lợi-tức dưới

chế-độ quân-chủ có nhiều điểm bất công khiến cho một số người trực tiếp hưởng lợi trở nên giàu có một cách nhanh chóng trong khi đa số dân chúng vẫn thiếu thốn. Do đó trong dân chúng, ngầm phát triển ước vọng xóa bỏ chế độ quân chủ để cho việc quân phân lợi tức về dầu lửa được đồng đều hơn.

— 2) Trước nguồn lợi lớn của quốc-gia, người dân Libye muốn giành lại quyền tự mình khai thác các mỏ dầu từ trước vẫn ở trong tay các Công-ty tư-bản ngoại-quốc nhất là Anh-Mỹ. Chỉ có lật đổ chế-độ quân-chủ mới hy vọng nắm vững được quyền quản-lý nền kinh tế quốc-gia. Trước viễn tượng vô cùng tốt đẹp của nền kinh tế dầu lửa quốc-gia, người dân Libye hy vọng tiến tới một xã-hội phồn-thịnh và công bằng hơn.

— 3) Các quốc gia Ả-Rập, nhất là hai nước láng giềng của Libye là Cộng-hòa Ả-Rập Thống nhất và Algérie, đều không muốn một nguồn tài nguyên vô tận của khối Ả-Rập lại do các nước Tây-phương khai thác. Họ muốn rằng những tài nguyên của khối Ả-Rập sẽ do người Ả-Rập khai thác. Các quốc gia Tây-phương sẽ chỉ là những khách hàng của họ mà thôi và phải theo những điều kiện có lợi cho họ. Một cách chắc chắn nhất là làm sao thực hiện được một khối duy nhất có cùng một chế độ chính trị (một chế độ cộng hòa, xã hội) liên kết chặt chẽ với nhau từ Đại-tây-dương đến Ấn-độ-dương. Cuộc đảo chính thành công ở Libye là điều họ hằng mong ước nhất.

— 4) Sự vận động ngầm của phe Cộng - sản. Ông Suren Akopovitch Tovmasian, đại sứ Nga ở Libye từ 1965, chắc chắn đã có những hoạt động ngầm để thúc đẩy một phong trào cách mạng ở Libye, một công việc tuy tế nhị nhưng được dễ dàng ngụy trang dưới phong

trào Liên Ả-Rập xu hướng Nasser hay đảng Baas (Iraq). Bình luận về cuộc đảo chính, đài Mạc-tur-khoa cho biết là việc lật đổ chế độ quân chủ có liên quan chặt chẽ với nhu cầu nội bộ, với những vấn đề chính trị chưa được giải quyết, với sự nghèo đói của đại đa số quần chúng, với sự bất mãn về chính sách đối ngoại của chính phủ cũ.

Chính những nguyên nhân trong và ngoài đó đã thúc đẩy các sĩ quan trẻ thực hiện cuộc đảo-chánh thành công trước sự bất ngờ không những của nhà vua mà của các giới chính trị Tây-phương nữa.

Diễn biến cuộc đảo-chánh

Sáng sớm ngày thứ hai 1-9-49, dân chúng Tripoli và các nhân viên thuộc căn cứ không quân Hoa-kỳ Wheelus Field gần đó, giật mình thức dậy vì những tiếng súng bất thường đây đó nổ vang. Rồi đài phát thanh loan báo chế-độ quân chủ đã bị lật đổ và nền Cộng-hòa được tuyên cáo, giấc mộng ngàn đời của dân chúng Libye được thực hiện. Người lãnh đạo cuộc đảo chánh là đại tá Abon Chouairib thuộc nhóm sĩ quan tiến bộ, chủ trương Liên-hiệp Ả-Rập, ngay từ lúc đầu, đã chiếm bộ Tổng Tham-mưu, sở Cảnh-sát công an Trung ương, trụ-sở Đài phát thanh và vây hãm Hoàng cung. Chiến xa bố trí ở khắp các đường phố. Lệnh thiết-quân-luật được ban hành. Đến 8 giờ thì phi cơ bắt đầu bay lượn trên thành phố Tripoli và Thái-tử, đóng ở trong Hoàng-Cung, tuyên bố hưởng-ứng phe đảo-chánh. Chỉ trong vòng một ngày là tất cả các tỉnh lớn bị chiến xa quân nổi dậy chiếm đóng mà không xảy ra sự kháng cự nào đáng kể.

Một Ủy-ban Cách-mạng được thành lập tuyên bố truất phế vua Idriss và thành lập một chế-độ Cộng-hòa xã hội ở Libye.

Các đại-sứ của 4 cường-quốc (Anh,

Mỹ Pháp. Nga) được triệu tập đến trụ sở của Ủy-ban Cách-mạng để được thông-báo về quyết định trên và cũng để minh xác lập-trường của Ủy-ban là không nhằm chống đối bất cứ một ngoại-bang nào. Tất cả các quyền lợi của ngoại-quốc ở Libye vẫn được tôn trọng. Các giếng dầu vẫn tiếp tục hoạt động như thường.

Vua Idriss, sau khi nghe tin này, lật đật trở về Hi-lạp đặt bản-doanh tạm thời tại Kamena Vourla để quan sát tình hình và vẫn tin tưởng là sẽ trở về Hoàng-cung ở Tripoli.

Nhưng các cộng-sự-viên thân tín của nhà vua đã dần dần bỏ ông để theo Cách-mạng, kể cả các cựu Thủ tướng, cựu đại-sứ và cả người cháu mà ông định truyền ngôi cho nữa.

Trong khi các nước Tây-phương còn dè dặt nghiên cứu, các nước cộng-sản chưa vội vàng, thì hầu hết các quốc gia trong khối Ả-Rập đã công nhận chế-độ mới ở Libye. Đặc biệt là cái « Chính phủ Cách mạng Lâm-thời Cộng-hòa Nam Việt-Nam » (Việt-Cộng) cũng đã mau mắn thừa nhận chính phủ mới này trong khi chính-phủ V.N.C.H. vẫn giữ thái độ im lặng, để rồi sau này lãnh đủ vì chắc chắn chế-độ mới ở Libye sẽ đứng vững. Nó sẽ được hậu thuẫn của tất cả khối Ả-Rập và của các nước Cộng-sản. Hoa-kỳ và các quốc gia Tây-phương khác tuy lo ngại nhưng không thể nào trắng trợn can thiệp được. Vua Idriss đã nhắc khéo Anh về việc thi hành hiệp-ước tương trợ Anh-Libye ký năm 1953, nhưng Anh đã khước từ không can thiệp. Và lại chế-độ mới cũng chưa đụng gì tới quyền lợi của các nước Tây-phương. Có Tây Đức là e ngại hơn cả, vì chế độ mới có thể

tuyệt giao với mình khi đặt quan hệ với Đông Đức. Hiện nay Tây Đức chỉ còn liên lạc ngoại giao với 3 nước Ả Rập là : Libye, Tunisie và Maroc.

oOo

Trong vòng 3 tháng vừa qua, hai biến cố đã làm đảo lộn tình hình Bắc-Phi và Trung-Đông : Đó là cuộc Cách-mạng xã-hội ở Soudan và cuộc đảo chánh thiết lập chế-độ xã-hội ở Libye.

Hai biến-cố này sẽ làm cho khối Ả-rập trở nên thuần nhất hơn về phương diện chính trị. Lý tưởng xã-hội cũng làm cho họ xích gần lại với phe cộng sản hơn.

Nhưng yếu-tố chính khiến cho khối này gần đây có tính cách khuynh tả rõ rệt là hiểm họa Do-Thái mà họ cho là được các nước Tây phương nuôi dưỡng. Chính mối nguy Do Thái đã đoàn kết chặt chẽ các người Ả-Rập từ Syrie đến Soudan, từ Irak đến Algérie, Maroc, từ Palestine đến Libye. Đâu đâu họ cũng đồ diệt cho các cường quốc Tây-phương, nhất là Hoa-kỳ, đã nâng đỡ và trang bị cho Do-Thái và hướng về Liên-xô, trông mong ở sự giúp đỡ của nước này.

Trước kia, Libye tuy có giúp đỡ tiền bạc vào công việc chung của khối, nhưng việc giúp đỡ đó quá ít ỏi về ôn hòa. Nay trở nên một nước Cộng-hòa cùng chung lý tưởng, chắc phần đóng góp của Libye sẽ lớn lao hơn, nhất là về phương diện tài nguyên và do đó sẽ gây khó khăn thêm cho Do-Thái và cho Hoa-kỳ, mặc dầu từ trước tới nay Hoa-kỳ vẫn đứng ngoài cuộc. Cũng vì thế mà phe Cộng-sản thêm được một điểm thắng trên bàn cờ thế-giới.

VIỆT-PHƯƠNG

Đám cưới trong mùa hè

* tặng CAO-THOẠI-CHÂU

Nguyễn cầm ly rượu trên tay, chàng dùng gót chân đẩy chiếc ghế ngồi nhích sang một bên đứng dậy. Ly rượu đầy tràn sóng sánh muốn đổ cả ra tay. Mấy người ngồi chung bàn nhao nhao phản đối:

— Ê, thầy giáo. Thầy giáo không được làm đổ một giọt rượu nào, nếu không thầy giáo chịu khó uống bù ba ly khác vậy.

Một vài người cười khanh khách. Nguyễn nhìn ly rượu, tự nhiên chàng thấy ly rượu menh men như một cái biển lớn. Nguyễn làm lý kê ly rượu vào môi uống một ngụm. Chàng như muốn hút hơi. Ly rượu vẫn không vơi một chút nào. Nguyễn choáng váng. Cái biển này tôi uống biết bao giờ mới cạn. Nguyễn lom khom định đề ly rượu xuống bàn. Một người dẫn tay chàng nói:

— Yếu quá. Làm nữa, làm cho hết. Và thẳng một hơi cho nó xé lỗ tai.

— Đề ly xuống tăng thêm hai ly. Vị chi là năm ly tất cả. Nếu ly rượu còn đầy trên tay.

Nguyễn gượng cười cầm ly rượu lên. Hân ngồi phía góc bàn nói:

— Anh bạn tôi không uống nhiều được. Anh ấy đã có vẻ say.

— Đồng nghiệp bình đồng nghiệp. Không được. Thầy Hân uống một ly. Tiếng vỗ tay nổi lên lớp lớp. Hân

lúng túng nhận ly rượu phạt uống một hơi. Xong ngồi xuống ngó Nguyễn cười. Nguyễn cầm ly rượu tẩn ngẩn. Một người bỗng nói:

— Ép đầu ép mõ ai nữa....ép rượu.

— Ông bạn vàng nào vậy, phạt một ly.

Mọi người lại vỗ tay. Người đàn ông vừa gãi đầu vừa bung ly rượu lên uống cạn. Nguyễn định tâm một ly này nữa rồi chuẩn. Nên chàng nín thở đưa ly rượu lên môi uống một hơi. Xong chàng đề ly rượu xuống bàn nghe cộp một tiếng. Mọi người vỗ tay ầm ỉ. Nguyễn nói:

Xin phép. Xin phép, Tôi có chút việc.

Vừa nói chàng vừa lách đám đông đi thẳng ra nhà sau. Một người hô thật lớn phía sau lưng:

— Ê. Thầy giáo chạy trốn. Không được, giữ lại bà con.

Nguyễn đứng tựa vào vách ngó ngoái lại xem có ai đuổi theo không. Nhưng không có ai cả. Mọi người lại quay ra với tiệc rượu. Long từ trong buồng bước ra. Nguyễn phân trần:

— Cậu không ở giúp tôi. Họ đàn áp tôi quá cỡ. Phải chạy trốn. Long cười:

— Say chưa?

— Hơi hơi.

— Nếu liệu không xong vào giường

Thuyền mà nằm. Tôi cũng chịu, không cách gì giúp cậu được. Mỗi lần mời một ly chắc tôi cũng sắp sụm. Long vẫn không trút bỏ bộ đồ lính. Chắc tìm không ra đồ lớn. Tuy nhiên bộ đồ nhà binh hôm nay được ủi phẳng thớm. Chiếc lon vàng chói trên cổ áo. Phiến các có cài lên miệng túi cho Long một cánh hoa màu trắng. Vậy là thành chú rề. Nguyễn ngó Long cười :

— Hôm nay trông cậu thật ly kỳ.

Long mân mê cánh hoa nói :

— Phiến nó nhất quyết bắt tôi phải đeo cái thứ này. Ném đi hai ba lần nó cũng cứ tìm mà bắt gắn vào.

— Không sao. Như vậy cho nó phân biệt. Không người ta chẳng biết chú rề là ông nào thì phiến to.

Long cười bỏ đi. Nguyễn thấy Long lúng túng chào hỏi một vài người mới đến. Cưới vợ cũng cả một vấn đề. Nguyễn cười thầm, bước vào buồng. Người mẹ đang sắp lại những quả bánh của hàng xóm tới biếu, ngẩng lên hỏi :

— Sao không ở ngoài đó chơi. Cháu không chịu được đám đông hả ?

— Mệt quá bác.

Phiến háy mắt :

— Thầy con bị người ta ép uống rượu nên chạy trốn.

Người mẹ sửa lại chiếc khăn cười :

— Say chưa ?

— Dạ, ngà ngà.

Phiến chỉ chiếc giường trống :

— Nếu đứng không vững thì nằm xuống đây. Té em đỡ không có nôi đâu.

Nguyễn ngó người mẹ. Rồi quay sang Phiến :

— Khởi cần cô đỡ.

Người mẹ cười nói :

— Nền chầu cần nghỉ lưng thì nằm xuống đó mà nghỉ. Cháu uống làm sao lại mấy người trong làng này.

Nguyễn ngồi xuống mép giường lắc đầu :

— Dạ cháu chịu thua.

Phiến hăm hỉnh :

— Như vậy là thầy theo chúc thứ ba mươi sáu đấy nhé.

— U, chạy là thượng sách. Uống thì với họ không anh hùng gì. Bộ xấu hổ sao ?

Người mẹ vuốt tóc Phiến nói :

— Con để thầy nghỉ, phá hoại. Vào lớp bị đánh lại đừng có khóc.

Phiến đỏ mặt. Người mẹ nói cháu cứ nằm nghỉ cho khoẻ, rồi bà bước ra cửa.

Nguyễn ngồi nhìn những quả bánh xanh đỏ bọc giấy bóng ngũ sắc lóc loẹt sắp thành hàng dài trên chiếc đi-văng kê một góc, ngỡ như sắp sửa dự một tiệc trà của trẻ con. Cạnh đó là những chai rượu đủ hiệu, đủ cỡ. Có những thứ rượu xưa nay Nguyễn không thấy bao giờ. Rượu cũng được bọc bằng thứ giấy bóng ngũ sắc, thành từng cặp. Nguyễn nói với Phiến :

— Thầy chưa từng dự một cái đám cưới nào ngộ nghĩnh như cái đám cưới này.

— Đám cưới nhà quê mà.

— Không phải. Nó ngộ nghĩnh theo ý riêng của nó chứ thầy không nói đám cưới nhà quê hay ở thành.

Phiến cười :

— Đám cưới mà chú rề mặc đồ lính, không có rước dâu. Nhà trai nhà gái tới một lúc về một lúc, Bạn bè toàn là

lính với thầy giáo thì ngô nghĩnh sao được.

— Đám cưới thời chiến mà cô bé.

Phiến xuống giường lục lạo đầu đó một hồi mang lại cho Nguyễn một cánh hoa bắt Nguyễn phải cài lên túi áo. Nguyễn dấy dậy:

— Thầy mà đeo cái này à. Kỳ chết

— Thầy là phù rề mà.

Phiến không đợi Nguyễn nói gì thêm. Cô bé cài đại cánh hoa lên túi áo Nguyễn. Xong đứng kh m người ngăm ngila một lúc, nói:

— Đẹp ác. Thầy phải làm phù rề cho anh Long.

— Thầy chả biết làm gì cả. Thầy đang say rượu. Làm phù rề mà ăn nói bậy bạ người ta cười.

Thuyên bắt ngờ bước vào. Thuyên mặc áo cưới màu lụa mỡ gà. Trên mái tóc có chiếc vương miện sáng lấp lánh. Lăn trong tóc những vụn công phet-ti ngũ sắc. Nguyễn nói:

— Cô dâu hôm nay đẹp ác. Nhưng chú rề thì không đúng điệu chút nào. Ai đời đám cưới mà đi mặc đồ nhà binh

Thuyên cười:

— Bây giờ ngồi công kích người ta hay sao, ông ?

— Hơi say.

— Anh trốn trong này ở ngoài họ tìm khắp nơi.

Đừng nói. Bí mật. Cô dâu mà tiết lộ tôi chết đấy. Thuyên bỏ ra ngoài. Phiến nói:

— Bây giờ thầy ra vườn với em. Ngoài đó chắc không ai trông thấy. Nguyễn gật đầu. Chàng ra cửa nhìn mọi

người. Không ai chú ý, chàng len vào đám đông đi thẳng ra vườn dứa. Phiến mang theo thức ăn đi phía sau. Hai người ngồi xuống một đám cỏ non ven cái ao cá. Phiến bày thức ăn ra một tờ giấy hồng. Nguyễn cười:

— Thầy trò ăn lén. Ai thấy họ cười chết.

— Thầy muốn ăn bánh hay muốn uống rượu ?

— Dĩ nhiên thầy muốn ăn bánh hơn là uống rượu.

— Vậy đừng sợ ai cười.

Hai người vừa ăn vừa cười. Phiến tìm ở đâu một nhúm công-phet-ti thừa lú. Nguyễn sơ ý trút hết lên tóc chàng. Xong chạy trốn. Nguyễn nhìn theo chứ không thèm đuổi. Chàng lấy thuốc ra hút. Nắng dội những tia nóng bỏng xuống da mặt. Gió thổi đùa những tàu lá N u ễn ngồi nghe tiếng chim cu gáy đầu đó trong khu vườn rộng lớn. Tiếng chim nghe thật buồn. Phía sau nhà. Trong những luống soài gaép của người mẹ, Nguyễn thấy có mấy cô gái trạc áo dài sắc sỡ. Họ đứng nói chuyện một lúc rồi kéo nhau vào nhà. Nguyễn đứng lên với điều thuốc trên môi đi tìm P a i ến. Chàng gặp Phiến bên một bờ mương. Cô học trò làm dáng bằng cách ném những hòn đất xuống mặt nước. Nguyễn ngồi xuống bên cạnh. Hơi bia còn nồng bên mũi. Nguyễn nghe máu chảy thật mạnh trong người. Chàng thêm một giấc ngủ. Con say nhẹ nhàng nhưng dim Nguyễn xuống một cảm giác ngất ngậy đến tột độ. Một thứ hạnh phúc không tên gọi đang ve vuốt tâm hồn chàng như cơn gió trong khu vườn. Có lẽ Nguyễn có mặt sau cái bóng của Long. Người bạn cưới vợ cho Nguyễn một ít xôn xao

khi nghĩ về tương lai. Nhưng, tương lai với Nguyễn từ lâu vẫn là một cuộc đuổi bắt. Đời chàng đã bao lần dự bao đám cưới. Đời chàng đã bao lần nhìn thấy hạnh phúc của người khác. Để sống với một ước mơ phút chốc. Rồi thôi. Nguyễn nhìn quanh khu vườn. Bây giờ cái gì cũng có thể gọi lên cho Nguyễn một nỗi nhớ thật là vu vơ. Có lẽ tại chàng sắp sửa rời khỏi cái quận lỵ này. Tấm giấy gọi vẫn còn nằm trong túi áo. Một chiếc vé không có khứ hồi. Sẽ đưa chàng rong chơi một chuyến nữa. Ngày mai Nguyễn sẽ có mặt ở thành phố. Về gõ cửa lại căn nhà chị Xuyên. Quét dọn sơ căn phòng ba tháng bỏ hoang. Nhìn lại tấm ảnh của Miên trên bàn. Lau một lớp bụi bám. Những thứ đó như đùn lên trong tâm hồn chàng, vun cao.

Phiến không ném những hòn đất nữa nhưng quay ra bắt những cọng cỏ mặt. Đưa học trò cúi mặt với trò chơi. Mái tóc phủ xuống, che kín một bên vai. Một ngày kia em sẽ lớn. Sẽ có một mùa hoa trong đời, sẽ làm đám cưới như chị. Lúc đó thầy chắc vẫn còn đeo đuổi theo một chiếc bóng hạnh phúc nào đó. Lúc này trong nhà có vẻ ồn ào hơn. Chắc Long và Thuyên đang làm lễ.

Nguyễn nghe tiếng cười thật lớn. Khói bốc lên những ngọn cây cao. Một mái nhà khô, lệch theo ánh nắng chói chang. Qua những hàng cây thấp củi khoảng sân trước cho thấy con đường cát bùn kéo dài. Ở đó hình như có gió to. Bụi cát bốc lên mù mịt. Mấy đứa trẻ con quần áo mới chạy đuổi nhau xung quanh những gốc cây, trên tay cầm những tấm giấy bìa đủ màu. Có đứa kéo lê một nhánh đứng-dỉnh thừa thãi của chiếc cổng có hai chữ Vu-qui trước nhà. Một đứa đang thổi chiếc bong bóng lợn.

Chiếc bóng phình ra, gần lấp cả khuôn mặt đứa trẻ con. Nguyễn quay đi một chốc ngó lên đã thấy chúng chia phe nhau đá chiếc bong bóng lợn thấp thoáng trong nắng. Nguyễn nhớ lại tuổi thơ mình. Tuổi thơ Nguyễn chắc chắn không có được những trò chơi quanh một đám cưới. Không có chiếc bong bóng lợn dành giật được, để thổi to, để chia phe đá bình bình đến lúc đám cưới tan, chiếc bong bóng lợn bẹp, ngồi tiếc ngẩn ngơ với lũ bạn.

Phiến bỗng hỏi :

— Thầy tới nhà con Thơm không ?

Nguyễn nheo mắt nhìn một lúc, chàng nhớ ra «à» một tiếng. Phiến nhắc thêm :

— Thơm xin thầy nghỉ học vì đứa em bị lạc đạn đi nằm nhà thương đó.

— Thầy nhớ rồi.

— Thầy mau quên quá. Nhà con Thơm ở trong kia. Đi bộ hơi lâu nhưng đi xe đạp thì nhanh lắm.

Nguyễn nói :

— Em định đi ngay bây giờ ?

— Chứ chừng nào ?

— Còn đám cưới.

Phiến cười :

— Mình trốn họ ra ngoài này cũng như mình đi đâu vậy chứ gì.

— Còn tóc của thầy dính công-phet-ti không thì sao. Chẳng lẽ để như vậy mà đi. Người ta cười chết.

— Thầy cái gì cũng cười chết. Vào nhà em đưa lược thầy gỡ tóc thì hết công-phet-ti ngay.

Phiến nắm tay Nguyễn kéo chàng đứng lên. Hai người đi vào nhà. Phiến lấy lược đưa Nguyễn. Chàng cúi húi gỡ tóc. Những vụn công-phet-ti rớt xuống đất.

Chàng gõ đến khi không còn một vụn nào vương trên tóc nữa mới trả lược cho Phiến. Xong Nguyễn tháo cà-vạt bỏ vào túi quần. Phiến nói :

— Minh đi xe đạp. Tầy chờ em nhé Nguyễn gật đầu. Phiến lại hỏi :

— Nồi không ?

Nguyễn ký một cái lên đầu cô học trò. Cả hai ra khỏi buồng. Lúc này mọi người đã ngồi cả vào bàn ăn uống. Nguyễn ngó thấy Long và Thuyên dặt nhau tới từng bàn. Bên cạnh có người mẹ. Mọi người đều mời cô dâu chú rể uống một ly rượu. Long uống thay cho Thuyên. Phiến liếc chị cười khúc khích. Tiếng vỗ tay lớp lớp ở những bàn kế cận. Nguyễn và Phiến đi ra cửa thật nhanh. Chiếc xe đạp dựa dựa một gốc cây. Nguyễn dắt xe lên lối dưới những bóng cây ra đường. Phiến ngồi sau bộ-ba-ga chỉ tay kêu chạy về phía trước mặt. Nguyễn lên xe đạp đi. Gió như muốn tung cả bụi vào mắt chàng. Phiến kêu :

— Nắng quá. Em quên đem nón

Nguyễn đạp xe lọc cọc. Chàng cười cười ngó sang hai bên đường. Phiến nói một câu gì nữa ở phía sau Nguyễn không nghe rõ. Một lúc Phiến hỏi lớn :

— Thầy có nắng không ? Có chói mắt không ?

Nguyễn đáp :

— Không có chói mắt. Chỉ có bụi vào mắt thôi.

— Sao thầy không đeo kính?

— Kính ở đâu mà đeo?

Phiến nói ờ há. Rồi im lặng. Con đường thỉnh thoảng có những mô đất gồ lên. Chiếc xe chạc qua chao lại làm Phiến cười khúc khích phía sau. Có lúc Nguyễn lúng túng không biết làm thế nào để đạp xe ra khỏi những vũng cát. Chiếc

xe đứng sừng lại suýt ngã làm Phiến phải nhảy xuống. Phiến chê:

— Thầy chạy xe đạp dở quá.

Nguyễn cười :

— Tầy không quen chạy xe đạp trên cát. Con đường thật kỳ cục.

Phiến lại reo lên. Nguyễn tiếp tục đạp. Một lúc Nguyễn nghe mồ hôi chàng rịn ra chảy nhớp nháp dọc đường xương sống. Phiến chỉ tay vào con ngõ phía trước nói:

— Thầy quẹo vào đó.

Nguyễn cho xe quẹo vào. Con ngõ thật mát. Hai bên chỉ chít những tre là tre. Nguyễn thấy loáng thoáng những cá h hoa đại mới nở lẫn với bông mười giờ đỏ ối. Qua hết vườn bắp mới trở cò. Phiến nói:

— Nhà Thơm đó.

Nguyễn dừng xe. Căn nhà có một kh. ăng sân rộng. Khi Nguyễn và Phiến đi vào mấy con ngỗng đang ăn lúa trong sân vụt bỏ chạy, kêu inh ỏi. Mấy đứa trẻ con đang chơi đùa trên thềm nhà ngó ra. Về mặt ngõ ngác. Phiến hỏi :

— Có chị Thơm ở nhà không ?

Một đứa lớn nhất trong bọn trả lời giọng ngọng ngịu :

— Chị Thơm coi bò ngoài nghĩa-địa.

Phiến và nhà. Một lúc trở ra lặc đầu nói :

— Ba má Thơm chắc trưa không về. Nhà không có ai hết ngoài mấy đứa bé.

Nguyễn trở ra dắt xe. Phiến leo lên ngồi hỏi :

— Minh đi tìm Thơm không thầy ?

Nguyễn vừa đạp xe, lắc đầu :

— Một quá. Hôm khác. Bây giờ trở về nhà. Chắc họ tìm mình ghê lắm.

Phiến làm thình. Nguyễn đạp xe ra ngõ quẹo vào con đường lúc này. Bất ngờ chàng thấy những chùm Phượng nở đỏ ối ở phía xa. Mãi trong lũy tre của căn nhà ngói chỉ thấy cái nóc. Phiến nói :

— Đình làng đó thầy. Trong đó có nhiều cây lớn và đủ thứ hoa.

— Thầy lại tưởng một căn nhà cỏ nào đó.

Phiến cười khúc khích. Nguyễn lo đạp xe tránh chiếc xe bò từ phía trước tới. Khi chiếc xe bò qua khỏi, Nguyễn và Phiến như bị phủ lấp trong một đám bụi mịt mù.

Về tới nhà. Một số người tới dự đám cưới đã ra về. Nguyễn tìm quanh quất không thấy Hân. Long hỏi :

— Cậu đi đâu này giờ tìm muốn chết.

— Đi loanh quanh Hân đâu ?

— Về rồi. Chiều Hân đi dạy.

Long kéo Nguyễn tới ngồi chung bàn với mấy người lính. Hầu hết đều quen mặt. Họ đang uống trà ăn bánh ngọt. Nguyễn liếc thấy ở bàn bên kia cũng vậy. Nguyễn hỏi :

— Xong rồi à ?

— Xong rồi. Tuy nhiên tại mình thì chưa xong đâu.

Nguyễn ngồi nhìn lơ đãng số người cuối cùng lục đục ra về. Long đứng ở cửa bắt tay từng người. Nắng chiếu vào những chiếc ghế, những chiếc bàn không người ngồi thành những vệt dài. Chiếc cổng vu qui xiêu vẹo. Những ô cửa nhỏ kết tua tui. Tất cả như bắt đầu rời rã, cùng với cái không khí náo động của một ngày vui đã tan. Nguyễn nhìn người

me thảnh thơi ngồi nhai trầu trên bộ ván kê giữa nhà. Người mẹ luôn luôn cười, ý chừng đang sống trong mọi hạnh phúc của tuổi già. Nguyễn thấy người mẹ có những nét hao hao giống mẹ chàng. Mẹ Nguyễn, ngày đám cưới của chị Xuyen cũng ngồi trên bộ ván gỗ ăn trầu tiếp mấy bà bạn. Cái hình ảnh ấy hôm nay lại hiện ra, sống lại với Nguyễn. Chàng tới bên người mẹ ngồi xuống. Thân mật nói:

— Ngày mai con đã về Saigon. Chắc là nhớ bác ghê lắm.

Người mẹ dùng mấy ngón tay đưa cục thuốc qua lại giữa hai hàm răng. Bà cười:

— Sao lại về Saigon? Cháu không dạy học nữa à ?

— Con về trên đó để đi lính. Vừa có giấy gọi.

— Ừ, Dạy học mà cũng phải đi lính nữa sao ?

— Dạ đi chứ bác.

— Buồn há ?

— Dạ buồn. Nhất là không có dịp nào trở về đây thăm bác với vợ chồng Long.

Thuyen và Phiến đi ra, ngồi xuống cạnh bà mẹ. Thuyen dùng dao nhỏ cắt trái cau tươi đưa cho mẹ Phiến lấy một lá trầu vàng, quẹt vôi đỏ hồng nói :

— Má ăn thêm miếng nữa

Người mẹ nói :

— Thầy con đi lính. Mai cậu ấy về Saigon mà biết chưa ?

Phiến mở to mắt. Ngạc nhiên :

— Bao giờ, thầy ?

— Mới vừa có giấy xuống. Thầy chưa kịp nói cho các em biết.

Phiến giận dữ:

— Sáng giờ thầy cũng không nói. Thầy giấu em mà.

— Nói chứ. Giờ thì Phiến biết rồi đó. Thuyên vuốt mấy cọng tóc:

— Anh Nguyễn đi buồn nhỉ?

— Thật không?

— Thật chứ. Cái anh này chưa chi đã phá đám.

Long đi vào hỏi:

— Thuyên nói gì, ai phá đám?

Thuyên cười:

— Anh Nguyễn. Anh ấy chọc em.

— Không có chọc. Chưa chi đã vu oan cho người. Nhờ ông bà một tí.

Long cười khanh khách:

— Biết thế thì lo tìm đồng-minh đi.

Mọi người cùng cười. Nguyễn đứng lên xin phép người mẹ về. Long và Thuyên nài nỉ ở lại chơi tới chiều. Nguyễn nói:

— Về lo thu xếp đồ đạc. Mai sợ không kịp.

— Long dặn:

— Tối nay thế nào cũng nhậu một chầu.

— Nhậu thì nhậu chứ ngán ai.

Người mẹ cười nói không ngán mà lúc này chạy vào buồn trốn. Nguyễn đi ra cửa. Thuyên đi theo nói:

— Tối nhớ lên chơi nhé.

Nguyễn gật đầu. Phiến chạy ra sân dắt xe đạp rẽ tới nói:

— Em đưa thầy ra ngã ba tìm xe lôi. Đi bộ nắng lắm.

— Lộn xộn, để thầy đi một mình.

— Không được, em phải đưa thầy đi. Lên đây em chờ.

Nguyễn tròn mắt kêu:

— Làm tàng. Em mà chờ nời sao?

— Sao không. Em chờ chị Thuyên đi hoài.

Nguyễn tần ngần một chút rồi leo lên ngồi trên bọ ba-ga. Phiến đạp xe từ từ ra đường. Nắng như đập vào mắt. Phiến nói lớn:

— Thầy cứ ngồi yên đừng sợ té.

— Thầy mà sợ té

Phiến cười khúc khích đạp xe thật nhanh. Gió thổi đùa một đám bụi phía trước mặt. Nguyễn nhìn cánh đồng phía tay mặt, chạy phía sau một đám bí xanh um trổ hoa vàng nhạt. Chàng thấy lơ lửng những bóng người đi, tay che ngang mặt ý chừng ngăn đám bụi. Một lúc Phiến đạp xe qua khỏi. Cánh đồng như biến mất sau lưng Nguyễn. Phía trước thì vương phải những căn nhà. Nguyễn ngó quanh quất như người lạc đường, ngờ ngác trong nắng chói chang. Tới trạm xe lôi Phiến dừng xe trong một bóng mát. Nguyễn bước xuống cúi cột lại sợi dây giầy. Phiến chống một chân giữ cho chiếc xe khỏi ngã, nhìn lơ đãng trên hàng Sao. Nguyễn ngó thấy những chiếc hoa Sao khô rụng quay vèo trong gió. Màu áo của cô học trò nổi đậm trên nền trời. Nguyễn ngăm Phiến rồi cười băng quơ. Phiến quay lại gặp nụ cười đó háy mắt hỏi:

— Thầy cười em đó hả?

— Thầy cười cái tài lái xe đạp của em

— Ngạo người ta không.

— Phiến tài thật, chờ thầy như không.

— Thầy nặng bao nhiêu mà chở không nổi. Bộ dạng thầy đi lính chắc bị chê. Em đoán thế nào thầy cũng trở về quận này dạy tội em nên em khỏi có buồn. Ngày mai em kêu tội nó cũng khỏi có buồn.

Nguyễn đá những vụn cát dưới chân nói:

— Ừ, kêu tội nó đừng có buồn.

Nhưng khi chàng nói câu đó ngó lại thấy Phiến cúi mặt. Hai tay buông hững hờ trước ghi-đông xe. Một lúc Phiến ngó lên nói:

— Thầy đi chiếc xe lỏi nào để về chợ, em kêu cho.

Nguyễn nói:

— Thôi để thầy cũng được. Bây giờ em về.

— Dạ, em về.

Phiến vòng xe lại. Loay hoay một lúc rồi đạp xe đi thẳng. Nguyễn đứng ngó theo màu áo của cô học trò cho đến khi mất hút dưới những bóng cây phía xa. Lúc này Nguyễn nghe tiếng ve kêu buổi chiều trên hàng Sao thật rộn rã. Nguyễn nghe tự đó có một nỗi buồn thoáng ra trong không khí. Ngó lại con đường. Màu cát lấp lánh trong nắng. Những viền cỏ quanh chỗ đứng. Những ngọn cây cao vút ở xa. Ở đâu cũng đang là một nỗi cảm xúc đang chuyển đi bằng một đợt sóng ngầm, rỉ rả, bất tận. Nguyễn tần ngần chầm một điệu thuốc bước về phía trạm xe lỏi.

Những chiếc xe lỏi đậu không thành hàng lối trước bậc thềm xi măng của ngôi chợ bị hư sập một cái mái. Những người đàn ông ngồi tránh nắng trong bóng mát những ngọn cây hay trong chợ hút thuốc lơ đãng. Một người thấy Nguyễn tới nhanh chân chạy ra.

— Thầy đi đâu. Vô bến xe?

Nguyễn lắc đầu:

— Không, tôi đi về chợ Lộc Thuận.

Người đàn ông cười cười leo lên xe đạp máy nổ. Nguyễn phóng lên ngồi trong thùng xe. Cái băng nệm cái bần nhún nhún. Nguyễn tìm một chỗ nào để có thể vịn được cho khỏi ngã khi xe qua những đoạn đường dốc, lồi lõm, nhưng không có chỗ nào vịn được cả. Cuối cùng Nguyễn nắm tay ngay phía dưới cái băng. Người đàn ông rồ ga, rồi vọt chạy đi. Nguyễn lắc lư theo đà xe. Trông Nguyễn lúc này không khác chi một hình nhân giữ lúa trong cánh đồng bị gió giật ngã nghiêng.

Về tới nhà Nguyễn tắm rửa thay quần áo xong đi lại trường. Người đồng nghiệp của chàng đòi về để thay thế xuống đây vào chiều tối ngày hôm qua. Hôm nay anh ta đã bắt đầu dạy. Nguyễn tới trường vào lúc học trò đang giờ chơi. Chàng đi thẳng vào phòng ông hiệu-trưởng. Nguyễn gặp người đồng nghiệp ngay ở cửa. Anh ta nói:

— Tội học trò cứ hỏi anh hoài. Tôi không biết giải thích làm sao. Chúng nó xem chừng không thích tôi. Dạy mà chúng nó lơ đãng ngó ra cửa lớp suốt cả buổi sáng.

Nguyễn vỗ vai người đồng nghiệp, cười:

— Ngày tôi m i xuống đây cũng thế. Nhưng vài hôm rồi quen đi.

— Không phải. Tôi muốn nói chúng nó hoang mang muốn biết rõ về việc nghỉ dạy bất ngờ của anh.

Nguyễn nói:

— Lỗi là tại ông Phụng, ông ấy không chịu nói. Lẽ ra ông ấy phải nói rõ ràng ngay từ sáng sớm. Tôi cũng bận

đám cưới của người bạn thành ra chưa nói được gì. Chút nữa tôi vào lớp. Sẵn dịp từ già chúng nó luôn. Tấn cười :

— Có như thế tôi mới làm ăn được.

Nguyễn bước vào. Ông Phụng cười hỏi :

— Sao đám cưới có vui không ?

Bà Liên kêu :

— Ờ. Ông hỏi lạ. Đám cưới không vui chắc đám ma mới vui à ?

Mấy người có mặt trong phòng cười phá lên. Ông Phụng nói :

— Tôi quên. Nói không rõ ràng

Nguyễn ngồi xuống ghế. Ngân hỏi :

— Mai đi thật hả anh Nguyễn ?

— Đi mà có đi thật với lại đi giả nữa sao cô ?

Ngân che miệng cười khúc khích

— Không phải. Tôi tưởng anh ở lại chơi thêm vài ngày nữa chứ.

Ông Phụng nhồi thuốc vào pipe nói :

— Tôi đã khấn khoản mời cậu ấy ở lại mà nào có chịu đâu.

Nguyễn nói :

— Thời gian ít quá. Có mười ngày. Tôi phải về thu xếp mọi việc trước khi vào quân trường.

Uyên ngồi im lặng một góc không nói gì. Hân từ ngoài bước vào, thấy Nguyễn hỏi :

— Thế hồi sáng bỏ đi đâu mất. Tôi tìm cậu khắp nơi.

— Chạy trốn chớ đi đâu. Cậu về lúc nào ?

Hân cười :

— Tôi cũng chuẩn. Họ đàn áp quá tôi chịu không thấu. Mình không quen uống để họ lại cho uống toàn để. Không chạy để chết à.

Ông Phụng góp :

— Cái gì chứ để tôi cũng đầu hàng. Bia thì may ra còn cầm cự được.

Tấn đưa bao thuốc ra mời mọi người. Nguyễn cũng lấy một điếu bật diêm gắn lên môi. Uyên bồng đứng lên bỏ ra ngoài. Ngân ngó Nguyễn cười. Chàng giả lờ bẻ gãy que diêm ném xuống đất bàn.

Nguyễn đi với Tấn và ông Phụng về lớp khi giờ chơi của học trò chấm dứt bằng mấy tiếng trống. Tấn Nguyễn vào cả lớp nhao nhao lên. Nguyễn mỉm cười trong khi ông Phụng giải thích lý do chàng nghỉ dạy. Xong ông Phụng đi ra.

Nguyễn nói :

— Lẽ ra thầy nói sớm việc này cho các em biết. Nhưng vì thầy không muốn cho các em buồn nên hai ngày qua thầy im lặng. Sáng này thầy cũng bận việc. Bây giờ thì các em đã biết rõ lý do tại sao thầy nghỉ dạy bất ngờ. Vậy thầy mong các em cũng đừng buồn. Thầy Tấn cũng như thầy. Rồi tất cả sẽ

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH TỐ C

Neurotonic

HN. 781/277/407/16.4.44

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

quen đi. Với thầy hay với thầy Tấn các em cũng đều cố gắng học. Một dịp nào đó thầy sẽ trở lại đây chơi, điều mong ước vẫn là được gặp lại các em, chỉ mong các em đừng quên thầy.

Nguyễn cố cười. Nhưng đâu đó trong lớp đã có một vài tiếng khóc. Nguyễn chầm một điệu thuốc để giữ nỗi xúc động. Chàng thấy không nên nói gì thêm. Không nên nuôi mãi tiếng khóc ấy bằng một không khí đau buồn.

Nguyễn ngó quanh lớp gượng cười. Xong chàng bắt tay Hân nói cảm ơn rồi đi ra cửa. Nắng của buổi chiều vàng ủa tràn ngập khoảng sân. Trong bồn cỏ những cánh hoa mười giờ đã héo. Bầy chim sẽ vừa định đáp xuống thấy chàng đi tới vụt bay lên. Thầy cũng muốn bay lên với cánh chim đó các em. Bất giác Nguyễn nghe trong sân trường rộn rã những âm thanh, những cơn gió, và mùi hương ngây ngất của mùa hè. Và mùa hè đã tới, chưa đi hết. Nhưng người tới trong mùa hè, ngay mai sẽ đi, mang theo những cảm xúc ngỡ ngàng, không thành tên trên chuyến xe đò một

hôm nào đã đưa người đến. Nguyễn ghé lớp bà Liên. Bà đang đứng trên bậc thềm quơ quơ cây thước kẻ trong không khí. Nguyễn nói :

— Vậy là chắc chắn rồi. Mai đi. Bà có gửi gì về trên nhà không ?

— Vài ngày nữa tôi cũng về. Biết gửi gì bây giờ ?

Nguyễn cười :

— Thế nào tôi cũng đến tìm nhà bà.

— Khi cậu tìm gặp, chắc tôi cũng đang có mặt trong căn nhà đó.

— Vậy chắc ly kỳ và bất ngờ lắm.

Bà Liên cười khúc khích. Nguyễn quay lưng bước đi. Bà Liên nói ở phía sau :

— Tối lại nhà chơi, uống một buổi cà-phê ời hăng về Sài Gòn. Chắc sẽ có cô Ngân và cô Uyên nữa.

Nguyễn cười cười, gật đầu. Chàng ra đường. Nhìn mãi miết cái bóng nắng đổ xuống một góc tường phía cuối dãy phố. Nguyễn bước đi tưởng như chàng đang xuống một con dốc, thật sâu.

TỪ KỂ TƯỜNG

REGAST. T.

— Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.

— Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

Các bạn đang làm báo, các bạn sắp làm báo,
các bạn thích viết báo, đều nên đọc :

NGHỀ VIẾT BÁO

của TẾ-XUYÊN

Quyển sách cần thiết để hiểu rõ Nghề Viết Báo

Bán tại : Nhà sách Khai-Trí 62, đại lộ Lê-Lợi Saigon

3 TÁC-PHẨM MỚI

BỘI LAN HÀNH

Thi phẩm của ĐÔNG-HỒ

4 phụ bản — bút tích và họa phẩm của tác-giả
Gói ghém 20 năm tâm sự của thi-nhân.

Gởi ai non nước bài hành... Bội Lan.

Quỳnh-Lâm xuất bản.

ÚC VIÊN THI THOẠI

Thi thoại của ĐÔNG-HỒ

Bút tích — Di ảnh — Tiểu sử tác-giả.

*Úc Viên Thi Thoại kỳ thú và tài tình khám phá nhiều
mối lạ trong thư văn kim cồ.*

DƯỚI MÁI TRẮNG NON

Tùy bút của MỘNG-TUYẾT thất tiểu muội

*Đã đọc Tùy bút của Nguyễn-Tuân không nên bỏ qua
Dưới Mái Trắng Non, Tùy bút của Mộng-Tuyết.*

Mặc-Lâm xuất bản

Yiễm Yiễm phát hành

72D Trần-văn-Thạch Tân-Định — Saigon

Thả khói lên trời

Truyện của NGUYỄN-CÁT-ĐÔNG

... có không một ông Noé trong cơn đại-hồng-thủy này ?

Chiếc ghe tam-bản của vợ chồng thằng Bé đi ngang qua bến, thằng Bé buông lời tay chèo nói với lão Thụ: vợ chồng tui đi ghen. Con vợ thằng Bé đang ngồi vạch vú cho con bú trước mũi ghe cũng nói với lên bờ: mời một tui tui về thăm, ở lại mạnh giỏi. Chiếc ghe ra khỏi vàm. Lão Thụ vẫn còn đứng trên bến ngó mong theo. Con nước trong rạch vào mùa này đục lừ. Mấy dề lục-bình theo dòng nước trôi ra khỏi bến. Con chim thẳng-chài lông xanh mỏ đỏ đập cánh bay lên từ cây bần trụi lá. Buổi chiều trôi bồng-bềnh trên từng nhánh cây khô, từng bụi cỏ úa. Lão Thụ thấy sự cô-đơn thật sự có mặt trong con rạch này chiều nay. Lão tặc lưỡi mấy cái rồi vén quần ngồi lên băng gỗ trên bến sông. Lão nhìn dòng nước màu phù-sa đỏ quạch đang sẫm đen dưới bóng chiều.

Vợ chồng thằng Bé đã bằng bẻ nhau đi. Như vậy, lão nghĩ thầm, chỉ có gia-đình lão còn ở lại trong làng này. Từng gia đình, từng gia đình lần lượt chèo ghe ra khỏi vàm từ hơn tháng nay. Trong nỗi kinh hoàng, người ta đã ra đi. Trong tiếng khóc ngẹn-ngào, người ta phải giả từ nơi chôn nhau cắt rún. Trong tâm trạng bơ vơ lạc lõng, người ta phải bỏ làng để bắt đắc-di nhập vào cái xô-bồ bon chen của thành phố. Cho đến bây giờ lão Thụ cũng không hiểu sao gia-đình lão chưa hề nghĩ đến chuyện bỏ làng ra đi như hơn năm mươi gia-đình trong con rạch Bà Vèn này. Gia-đình lão cũng như bao nhiêu gia đình khác đã sống những ngày những đêm trong hầm núp. Bao nhiêu nỗi kinh-hoàng vẫn thường trực trùm úp lên mái nhà lá dột nát của lão, đè nặng trái tim già cằn, thoi thóp của vợ chồng lão. Sự khùng khiếp không buông tha con rạch này

một ngày nào. Những-người-bên-này, những-người-bên-kia hầu như lúc nào cũng nhìn con rạch nhỏ bé này bằng đôi mắt cú-vọ. Những tiếng khóc thét nửa đêm không làm át tiếng đạn bay vèo vèo. Những giọt nước mắt buổi sớm không dập tắt được những đám cháy từ đầu hôm. Và sự chịu đựng cũng mỗi mòn. Người ta vừa rút nước mắt vừa bước xuống ghe, ra khỏi vàm. Từng buổi chiều, lão Thụ ngồi trên băng gỗ dưới bến nhìn từng chiếc ghe tam bản xuôi ra chợ. Rất nhiều những khuôn mặt đen đúa bơ-phờ ngược nhìn lên lão Thụ, nhìn cây cau gãy ngọn, nhìn lại chiếc cầu khỉ bắt ngang qua vàm, nhìn ngôi trường sơ-cấp đã mấy lần được dùng làm tòa-án nhân-dân. Lão Thụ cứ ngồi đây tiễn họ đi như vĩnh biệt người thân thuộc. Bây giờ thì không còn ai ra đi nữa để lão Thụ ngó mong mỗi buổi

chiều. Bây giờ chỉ còn gia-đình lão và nỗi khủng khiếp ở quanh đây.

Lão Thụ ngó lên căn nhà. Một ánh lửa đang leo lét cháy. Vợ lão Thụ đang đốt nhang khấn vái ở bàn thông-thiên. Căn nhà nhỏ nhồi thêm trong cái tịch-mịch của buổi chạng-vạng. Hình ảnh vợ lão Thụ nhạt nhòa động-đậy sau dàn hoa giấy. Dàn hoa này tới chừng gã con nhỏ nhắc đơm bông rồi, ông há, thêm mấy cây đưng-đinh nữa là xong nhà đãi khách. Lão Thụ nhìn vợ đang thành kính trong những lần lạy. Những cái lạy, những lời cầu nguyện đó rồi sẽ mang đến cho người ta những cái gì? Bao nhiêu bàn Thông-Thiên, bao nhiêu bàn Thờ Tồ-Tiên, bao nhiêu mồ mã ông bà đã hương tàn nhang lạnh từ mấy mươi năm rồi? Lão Thụ thấy sự cô-độc mỗi lúc một đè nặng trên thân xác khô cằn lụ-khụ của lão. Những ngày chạy loạn năm bốn chín năm hai năm ba. Thanh niên tiền phong. Lĩnh bạt-ti-dăng Quốc trưởng Bảo Đại muôn năm. Máy bay bà-già. Tàu mũi bằng. Rồi được yên thân vài năm hồi thời Ngô Tổng Thống. Bao nhiêu những biến động dập dồn đã chất chồng lên thân xác này biết bao nhọc nhằn vất vả. Nó làm cho lão đờ đẫn trong tuổi già bóng xế, làm cho lão mất đi hơn nửa kiếp làm người. Nỗi bất-hạnh đã chất đầy ứ trong cuộc đời lão. Nỗi nhọc-nhằn đã thấm dẫm từng lỗ chân lông. Đề bây giờ lão chỉ còn biết mỗi chiều ngồi trên bến sông nhìn con nước phù sa chảy siết dưới lòng rạch.

Tiếng cú rúc từ xa, vừa ồm-ờ vừa đe dọa.

— Ông ơi lên ăn ba hột đi, tối rồi. N.ồi dưới hoai hồng chán sao hồng biết nữa!

Bà Thụ nói với xuống bến sau

khi cắm mấy cây nhang vào chiếc hộp lon dán giấy hồng đơn nhạt màu.

Lão Thụ ném mầu thuốc rê xuống lòng rạch rồi đi lên nhà.

Mâm cơm đạm-bạc với mấy trái cà nướng, mấy chục con cá lòng-tong. Bà Thụ bưng nồi cơm từ dưới bếp đem lên.

— Con Thắm đâu rồi, không lên ăn một thề?

Bà Thụ vừa ngó ra sau vườn vừa trả lời chồng:

— Nó cho heo ăn ở đằng sau á.

Rồi Bà nói với ra sau:

— Thắm, riết đi, cơm nước cho rồi mầy.

Tiếng con gái vọng từ sau nhà:

— Tía má ăn trước đi, tui lên liền.

Bà Thụ bới ra từng chén cơm. Những hột cơm trắng trên hai chiếc đĩa bếp loáng-thoáng dưới ánh đèn dầu. Gạo mới còn thơm phức mùi rạ. Mấy con heo vừa ăn bập bập trong máng vừa kêu ột ột. Tiếng muỗi vo-ve trên vách lá.

— Vợ chồng thằng Bé ra chợ rồi, bà hay hông?

— Sao hông! Hồi xế tui có gặp vợ nó. Tui cho nó mấy chục trái cà đem ra chợ ăn đỡ. Nó nhờ coi giùm nhà cửa với mấy liếp khoai lang.

— Tui thấy vợ con nó sợ quá cũng tội nghiệp không bàn ra bàn vô làm gì. Ra chợ cũng khó sống lắm chứ, dễ đâu. Lạ cảnh lạ người, làm sao mà bon chen lại người ta. Lại còn cái nạn pháo kích nữa chứ.

— Ồi, trâu đập cũng chết chó đập cũng chết, hơi đâu mà lo. Người ta sống được thì mình sống được.

— Bà nói như ăn cơm bữa ! Thằng Lượm thằng Tư đi vác lúa nhà máy bị dân chợ đánh phun máu đầu rồi đó ! Con Lý con thằng Xệ hư thân rồi đi Sài-gòn lấy Mỹ nuôi miệng. Thằng Thùng dẫn vợ con đi Sài-gòn sống không kham, trở về rồi. Hôm kia người ta gặp con nó đi bán báo ngoài Cần-Thơ, rách rưới lắm.

— Ông nói sao chớ tui cũng ngán ở đây lắm. Chừng mấy con heo trọng một chút lo già con nhỏ xong mình cũng ra ngoài Di Năm nó mà ở.

Lão Thụ cắn trái ớt hiểm, và miếng cơm. Tự nhiên Lão thấy quặn đau trước ý kiến của vợ. Lão không muốn nói thêm lời nào trong lúc này. Bà Thụ cũng đã hơn nửa đời người gắn chắc vào nỗi bất-hạnh, nỗi kinh-hoàng của một thôn quê máu lửa. Bà sống như một cái bóng trong những thét gào của chiến-tranh. Bà nhọc nhằn thời làm con gái. Bà đầu tắt mặt tối trong phận vợ hiền. Bà cần cù chiu đựng, nhẩn nhục nuôi con. Một thằng đã chết vì bệnh rét rừng trong thời chạy loạn năm hai. Một thằng chết cách đây mấy năm vì mìn trên đường đi dạy học bằng xe lam. Người đàn bà đó hầu như được sanh ra để mà chịu cực nhọc. Suốt ngày bà dầm mình trong mưa, dầm mình dưới nắng vun quén từng cây cà cây ớt. Mùa ấy bà bị bõm dưới ruộng sâu gieo từ cây mạ non dưới nước phèn. Mùa khô Bà bồng da chân trên những lỗ chân trâu khô cứng. Bà gặt từ cọng lúa, mót từ hạt thóc rớt trên cánh đồng chang nắng. Bà thường nói với chồng về tương-lai con Thắm :

— Tui thấy con Thắm ở đây với mình cực khổ mà nguy hiểm quá ông à. Để thằng Sang về phép thường niên mình già con nhỏ cho xong.

— Bà nói làm vợ lính sướng lắm chắc ?

— Dầu sao mình cũng đỡ lo mà con nhỏ cũng yên thân

— Cả năm rồi đó, nó có về được để cưới vợ đâu. Không khéo mình lại lo cho thằng đó nữa đa !

Hơn một năm chờ mấy ngày phép. Hai con heo bây giờ đã quá trăm ký rồi. Con Thắm vẫn nhìn thẳng ngày đi qua trên sắc lông mỗi ngày một mướt trên lưng hai con heo. Nỗi mong đợi cứ kéo dài trên những lá thư viết nguệch ngoạc khi thì từ Chương Thiện khi thì từ Năm Căn, khi thì Đức Lập...

Con Thắm từ dưới bếp đi lên, hai ống quần đen xắn lên tới gối. Đôi tay nó vuốt mấy sợi tóc lất phất trước trán. Chiếc áo bà ba cũ thấm ước mồ hôi. Nó ngồi kê trên tấm ván bưng chén cơm, và trông ngon lành. Hai bàn tay sạm nắng vẫn không mất vẻ dịu dàng. Những ngón tay mồm mím sáng lên dưới ánh đèn dầu. Lão Thụ nhìn đứa con gái rồi nhớ đến lá thư của thằng Sang gửi về hôm trước «.. Ông xếp con định cho con về hậu cứ tháng tới, không đi đánh giặc nữa, mà chỉ kê cái bàn ngoài góc chợ mỗi ngày ghi tên tân binh tình nguyện, chừng đó con mượn nhà rước Tía Má cùng Em Thắm ra ở...» Lão Thụ thấy việc về hậu cứ của thằng Sang chỉ là một sự đổi chác với mấy vết thương ở hai bên đùi và trên cánh vai trái. Lão Thụ và nốt phần cơm còn lại trong chén rồi buông đũa bước xuống đất. Lão kéo lê đôi guốc vòng đi ra ngoài sân. Bà Thụ nói với theo :

— Ông coi trái chiếu dưới hầm đi. một lát rồi làm không kịp !

Lão Thụ ừ ừ cho qua rồi đi thẳng ra

dàn hoa giấy. Trải chiếu dưới hăm Công việc này lão đã làm bao nhiêu lần rồi lão không sao nhớ hết được. Cứ mỗi chiều tối sau khi ăn cơm xong, lão đốt cây đèn trứng vịt tay cặp chiếc chiếu rách, khom lưng chui xuống hăm, trải chiếc chiếu rồi đưa cây đèn dầu xem coi có rần rít ở trong hăm hay không. Xong, lão đặt cây đèn gần miệng hăm vặn thấp ngọn đèn, chui ra. Chờ đợi. Công việc đó lão làm mà không có một chú tâm nào. Thế mà hôm nay tự nhiên lão không muốn diễn lại bao nhiêu động tác quen thuộc này nữa. Lão Thụ đi vào nhà. Lão nhấc ra cái ghế đầu, đặt ra giữa sân ngồi vặn thuốc hút. Từng vệt khói bay lên trời, khoả vào mặt. Lão thấy dễ chịu. Còn ai ở đây nữa mà bom đạn tìm đến ? Lão Thụ nghĩ thầm, họ đã đi hết cả rồi. Họ lần lượt để lão ở lại sống với những oan hồn đã chết trong những lần lửa đạn trước, những lần thủ-tiêu trước. Ở đây chỉ còn là tịch-mịch hoang-vu. Những người bên kia trước đây đã về để vét cơm vét áo, để làm biệt tích vài người trong làng. Bây giờ thì đây là một vùng đất chết, họ còn trở về làm gì nữa cho phí công ! Những người bên này lẽ nào lại chẳng buông tha một vùng đất chết ! Lão Thụ rít dài một hơi thuốc. Từng vệt khói bay lên trời, quẩn quít trong gió. Lão ngược nhìn mấy thân cau gãy ngọn in rõ nét trên nền trời. Bầu trời không một ánh sao. Dầu vậy lão cũng có thể nhắm mắt hình dung những vết tích trên từng cây cau trước cửa từng bụi chuối sau hè, lão cũng có thể, trong đêm đen, thấy được những cái hố bom thật sâu ở ngoài vòm, cạnh ngôi trường sơ cấp. Lão cũng không quên mấy ngôi mộ đất mới đắp của gia-đình Thầy giáo Ba nằm gần ụ cá-vồ bên vệ đường. Mấy

ngôi mộ của một gia-đình tận tụy chắc đang lạnh dưới sương đêm. Vài ngày nữa đây ai sẽ trở về để cúng trăm ngày cho họ ? Lão Thụ thấy bụi ngùi trong dạ. Lão ném tàn thuốc dưới chân, đi cho tắt hẳn rồi đứng dậy xách ghế đi vào nhà.

Bây giờ là đêm. Đêm trải dài. Đêm thâm u. Đêm bí ẩn. Đêm vô tâm trên từng chồi cây ngọn cỏ. Đêm lạnh ngắt dưới con rạch nước đục lừ. Đêm quạnh hiu trong những căn nhà lá trống không. Bỗng chốc đêm sáng hực lên. Đêm bùng nổ. Đêm bắt đầu xòe cánh, vươn nanh. Đêm của nỗi kinh hoàng chết điếng. Những loạt đạn lớn nhỏ, những chùm hỏa châu ở lưng chừng trời đã cho đêm bỗng hoang âm thanh để thét gào, để thăm sát ; cho ánh sáng để đêm nhìn rõ móng vuốt của mình đang càn lướt trên muôn vật, để nhìn rõ cơn địa chấn đang bùng bùng xô đẩy dưới gót chân. Và đêm phải được thắp sáng để đêm nhìn rõ ba trái tim đang thoi thóp trong một mái nhà lá nhỏ, phía trước có một bàn thông-thiên với cây nhang chưa tàn và một giàn hoa giấy. Khói của những cây nhang đang bay vút lên trời. Lời nguyện cầu nào đang cùng bay lên với khói ?

— Tui thấy ở trong nhà không yên rồi đó bà. Minh nên ra cái hăm sau vườn chắc hơn.

— Sáng quá đâu dám chạy ra ngoài, Tía.

— Hai con heo mầy cột ở đâu hả Thắm ?

— Thì ở chỗ mọi khi má cột đó !

— Ừ, được.

— Coi bộ có mùi khói khét lẹt rồi bà. Ra sau vườn đi

— Tao tức quá. Hồi chiều kêu mấy hái cho xong mấy liếp cà, mấy cũng hong hái. Bây giờ chắc tiêu hết rồi.

— Sao Bà cứ lo chuyện bao-đồng không. Có nín đi hông ?

.....

— Có nhiều tiếng nổ lớn quá bà ơi.

— Chắc có rớt quanh nhà mình à ông.

— Tui thấy cái hầm như quay tròn, tía à.

— Sao lỗ tai tui lũng bùng quá, nhứt đầu nữa, ông à.

— Thì tui biểu ra ngoài sau chắc hơn

— Hồng xong đâu, tía ơi, sáng lắm, nó thấy mình chạy ra thì chết hết.

.....

— Tui ngộp thở quá má ơi tía ơi ?

— Đề tao ra miệng hầm coi bớt sáng chưa.

— Khéo đa ông !

.....

Bóng người rời khỏi hầm, khom người chạy ra hầm núp ngoài sau vườn.

Đêm bây giờ đang bốc lửa. Những lưôi lửa đã thiêu rụi mấy cái nhà bên kia con rạch. Hơn một giờ qua đêm đã đề rơi rớt bao nhiêu trái rổ trên vùng đất chết này rồi. Những cây cau gãy ngọn bay đi đâu mất. Giàn hoa giấy cạnh bàn thông-thiên cháy nám. Mấy cây nhang trên bàn thông-thiên còn nhả khói lên trời. Có còn gì không sau cơn hồng-thủy ? Có không một ông Noé với con thuyền cứu rỗi trên lượn ba-đào ?

— Ông ơi, sao hai con heo la quá kia

— Chắc nó sợ súng la chớ gì.

— Hồi nào giờ nó có biết sợ đâu ?

— Thì bữa nay bắn nhiều, nó sợ

— Ông cứ nói cho qua lẽ ! Tui chắc mấy con heo bị đạn rồi.

— Thì kệ nó chớ biết sao bây giờ đây ? !

Trong thoáng chốc bà lão thấy lò mờ trước mắt mình hai con heo to béo mà bà đã đồ bao nhiêu mỡ hôi nước mắt nuôi nấng từ mấy năm nay. Đồng thời bà cũng thấy những cây đung-đinh kết hoa kết lá dựng trước sân, bên cạnh giàn hoa giấy đang trổ bông hồng nhạt trong ngày gả con sắp tới. Mắt bà thấy đứa con gái mặc áo mới về nhà chồng. Mũi bà ngửi thấy mùi ba-xi-đế nồng nặc thoát ra từ nhà tiệc, họ hàng bà con lối xóm đang vui như ngày được mùa. Rồi những tiếng kêu khản cổ của mấy con heo hòa lẫn với trăm ngàn tiếng nổ kinh hồn. Bà thấy choáng váng. Trước mắt bà hai con heo cứ quay tít và thẳng rẽ mặc đồ trận cũng quay vù vù như chong chóng. Kìa, sao hai con heo của bà lăn ra, dây đàn đánh, miệng hôc ra từng ngụm máu tươi nóng bỏng. Bà lão còn thấy cả một đàn quạ từ trên cao đáp xuống. Trăm con, ngàn con. triệu con quạ đang bay lên đáp xuống hai đồng thịt bầy nhầy, ứ máu. Rồi những cộng lông mượt rượt mà bà hằng ngày vuốt ve, tắm rửa, những miếng thịt thơm mùi tẩm cá m lần lượt bị hằng triệu con quạ đen cắn trên mỏ, kẹp dưới đôi chân đen đi mất. Bà hoa cả mắt, ù cả tai. Bà chơi vơi trong cơn mê nặng chịt. Bất thần bà lão chui ra khỏi hầm. Có tiếng gọi thất thanh của hai người còn lại trong hầm.

Ánh hỏa châu bây giờ thật sáng. Tiếng động cơ và tiếng nổ thật gần, thật chát tay. Tường chừng như đất đang đồ lở, cây cối đang bùng nổ rã. Thật là một cơn địa-chấn khủng khiếp.

Bỗng một bóng người vụt chạy ra

khỏi hăm. Mái tóc dài phơ phới, đậm nét dưới ánh hỏa châu. Một vài tiếng thét ở đâu đó vang lên, rồi im phắc.

Đêm gầm gừ. Đêm xếp cánh. Đêm đi.

oOo

Trời chưa sáng hẳn thì những chiếc xe bọc sắt đã có mặt trong làng. Những nòng súng đen ngòm trên từng chiếc xe lấp đầy bùn đất. Mấy người xạ thủ ngồi nhìn băng quờ, những dây đạn đại liên đề trước mặt họ như món đồ trang sức. Trên cây cầu khỉ đầu vòm, năm sáu người lính đang vừa đi vừa hát, anh là người lính chung tình gió sương đầu ngai chúng mình. Một tốp lính khác ngồi trên cây dừa gãy, lỗ chỗ vết đạn, lắng nghe thân tiếng ca Thành Được rồi bởi từ chiếc máy phát thanh nhỏ tí xiu. Một người lính nhịp nhịp khẩu M16 vào cái nón sắt lật úp. Viên chuẩn-úy trẻ lấy máy ảnh chụp cây cột đang cháy dở, nghi ngút khói đứng trơ vơ trên nền nhà đồ nát phía trước sân có bàn thông-thiên ngã đổ và giàn hoa giấy trơ trụi. Nước cạn sát lòng rạch. Những thân cây bần lá ngọn, rụng lá trên bãi sinh non. Mấy con chim thảng chài không buồn đến ăn những bông bần tím ngon ngọt. Bánh xe bọc sắt làm rập những ụ cỏ cao quá đầu người. Phía sau nền nhà đồ nát, mấy trái cà tím rụng vãi dưới đất. Một người lính vừa lượm cà bỏ vào hai túi quần trây-ti vừa nói: trời cho mình ăn cái này đây trung-sĩ, hí hí hí! Nói xong anh cười đưa hàm răng trắng hếu. Viên trung-sĩ ngồi trên bực đất, phía sau máy truyền tin nói: trời cho cái con bú-dù! Chủ nhà họ trông đó con! Ở đây đâu còn người ở, trung-sĩ? Con tưởng ở đây là địa-phú sao chứ! Viên trung-sĩ nói xong bèn đứng dậy vạch quần đại lên một khúc gỗ còn cháy.

Trời sáng dần. Đoàn quân được lệnh dừng lại đây cho đến trưa. Họ phân nhau bố phòng. Những người không nhiệm vụ trải pon-sô dưới mấy gốc dừa nằm ngủ, nghe vọng cổ hay nói chuyện tiểu-lâm ngày xưa có ông Trạng Quỳnh đá bèo trên ao. Mọi người cười ngất ngất.

Bỗng một linh báo-động làm giật mình mọi người. Tất cả hướng về bụi lùm rậm rạp. Từ bụi lùm đó, Lão khập khểnh bước ra. Thân hình lão chỉ còn độc một cái quần đùi rách tươm, hở hang và một cái khăn ăn trầu vắt ngang vai. Đoàn quân nhìn lão ngạc nhiên. Phải chăng họ đang sống trở lại thời hoang sơ với con người tiền-sử đang đứng trước mặt họ? Lão lẳng lẳng bước ra khỏi bụi rậm, dáng đi thất thểu, miệng như hé cười. Cốc cốc lão đưa khăn lau dãi chấy tràn ra hai bên mép miệng. Đôi môi Lão khô nứt. Lão bước đi như bộ xương khô đang di động. Mấy cái xương sườn như bật hẳn ra khỏi lớp da nhẵn nheo cáu ghét. Mọi người đổ dồn về phía Lão. Lão cứ chệnh choạng bước và hơi mỉm cười. Hai bên mép dãi chấy lòng thông như hai dòng sữa loãng. Lão đi về hướng bờ rạch. Viên chuẩn-úy trẻ đến bên Lão, nói:

— Ông là người từ đâu đến đây?

Lão già vẫn bước những bước đi dờ dẫm, gương mặt nhẵn nheo, đôi môi khô như luôn luôn mỉm cười, đôi tay quờ quạng trong không khí, đôi mắt như đang kiếm tìm một vật gì ở cõi vô biên. Viên chuẩn-úy đến phía trước Lão, nắm đôi vai Lão dừng lại. Lão chơi vơi đứng lại hơi nghiêng về phía viên chuẩn-úy. Đôi môi khô hơi mỉm cười.

— Ông có nghe tôi hỏi không? Ông là ai?

Lão nheo nheo đôi mắt đục ngầu đôi đồng tử mất hút trong sâu. Lão kéo khăn đội lên đầu rồi đưa bàn tay khẳng khiu quẹt dài. Môi luôn mỉm cười.

— Ông trả lời cho chúng tôi đi! Sao đến bây giờ ông còn ở đây? Ông có biết đây là vùng oanh kích tự do không?

Một người lính nói chen vào: chắc Ông Lão này cầm chuồn úy à.

Họ đỡ Lão ngồi xuống đồng gạch vụn của chiếc bàn thông-thiên đồ, bên cạnh dàn hoa giấy trơ xương. Lão ngồi chống đôi tay như cây que trên gối, đôi mắt mờ dần nhìn đâu đó. Thỉnh thoảng Lão

gật gật đầu mỉm cười một mình. Một người lính đứng bên thích chí cười theo. Viên chuẩn úy nói: anh em đừng làm ồn, để ông già định thần mình sẽ hỏi chuyện sau. Một anh hạ sĩ đốt điếu thuốc bát-tô quân tiếp vụ đưa cho ông lão. Lão nhận lấy điếu thuốc hút ngon lành. Lão hướng ngửa mặt lên trời, cong đôi môi khô, từ từ nhả khói. Những cuộn khói xám bay lên trời. Không biết nghĩ gì mà bỗng nhiên Lão cười sặc sụa, cười cong cả người, cười tím cả môi, cười xanh cả mặt, cười ra nước mắt. Cười như đứa con nít được quà.

Viết cho đêm Bảo-Việt chào đời 12-7-69

NGUYỄN CÁT ĐÔNG

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài "Tìm hiểu đúng ý nghĩa Bất-bạo-động theo Gandhi" của L.M. Hoàng-Sỹ-Quý, trên Bách-Khoa số 304 ra ngày 1-9-69, có những chỗ sai lầm sau đây, mong bạn đọc vui lòng sửa lại giùm cho:

Trang 32, cột 1, hàng 7 đã in: « phải ham muốn » xin sửa là « *phản* ham muốn »

Trang 32, hàng 10 từ dưới lên, đã in: « han, hani » xin sửa là: « han, *hanti* ».

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YT DP.Đ.

Trong tình đầy thanh tâm

Thơ ĐÔNG-TRÌNH

Bỗng muốn gấp giọng buồn vào ngăn kéo
thử ướm cho lời một nhịp tim vui
ai cảm được chiều nay trong cánh héo
xếp đau thương hoa vẫn hé môi cười ?

Thấy ở đó ngôi trường xanh tiếng hát
lụa áo em vàng ngọt nắng sân trưa
lối nhỏ vào thôn cây đan ngút mắt
trời mất đi sau bóng lá đông đưa

Bên kia bờ con sông lòng cát trắng
gã chim trống nào cất tiếng gáy chiều
nước cũng nặng tình nước trôi thật chậm
đợi gió lên cao cho đẹp cánh diều

Thấy ở đó gót em hồng buổi sáng
băng qua cánh đồng sữa lúa thơm môi
ngắt một nhánh và nghiêng đầu cúi xuống
nghe quê hương thành máu chảy trong người

Trước bảng lớp em đứng hiền như mẹ
hai cánh tay ngoan rất đôi vổ về
trên mái nói chuyện tình đôi chim sẻ
giữa tiếng giảng bài bỗng lắng tai nghe

Như xa lắm một thời bom đạn phá
cây ta ướm sẽ mọc lại cho rừng
mặt trời vươn vai trên từng đợt lá
bóng tối chết rồi, trong ngăn kéo mùa đông

Anh trở về đợi em ngoài cổng gió
làm con chim tình cất tiếng gáy chiều
hạnh phúc bình an, thước đều nhịp gõ
trên mái trường đôi sẻ đá nhìn theo...

THANH BÌNH

Thơ] LÊ-VĂN-TRUNG

Bao giờ trở lại
Ngồi trong boong tàu
Sáng mùa đông tái
Sớm mù sương phai
Tay cầm tờ báo
Nghe gió ru ngoài
Tay cầm vật áo
Nhớ hoài cảnh xưa
Nhớ từng giọt mưa
Rơi trên chiếc lá
Nhớ cây trứng cá
Nhớ trái dừa khô
Nhớ mái con đò
Nằm trên bến cũ
Nhớ hoài chưa đủ
Tím trái mồng tơi
Đỏ trái môi cười

Vàng bông cúc nở
Phai màu nắng rơi
Bao giờ trở lại
Trong boong tàu dài
Ngồi nhìn khói bay
Mơ màu áo lụa
Trước ngõ nhà ai
Mơ tóc đen cài
Một bông sứ trắng
Đi trên đường vắng
Thơm nồng cỏ cây
Nhớ bầy chim sáo
Về đậu cành sung
Thương em tội nghiệp
Ra đứng bờ sông
Nhìn cây khế rụng
Hết mấy mùa bông

Blao, Th. 7-69

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài « Tình hồng » của Định-Nguyên trên Bách-Khoa số 305 (15-9-69) câu sau cùng, ở đoạn cuối, trang 59 :

Đã in : Cỏ tơ cấp sau hè.

Xin đọc : Cỏ tơ e ấp sau hè.

Trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý vị độc giả.

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Thềm địa ngục** truyện dài của Nguyên Vũ, Đại Ngã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 218 trang, tác phẩm thứ 12 của tác giả. Giá 160 đ.

— **Đêm hưu chiến** truyện dài của Nguyên Vũ, Đại Ngã xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 300 trang, tái bản lần thứ nhất. Bản đặc biệt. Giá bán thường 195 đ.

— **Ý nghĩa về sự chết đau khổ và thời-gian** của Khrishnamurti, bản dịch của Nguyễn minh Tâm và Đào hữu Nghĩa, An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 210 trang gồm 10 bài, trình bày rất mỹ thuật. Giá 130 đ.

— **Vực xoáy** truyện dị thường, do Bông Bá Lân tuyển dịch, Cơ sở Ánh sáng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 206 trang gồm 8 truyện dịch từ các truyện của Edgar Poe, Jean Ray, Claude Seignolle, Jenkins, Guy de Maupassant và M. R. James. Giá 150 đ.

Thơ Lữ Quỳnh. tập thơ của Lữ Quỳnh, in ronéo tại Phan Rang rất đẹp, do tác giả gửi tặng, dày 70 trang, gồm 28 bài thơ ; **Tựa của Trần Hoài Thư** và **Lữ Kiều**, bìa của Lê Thanh.

— **Cuộc tình người** tập thơ thứ 3 của Chu Trầm Nguyên Minh, do Kỳ Nguyên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang gồm 30 bài thơ cùng các phụ bản của Nguyễn Tài, Đinh Cường Thanh Hồ, Phạm Kim Khải. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 100 đ

— **Thấp tình** tập thơ của Thành Tôn do Ngưỡng Cửa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 100 trang gồm 26

bài thơ, trình bày trong nhũ. Bản quý

— **Tình trong cửa mắt** tập thơ của Tường Thủy do tác giả gửi tặng. Sách dày 84 trang, gồm 36 bài thơ, bìa do họa-sĩ Tú-Duyên trình bày. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 90 đ.

— **Đường vào hiện sinh** nguyên-tác « Commentaries on Living » của Krishnamurti, bản dịch của Trúc Thiên do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 580 trang gồm 88 bài với 88 đề tài, ấn loát rất mỹ thuật. Giá 250đ.

— **Địa lý Việt-Nam** của Nguyễn khắc Ngữ và Phạm đình Tiểu, do Cơ sở xuất bản Sử Địa ấn hành tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 302 trang gồm 3 phần chính : Địa lý hình thể, nhân văn và kinh tế với 27 bài cùng nhiều hình ảnh, bản đồ, biểu đồ và tài liệu mới mẻ nhất dùng cho lớp Đệ-nhị và mọi người tự học. Giá 250 đ.

— **Chuyện cấm đàn bà** truyện cười của Đặng Trần Huân do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 202 trang, gồm 150 truyện cười rất lý thú. Giá 140 đ.

— **Thế hệ ngày mai** một phương pháp giáo dục mới của Nguyễn Hiến Lê do nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày 210 trang, in lần thứ 3, gồm 3 phần : giáo dục xưa và nay, nền giáo dục tương lai và hiện thời chúng ta làm được những gì ? Phụ lục: Hiến chương tuổi thơ, Tuyên ngôn nhi quyền và 30 đặc điểm của Tân học đường. Giá 120 đ

— **Văn Tin** (trăng nguyệt san) của Hội Phế binh Việt-nam, số 1 ngày 1-9 69, do Đinh Trùng Thu chủ nhiệm, Nguyễn Đình chỉ bút, **Sâm Thương Thư** ký tòa soạn. Mỗi số khổ 21x29 dày trên 50 trang gồm những bài tiểu luận, biên khảo, thơ truyện của nhiều cây bút tên tuổi.

Khóc Mộng-Trung

Đã ba tháng hơn, tôi không nhận được một giòng của chị. Tôi biết rằng chị đang vật lộn với tử thần. Những lúc quá sốt ruột tôi lại tìm đến chị Hàn Xuân hỏi thăm, cũng như tôi : chị ấy chỉ được tin chị do anh Khê cho biết mà thôi.

Ngày hôm qua tôi đến chị Hàn Xuân, lại nói chuyện về chị. Đêm rồi, tôi bỗng thấy nóng biết tin chị và đề trấn an, tôi lấy lá thư mới nhất của anh Khê đọc đoạn anh ấy nói về bệnh tình của chị. *Phần Mộng Trung đau nhiều, bệnh cũng khá nặng, tôi và các cháu thay phiên vào nhà thương...* nét chữ vội vàng, đôi giòng xóa bỏ, có lẽ vì anh ấy không muốn cho tôi lo sợ ? Vì anh ấy là người hơn ai hết, hiểu rõ mối cảm tình giữa chị với tôi. Anh còn hẹn rằng sẽ biên thư dài sau, và tôi ngong ngóng đợi...

Rồi tôi đọc lại lá thư sau cùng của chị. Chị viết : « M Q coi mình lý không ? Đang chống chọi với cơn đau mà chữ viết cứng không ? Đau hoài nên mình đồ kỳ ra » Lý ! thì tôi biết chị rồi. Tôi nhớ mãi hai câu thơ chị đã đọc cho tôi nghe ngày gặp nhau tại nhà chị : *Giữa giá buốt từng trơ gan thạch,*

Trong nước sôi tắm vẫn nhả tơ vàng »

Tôi cũng nhớ chị vẫn bảo tôi, vẫn viết cho tôi : *Đừng thêm khóc ! Đừng thêm khóc ! Phải ! thế cho nên sáng nay, khi ở tòa báo Tuổi Hoa về nhận thiếp tang của chị, tôi đâu có khóc ! Lũ trẻ con biết mẹ mong như bên Pháp, nên vừa thấy mặt là kêu lên : mẹ có thư bên Pháp ! Tôi chưa kịp cởi áo dài ra và bảo con đưa ra và... trời ơi, — tôi lặng người đi khi nhìn cái viên đen quăm quăm bị. Song tôi vẫn chưa chịu tin vào sự thật, tôi tự phỉnh gạt tôi rằng «chào là ai..»*

Tôi chưa đọc vội, tôi còn bám vào một niềm tin rất mỏng manh mà vững chắc của tôi, đó là nét chữ bên ngoài không phải do anh Khê. Anh Khê vẫn viết thư cho tôi thay chị bấy nay, từ khi chị không cầm nổi bút kia mà ?

Nhưng rồi tôi cũng phải mở ra. Chữ « M » to tướng trên đầu tờ thiếp cáo tang đập mạnh vào mắt tôi. Rõ ràng quá, chị chết rồi ! Tên chồng, tên chị, bút hiệu của chị sờ sờ trước mắt, mà tôi vẫn còn giục lũ con :

— Đọc kỹ lại coi ! có phải là Mộng Trung không ? mẹ hoa mắt quá, đọc lại đi !

Các con tôi đọc lại. Tôi lão đảo ngồi xuống ghế kêu lên :

— Chị Mộng Trung ! Chị chết ư ? Không ! tôi không tin ! Chị vẫn chống chọi với cái chết nhiều lần và vẫn vượt qua mà !

Kêu xong, tôi lại làm cái việc kỳ quái là mở thiếp ra coi lại, mong mỗi là một

sự lầm lẫn chỉ đây. Rồi tôi gỡ cuốn «La Croix-Rouge Internationale» mà chị nhờ anh Khê mua để chị gửi cho tôi trong lúc chị đang nằm bệnh viện hồi Trung Tau năm ngoái. Tôi biết tôi làm những việc đó như người ngu si, mất trí mà vẫn cứ làm. Đâu phải vì chị có viết cho tôi, đâu phải vì tôi thấy nét chữ đó mà chị tránh khỏi tử thần? Tôi gỡ ngửa kéo, nhìn cái bì thư tôi đã dán tem, ghi tên và địa chỉ chị mà chưa gửi, và sẽ vĩnh viễn không gửi nữa, tôi choáng váng...

Buông tờ thiệp tang, tôi gọi điện thoại báo tin dữ ngay cho anh chị Lê Châu.

Báo xong, tôi hỏi lũ con :

— Mẹ phải làm gì bây giờ ! hả ? mẹ phải làm cái gì bây giờ ?

Một đứa — tôi không đề ý là đứa nào — nhắc tôi :

— Mẹ phải cho đi Hàn Xuân hay. Con chờ mẹ đi !

Chị Hàn Xuân ? Sao lại tôi ? Không, tôi không muốn làm chuyện đó, nhưng không làm chuyện đó thì làm chuyện gì đây ? Cuối cùng, ngồi trên xe, tôi vừa hết sức nóng ruột, vừa cố tự trấn tĩnh để lựa lời. Chị Hàn Xuân đang ngồi bên xấp bản thảo, chị chưa biết tin. Tôi không cầm giữ được nữa, tôi khóc, tôi nói lắm nhảm gì đó... rồi tôi đứng lên. Trên đường về, tôi ráo hoảnh mắt, nhớ tới lời chị Hàn Xuân. Chị khóc và nói rằng «Mộng Trung đã xếp đặt việc nhà đâu vào đó trước khi vào nhà thương, chỉ còn ao ước được thấy mặt mẹ già trước khi yên nghỉ vĩnh viễn mà thôi».

oOo

Suốt trưa nay, tôi nằm không yên, ngồi cũng không yên. Tôi lục thư chị ra đọc lại song tôi không đọc được gì cả. Sau cùng, tôi đọc được có lá thư đầu tiên của chị mà thôi. Đó là cánh thư chị viết ngày 9/7/65 cho tôi, gửi xuống Marseille. Chị tỏ ra thông cảm với nỗi khổ tâm của tôi khi tôi viết cho chị rằng tôi buồn rầu, lạc lõng trên đất Pháp. Chị bảo chị ưa tôi vì cái tên có vẻ đàn ông và vì tôi cũng biết tự cắt tóc cho con mình như chị, chứ không đưa ra hiệu. Chị tỏ ra vô cùng sốt sắng muốn gặp tôi, cho nên đi Ý về trước khi trở lại Sài-Gòn tôi hứa thế nào cũng đến thăm chị. Và tôi chưa kịp đi, chị đã cùng anh Khê thân hành đến đón tôi ở khách sạn.

Tôi biết rằng chị không cần ai khen chị, nhưng tôi, cứ mỗi lần nhớ đến sự vất vả, đảm đang vô biên, lòng hy sinh tận tụy của chị đối với các con mà không khỏi khâm phục chị. Một thân đau yếu, dắt khách quê người, chị đã làm đủ mọi việc không nề hà quản ngại từ việc trình diễn nhạc Việt trên các sân khấu khắp trời Âu cho đến việc gói từng cái kẹo cho một hiệu bánh ; ngoài bốn phận một người mẹ tốt, chị vẫn không sao nhãng cái bổn phận của một công dân yêu nước đối với Đất Mẹ xa xôi, Đất Mẹ mà chị không ngớt ngóng về cho đến khi sức tàn, hơi kiệt !

Chị Mộng Trung ơi ! tôi làm sao quên được cái giọng hiền hòa, tròn và ngọt của chị khi chị diễn tả tiếng hát miền Nam, giọng trầm, ấm và thiết tha của chị

trong điệu hò xứ Huế-Chị đã đã làm tôi xúc động khi chị cất giọng hát bài « Anh Khóa » của cụ Á-Nam !

Làm sao tôi quên được những giờ phút ngắn ngủi mà vô cùng quý báu tôi đã ghi sâu vào tâm não ? Nhờ chị và anh Khê, tôi lấy lại niềm tin, giữ được cái hãnh diện mình là người dân Việt !

Làm sao tôi quên được câu chuyện trong gian bếp hẹp khi chị vừa vo gạo vừa kể cho tôi nghe ? Chúng ta cùng có một quan điểm chung và sau đó, tôi cứ một hai kỳ kéo chị hãy bắt đầu viết tập « Hồn Nhân Di Chứng ». Còn chị, thoát đầu thì lắc đầu kêu bận, mà rồi lại kiên nhẫn cố gắng hoàn tất nó trong bệnh viện.

Tôi nhớ như in câu chuyện trong phòng khách nhà chị cách đây đã bốn năm. Khi chị nghe tôi phàn nàn rằng từ lâu lắm tôi không thích nghe nhạc Việt vì nhạc Việt lai rồi, vì tôi không còn nhận thấy Hồn Việt trong nhạc Việt... thì chị ngắt lời tôi :

— Không được ! chị phải nghe Nhạc Việt ! chị hãy nghe... hãy thử nghe...

Đoạn, chị bắt tôi ngồi lại, bảo anh Khê đàn lên. Tiếng đàn của anh Khê ! Thoạt đầu tôi như nghe tiếng gió reo xào xạc trong vườn tre giữa những trưa hè, rồi xôn xao như ngàn cánh chim cùng vỗ lên một loạt và sau cùng, tôi thấy phần khởi như nghe hồi trống thúc quân ! Tôi vô cùng xúc động. Và rồi, tôi chỉ biết... khóc, nghẹn ngào và lặng lẽ khóc mà vẫn mãi mê nghe.

Trong ánh nắng tàn chiếu loang loáng vào khung cửa kính, tôi chợt bắt gặp chị nhìn tôi đắm đắm, giọng chị cất lên dịu dàng, thân mật, cảm thông :

— Thôi, anh Hai ! chị ấy không chê nhạc Việt đâu ! Vậy đủ rồi, đừng làm chị ấy khóc to lên, tôi không đỡ nổi !

Từ khi biết chị, tôi đã thôi, hết dám khoe mình là *tay lao động*. Chị đã làm nhiều việc mà một người đàn bà ít khi làm nổi. Song điều tôi kinh ngạc nhất là sức chịu đựng dẻo dai phi thường của chị, trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn, trong một xứ mà luôn luôn ra đến đường phố là chạm phải những bộ mặt lạnh lùng, thân nhiên đến độ tàn nhẫn, ngay cả những bộ mặt của kẻ đồng hương !

Từ tháng 2/67 chị đã lên bàn mổ hai lần. Rồi từ ấy đến nay, chị ra vào, ra vào nhà thương không ngớt. Lần nào tôi cũng mong và đều được tin chị bình an. Nhưng lần này, chị không báo tin mừng cho tôi nữa. Chị vĩnh viễn im lặng ra đi, vĩnh viễn nằm trong lòng đất khách, không đạt được ước vọng tha thiết nhất và cũng là ước vọng cuối cùng : được trở về thấy mặt mẹ già cũng là được gửi xương trong lòng Đất Mẹ !

Tôi còn nhớ bài thơ chị gửi cho tôi :

« Đường dài gánh nặng nghĩ mà kinh,
Liều yếu phong sương xót phận mình.
Mẫu tử muốn cho tròn nhiệm vụ
Phu thê cam xẻ khối chung tình !

Bụi hồng hoen ố màu son phấn,
 Miệng tục đêm pha phận bổ kinh.
 Chèo chống bao giờ cho đến bến ?
 Bề trần ngao ngán kiếp phù sinh s

Có phải bài thơ đó đã nói lên tất cả nỗi lòng của chị ?.. Chị, người bạn tôi được biết mới bốn năm mà luôn luôn tôi có cảm tưởng là chúng ta đã quen nhau từ tấm bé !

Từ nay, tôi không bao giờ còn được trông thấy nét bút của chị, tan hẳn cái hy vọng được gặp chị trên đất Pháp hay tại gia hương. C ả bao giờ chị còn viết cho tôi hay nói với tôi ba tiếng : «Đừng thêm khóc !» nữa !

Song bóng dáng chị như vẫn thấp thoáng đâu đây. Viết đến giòng này, thốt nh ền tôi vụt nhớ đến con đường dài ngoằng phải đi nhiều chặng : métro, bus rồi bán hàng, dăng dọc... Từ Ba-Lê tôi và em tôi, sau bữa ăn tức thì đi ngay, mà đến cửa nhà chị, lên khỏi cầu thang đã thấy đói meo, mệt lã người, lạnh run bầy bầy. Ngàn ấy tháng năm trên đất khách, chị đã vượt bao nhiêu chặng đường dài từ nhà đến chỗ làm việc, lên xuống bao nhiêu bận ở miệng hầm métro, ra khỏi sở làm là cấp tốc lo chuyện chợ búa, về nhà thì vào bếp lo cơm nước, ngày nghỉ dùng vào việc giặt iũ, vá may; có chút giờ dư để thở lại là lúc thấy cần dạy con một đôi tiếng Việt cùng là cách ăn, nể ở kéo e chúng ngày một ngày hai mất gốc quên nòi !

Lại còn thất lưng buộc bụng mua được cái nhà, cặm cui đóng thêm cái tủ, cái bàn, lại còn kiêm luôn cả thợ sửa ống nước, nhà cầu...

Làm sao người ta khỏi chết ? Tôi chỉ tiếc một điều là : chị chết quá sớm trong khi còn nhiều hoài vọng chưa đạt đến, còn những đứa con cần có chị một bên, tuy chúng đã qua thời măng sữa.

Có phải chẳng chị đã đóng quá nhiều vai trò cùng một lúc : mẹ đảm, cha hiền... Trên sân khấu chị là một nghệ-sĩ được nhiều cảm mến mà ngoài đời là một người với tất cả cao đẹp của chữ và nghĩa ấy !

Tôi vẫn chưa quên cái đêm chúng ta gần như thức trắng tại nhà chị, trước khi tôi lên tàu về nước.

Chị Mộng Trung ! Tôi muốn nghe lời chị : đừng khóc ! nhưng viết đến đây tôi không thể nào cầm nước mắt. Hãy để cho tôi khóc chị, khóc một lần cho hả, chị ơi !

MINH-QUÂN

Tháng 10-1969 phát hành :

- **PHẠM ĐÌNH PHÙNG** thoại kịch Phạm Trường Hưng
- **GIẤU MẶT** thơ Phở Đức

do Nhân Chứng xuất bản

Được tin Mộng-Trung từ trần ở Pháp

Nghĩa cả () từ lâu đành xếp lại
Tình riêng nay có vẹn cùng không ?*

*Đã oằn vai yếu tha hương lạnh
Còn nặng quê cha một tấm lòng*

*Đàn, Hát diu nhau : ời mộng trẻ !
Sầm-giang trắng nước : hỡi chờ mong !*

*Không gian nhỏ giọt phương trời mẹ
Có ấm mồ ai cách núi sông ?*

14-9-69

NGUYỄN-NGU-Í

(*) Thời con gái, tác giả « Giọt thời gian » từng tham gia một phong-trào cách-mạng.

đã phát hành

TU TƯƠNG[?] số 5

Số đặc biệt về :

MARTIN HEIDEGGER

**VÀ CON ĐƯỜNG TU TƯƠNG TÂY PHƯƠNG
HIỆN NAY**

với những bài của . **Phạm Công Thiện, Ngô Trọng
Anh, Lê Tôn Nghiêm và Trần Công Tiến**

CÁO PHÓ

Đau đớn báo tin buồn cùng bạn hữu :

Bạn **NGUYỄN-VĂN-ĐỨC**

*Giám đốc Nhà Xuất-bản KỶ-NGUYỄN đã tử nạn
phi-cơ ngày 20-9-1969 tại Đà-Nẵng.*

Nhóm KỶ-NGUYỄN

Vẻ đẹp

Tình Yêu

Sự Chết

là những bước chân đi về trong :

VỤC NƯỚC MẮT

tác phẩm mới nhất của

NGUYỄN THỊ HOÀNG

tổ hợp GIÓ xuất bản 350 trang

lúc phẩm được lệnh CẨM ĐĂNG LIÊN TỤC

trên Nhật báo Tiền Tuyến :

Th. Trâm

truyện dài

THẢO TRƯỜNG

Tổ hợp GIÓ xuất bản 230 trang

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Rắc rối về lai lịch chị Hằng

Lúc còn « kính nhi viễn chi » thì chị Hằng đẹp dễ và quyến rũ biết bao. Nhưng vượt bao nhiêu khó khăn để tới gần được thì mới hay chị Hằng mặt rỗ hoa mè và... già hơn chúng ta tưởng nhiều.

Những đất đá do Apollo 11 mang về cho biết tuổi chị Hằng ít nhất cũng đã hơn 3 tỷ năm thay vì 5, 7 trăm triệu năm như các nhà bác học vẫn đoán già đoán non từ trước tới giờ. Theo Urey, hóa học gia đã từng được giải Nobel về lãnh vực này thì nếu đất đá được lấy ở các vùng đất cao hơn, tuổi thọ của chị Hằng có thể lên tới 4, 5 tỷ năm, thành bạn đồng niên của thái dương hệ. Urey vẫn tin tưởng vào giả thuyết của ông cho rằng mặt trăng là một tinh thể lạnh, một tinh thể chết về phương diện địa chất học. Giả thuyết của ông suýt bị sụp đổ khi những cục đá lấy từ mặt trăng về được chứng tỏ là những loại đá được tạo thành do sức nóng, tức do một trạng thái nóng chảy đông đặc lại mà thành.

Hai phi hành gia đã lấy chúng từ trong lòng biển Trầm lặng, và con số đó chứng tỏ những vùng đất lồi trên mặt trăng, những nơi được gọi là biển, không phải mới được tạo lập gần đây, mà đã có rất lâu, có thể là từ lúc thành lập mặt trăng và giữ nguyên hình dạng không thay đổi cho tới bây giờ. Khi dùng chất *potassium phóng xạ* để xác định tuổi của các cục đá, nhà địa-chất-hóa-học Oliver

Schaeffer cũng đồng ý về điểm đó (*Potassium phóng xạ* cần một thời gian là 1, 3 tỷ năm để một nửa số lượng của nó thoái hóa thành *argon*, do đó người ta chỉ cần biết tỉ lệ giữa chất *argon* và *potassium phóng xạ* là có thể suy ra được tuổi của chất đó). Phương pháp này cũng giống như phương pháp dùng *Carbon 14* của Libby được áp dụng từ năm 1948 để xác định tuổi các cổ vật. C. 14 có một bán trình (half-life) ngắn hơn, vào khoảng hơn 6 ngàn năm).

Giả thuyết của Urey về một «nguyệt cầu lạnh» được củng cố thêm khi Gary Latham, một nhà địa chất hóa học khác đưa ra nhận xét là những chuyển động trên địa cầu nhận được do một địa chấn kể của Apollo 11 để lại trong lòng bề Trầm lặng có vẻ như được truyền đi qua một lớp vật chất lạnh và vụn nát, có khả năng khuếch tán những luồng sóng chấn động.

Nếu quả thật nguyệt cầu là một tinh cầu lạnh thì, chị Hằng của chúng ta chỉ là một cô nàng lẳng tử, một mảnh vụn của vũ trụ, một hành tinh xa lạ nào đó tình cờ dưng lại trong trọng trường của trái đất.

Transistor hết thời

Transistor ra đời cách đây 21 năm, mở đầu cho kỷ nguyên điện tử với những chế biến tinh xảo lợi dụng ở tính chất quý giá của nó. Giờ đây nó sắp bị một đàn em qua mặt.

Các nhà khảo cứu ở công ty điện khí

Bell, cha đẻ của Transistor, đang khai thác triệt để những đặc tính phi thường của chất *orthoferrites*, một vài hợp chất gồm oxide-sắt và một vài thứ khoáng chất hiếm có như *ytterbium*, *thulium*, và *Samariumterbium*. Chất *orthoferrites* khi đặt giữa một từ trường đủ mạnh sẽ tạo nên những bong bóng nhỏ hình ống có chứa từ lực. Những bong bóng này mặc dù kích thước cực nhỏ của nó, có thể được điều khiển và đặt ở nhiều vị trí khác nhau. Sự điều khiển rất giản dị là chỉ cần đặt chất nói trên vào một từ trường thích hợp và thay đổi từ trường đó là có được những bong bóng xuất hiện ở vị trí định trước. Chính sự có mặt hay không của chúng ở một vị trí nào đó được lợi dụng để chế biến các máy tính. Các nhà khảo cứu cho biết chỉ cần một miếng mỏng chất *orthoferrites* cỡ 1 inch vuông bề mặt có thể chứa được 10.000 mẫu tin. Không có một máy tính điện tử nào có được 10% khả năng đó.

Trong vài năm nữa, khi kỹ thuật mới mẻ này được hoàn tất và đem ra dùng ở thị trường thì những chiếc máy tính điện tử tối tân hiện nay có lẽ sẽ thành những bàn toán mà mấy chú ba tàu bán thuốc ngày nay vẫn còn dùng.

Răng và mũi, và phân tâm học

Bạn mơ thấy mình bước chân vào phòng ông nha sĩ để nhờ giải quyết chiếc răng đau? Coi chừng, dưới mắt một nhà phân tâm học thì đó là dấu hiệu của mặc cảm bị thiếu.

Các nhà phân tâm học thường nhờ vào những dữ kiện thu lượm được trong các cuộc đàm thoại với bệnh nhân để đi sâu vào cuộc sống vô thức của họ. Bởi thế khi gặp một bệnh nhân có trí nhớ tồi thì thật là phiền.

Hai nhà tâm lý học pháp là bác sĩ Frétigny và Virel đã vượt qua khó khăn trên bằng cách dùng mùi vị để thử đánh thức lại trí nhớ của bệnh nhân. Một thứ mùi thơm thích hợp nào đó thường gợi lại những hình ảnh thật xa xăm trong thời thơ ấu, những hình ảnh vốn tràn đầy tình cảm. Mùi thơm, đối với đàn bà, lại gợi nên những hình ảnh về dục tình. Văn hào Marcel Proust đã nhờ đến chiếc bánh trét bơ, vừa ăn vừa uống nước trà để nhớ lại những kỷ niệm lúc còn nhỏ.

Frétigny và Virel giải thích rằng trong não bộ của loài người, não khứu (*rhinencephalon*) là phần não cũ nhất nơi những ký ức về tình cảm được chất vào đấy. Não khứu ở loài vật lại là nơi tiếp nhận mùi vị. Và hai nhà tâm lý học này cho là hai chức vụ trên của não khứu có liên lạc với nhau.

Về cái chết của Blaiberg

Nha sĩ Philip Blaiberg, người được ghép tim thứ nhì của thế giới đã chết sau khi sống thêm được 594 ngày với trái tim của người khác. Trong hơn 1 năm trời, Blaiberg sống một cách sung sướng, lạc quan và yêu đời. Ông ta có đủ thì giờ để hoàn tất một cuốn hồi ký kể lại những cảm tưởng của chính người trong cuộc. Nhiều người sẽ tò mò muốn biết xem một người sống nhờ tim của kẻ khác đã sống và suy nghĩ như thế nào.

Nhà giải phẫu Marius Barnard (bào đệ của Christian Barnard) đã ghi là Blaiberg chết vì chứng yếu thận và sưng phổi làm cho tim bị yếu lây. Điều mà người ta cố tránh đã không khỏi được: Blaiberg đã chết vì nhiễm trùng. Để chống lại phản ứng thải hồi, giải phẫu đoàn của Barnard đã tìm cách giết bớt các bạch huyết cầu trong cơ thể của

Blaiberg — thiếu bạch huyết cầu, cơ thể của Blaiberg như bỏ ngổ cho vi trùng tự do xâm nhập. Sự khử trùng tuyệt đối hậu giải phẫu đã không đủ sức ngăn chặn vi trùng.

Sau 6 tháng Blaiberg bắt đầu bị đau gan, rồi sau đó là sưng phổi. Đồng thời sự ngăn chặn phản ứng thải hồi đang đi lần tới chỗ thất bại. Vào thời kỳ cuối cùng, quả tim vay mượn này đã trở nên tồi tệ không thua gì quả tim cũ. Tình trạng sức khỏe của Blaiberg do sự hư hại của những cơ quan khác như gan, phổi và thận không cho phép Barnard thực hiện một vụ ghép tim thứ hai mặc dù ông có dư thì giờ để tìm ra một quả tim mới. Blaiberg đã chết một cách yên lành và mãn nguyện.

Sau cái chết của Blaiberg thì người "già" nhất hiện nay là cha Boulogne, người Dominique, được ghép tim ngày 12 tháng 5 năm 1968 tại Balê. Các nhà bác học Pháp coi Boulogne như một báu vật và giữ kín hoàn toàn loại thuốc cũng như liều thuốc mà họ đã dùng để kéo dài đời sống của bệnh nhân.

Lại rắc rối về viên thuốc ngừa thai

Từ khi thuốc ngừa thai được dùng một cách phổ thông ở nhiều nước trên thế giới thì tỉ lệ số phụ nữ bị ung thư cổ tử cung cũng tăng lên một cách đáng kể. Hai sự kiện đó được dư luận đặt vào trong một mối liên quan nhân quả mặc dầu chưa có một chứng minh cụ thể có tính cách khoa học nào cả.

Vừa rồi, một bản phúc trình do hai bác sĩ Myron R. Melamed và Hilliard Dubrow được công bố sau hơn một năm trời làm việc.

Nhiều người cho rằng bản phúc trình chắc sẽ không bao giờ được ra đời vì

bị áp lực của các công-ty chế-tạo thuốc ngừa thai ở Mỹ. Bản phúc-trình, trái lại, cũng chẳng đưa ra một xác định rõ rệt nào. Cũng mới chỉ là những giả thuyết và con số để chứng minh, sự liên lạc giữa hai sự kiện vẫn chưa được đưa ra ánh sáng.

Melamed và Dubrow nhận thấy ở những phụ nữ dùng thuốc ngừa thai trên 1 năm thì số người bị ung thư cổ tử-cung nhiều gấp đôi số phụ nữ không dùng thuốc. Tuy vậy, số người này cũng chỉ mới bị ở giai đoạn ung thư tại chỗ (Carcinoma in situ) và ở giai đoạn này thì bệnh nhân có thể hy vọng chữa khỏi được 100%.

Hơn nữa, ở những phụ nữ ngừa thai bằng cách dùng màng chắn (diaphragm) đặt ở cửa tử-cung thì tỉ-lệ bị ung-thư lại có vẻ giảm xuống. Ung thư ở cổ tử-cung vẫn được nhiều nhà khảo cứu cho là do một loại cực vi-trùng hoặc một chất gây ung-thư (carcinogenic) ở các chất nhờn do cổ tử-cung tiết ra gây nên. Màng chắn, do đấy, ngoài vai trò chính yếu là dùng để ngừa thai còn có thể có tác dụng như một rào cản không cho cực vi-trùng và chất nhờn xâm nhập vào cổ tử-cung.

Bản tường trình của Melamed và Dubrow làm cho phụ nữ an lòng dùng nhiều thuốc ngừa thai hơn nữa.

Thuốc trường sinh

Một loại thuốc trường sinh đang bán chạy như tôm tươi ở Âu-châu. Tên của nó không phải là hạng tầm thường. Chính Charles de Gaulle, Nikita Khrushchev, Kwame N'krumah, Achmed Sukarno, Konrad Adenauer và ngay cả đức Giáo-hoàng Pius XII cũng đã

từng là khánh «xốp» của loại thuốc này.

Thuốc trường sinh này có 2 viên : một viên bọc màu hồng tía và một viên tròn nửa đỏ, nửa xám. Bọc màu hồng tía có tên là KH₃, phần lớn chứa một chất vẫn được dùng làm thuốc tê là procaine (Novocaine) có tác dụng làm cho con người trường sinh bất tử. KH₃ có một hình thức dùng để chích và chính các nhân vật danh tiếng trên đã dùng loại sau này.

Các nhà khảo cứu lại cho là thuốc KH₃ chẳng có một tí giá trị nào. Chẳng qua nó cũng chỉ là một thứ thuốc làm cho các khớp xương của mấy ông già bớt đau nhức đi mà thôi. Novocaine khi được uống vào trong đường tiêu hóa thì đã bị phá hủy, không còn có tác dụng nào nữa. Nếu nó có cái là toàn đồng tại đó là tùy vào óc tưởng tượng của

người dùng thuốc có phong phú hay không. Các bác sĩ ở Âu-Châu hiện dùng KH₃ như một thứ placebo nôm na gọi là «thuốc cơm nguội» dùng để trị các thần chủ cứ tưởng mình bị bệnh. Còn viên thuốc nửa đỏ nửa xám là chất Ribaminol, được chế tạo từ chất RNA (Ribonucleic — Acid) một thành phần quan trọng trong sự tổng-hợp chất dẫn bạch tinh (protein) của cơ thể. Tác dụng của nó, theo như lời quảng cáo là bồi bổ trí nhớ. Tính chất này ít nhiều quả có thật. Một số bệnh nhân đã có tuổi thử dùng thí nghiệm loại thuốc này thì thấy nhớ lại được ngày tháng cách đã khá lâu. Một nhóm chừng 40 sinh viên đã thí nghiệm và tuyên bố trí nhớ tăng lên rất nhiều.

Rồi đây sinh viên vừa học bài vừa uống thuốc thể cơm!

TỬ-DIỆP

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Cái giống trên văn đàn

Tủ sách 10/13 của nhà xuất bản Plon vừa cho ấn hành cuốn *Les Prospérités du vice*. Đây là cuốn sách dữ dội nhất, tỉ mỉ nhất, của một tác giả nổi tiếng về cái giống : Sade.

Hai mươi hai năm trước, một nhà xuất bản trẻ tuổi là Jean-Jacques Pauvert lăm le khai thác Sade. Nhà xuất bản tiên phong này liền bị truy tố, xử đi xử lại hết tòa này đến tòa khác. Bây giờ thì... thả cửa. Chúng vẫn minh thật.

Một viên chức cao cấp của Pháp làm việc tại tổ chức UNESCO, có một bà vợ lỗi lạc : bà Emmanuelle Arsan. Hai cuốn *Emmanuelle* và *L'anti-vierge* của bà ta

thuộc loại sách dữ có hạng, và bán như gió.

Nhà xuất bản La Concorde ấn hành một thứ hồng thư đề thanh niên gối đầu giường. Sách bày bán bọc vào bao nhựa kín, không cho khách hàng táy máy lật xem trộm. Bởi vì cuốn *Positions in 40 bức hình ác ôn*.

Một người đàn bà vừa trẻ vừa đẹp là Régine Desforbes tỏ ra là một người thức thời, bèn phóng tay lập ra nhà xuất bản *Hoàng kim của thời đại* (*L'or du temps*) : nhà xuất bản đầu tiên chuyên in những tác phẩm về cái giống.

Các «ủy ban điều chế» cũng không vừa đâu nhé. Riêng ở Pháp, nguyên

thượng bán niên 1969 đã ra đời tất cả tám cuốn tự điển chuyên về chuyện yêu đương, tình ái, dâm dục v.v...

Cái giống... trí thức

Giới biên khảo thức thời cũng chịu khó vây quanh cái giống. Dĩ nhiên là để đi sâu vào suy tư.

Nhà Mercure de France đang in cuốn *Les derniers jours de la monogamie* của Laslo Havas. Sách chú ý đến hiện tượng lộn vợ lộn chồng, chồng chung vợ chạ, đang tràn lan nhanh chóng ở Âu Mỹ, hoặc bí mật (Pháp, Ý, Anh v.v...) hoặc gần công khai (Mỹ, Thụy Điển, Đan-Mạch v.v...) Nhà khảo cứu tiên đoán rằng chế độ gia đình một vợ một chồng hiện sắp chấm dứt. Nghĩa là sẽ chấm dứt sau... vài ba thế kỷ nữa.

Trong lúc ấy thì chủ bút tờ *Plexus*, tức cũng là một tờ báo « có thẩm quyền » về vấn đề ái tình thế xác. Ông Jacques Mousseau, đưa cho nhà Denoël in cuốn *L'amour à refaire*. Sách nghiên cứu về cách mạng dục tình.

Cuộc cách mạng này xem ra giới trí thức lại lãnh đạo. Sinh viên, ký giả, nghệ sĩ, giới biên khảo v.v... luôn luôn dẫn đầu, ngọn cờ cách mạng, họ giữ chặt và nhất định gương cao.

Nhất thời đại

Vụ mua bán tranh lớn lao nhất thời đại này vừa mới diễn ra Đó là vụ bán

bộ sưu tập tranh lập thể Picasso của nữ văn hào Mỹ Gertrude Stein.

Nguyên, trước kia, khi gia đình Stein qua Paris sinh sống thì Matisse với Picasso chưa nổi tiếng. Gertrude Stein và anh em: Leo Stein, Michael Stein đều thích mua tranh Họ có mắt xanh, sớm biết thưởng thức, và mua tranh của Matisse và Picasso với giá khá rẻ.

Về sau Leo bỏ chơi tranh, Michael khoái Matisse. Do đó bao nhiêu tranh Picasso và tranh lập thể về phần Gertrude, Stein giữ: 48 bức tất cả.

Gertrude Stein qua đời năm 1946, nước Pháp không ngăn cản, để cho bộ sưu tập hội họa này đi chuyển qua Luân Đôn. Mới rồi, các người thừa kế của Gertrude Stein phát mại. Các tay đại-tư bản, các bảo tàng viện Anh Mỹ tranh nhau mua. Họ trả tới 6 triệu mỹ kim

Không phải trí thức, không phải thi sĩ

Henri Charrière thú thực trong tác phẩm, rất tiếc rằng mình « không phải trí thức, mà cũng không phải thi sĩ » cho nên không diễn tả được hết cái hay ho cái xúc động của những cảnh ngộ hay ho xúc động.

Phải, Henri Charrière không thi sĩ, không trí thức gì ráo. Ông ta chỉ là một tên tù chung thân, vượt ngục. Và ông ta viết sách, sách ông ta nổi tiếng, thu hút.

PHÂN ƯU

Được tin bà NGUYỄN XUÂN TƯỜNG (nhũ danh Phùng Kiều Oanh), ái nữ nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, đã từ trần ngày 18-9-1969,

Xin trân trọng chia buồn cùng nhà văn Lãng Nhân và tang quyến và cầu chúc hương hồn người quá cố sớm về Cõi Phật

Trần Kim Thạch, Trần Thái Đình, Võ Quang Yếu, Lê Ngô Châu.

Sách ấy — cuốn *Papillon* — viết như là nói, tự nhiên, không có chút suy nghĩ gì. Nhưng cái nội dung của nó thật là ly kỳ. Tù như Henri Charrière thật là khổ chí tử. Vượt ngục như Henri Charrière thật gan cùng mình. Và kể chuyện như Henri Charrière, thì sĩ trí thức lắm kẻ phải chạy dài.

Nữ sĩ ra mắt độc giả

Thành phố Nice ở Pháp tổ chức một Đại-hội quốc-tế về sách. 22 quốc gia tham dự, với 760 nhà xuất bản đem sách đến trình bày. (Quái lạ, đại hội do nhà Robert Laffont góp phần tổ chức, nhà Gallimard lại không thấy tham dự).

Đại hội có chiếu phim, có triển lãm, có diễn thuyết, có phát giải thưởng văn chương, có tác giả đích thân ra mắt ký tên lên sách trước quần chúng độc giả v.v. .

Và chính cái trò cuối cùng vừa kể đã phát sinh ra một chuyện ngộ nghĩnh. Một nữ sĩ nọ, còn trẻ, tiến ra ký tên trước mặt mọi người mà không mặc y phục: tất cả cái văn vẻ trên người đều phơi bày ra cả.

Văn sĩ nói chính trị.

Heinrich Böll là một trong những tiểu thuyết gia nổi tiếng nhất của Đức, và cả của Âu-châu. Ông ta mới vừa đòi viết một bức thư ngỏ gửi ... đàn bà con gái nước Đức. Đề yêu cầu đàn bà con gái đừng bỏ phiếu cho đảng của ông Kiesinger nữa. Bỏ phiếu bầu cho Kiesinger cầm đầu quốc gia, theo nhà tiểu thuyết Heinrich Böll, là một bằng chứng tỏ rằng quần chúng Đức đã mất trí phán đoán. Trong đám quần chúng thiếu phán đoán ấy, đàn bà con

gái là bấy nhất. Vì thế ông Heinrich Böll bèn tính viết thư ngỏ.

Tại nước Đức bây giờ, ngoài cái bấy bọ là sự cai trị của Kiesinger, còn cái bấy nữa là nạn kỳ thị chủng tộc vẫn còn. Chủng tộc nào bị kỳ thị? Do-Thái thì hết rồi, chẳng còn mấy lắm mộng sống sót trên đất Đức. Vậy thì đây là những « chủng tộc » đã thế chỗ cho Do - Thái chịu mỗi ác cảm: trí thức, cộng sản, sinh viên, lao động ngoại quốc.

Vẫn chưa hết các cái bấy ở Đức: dân Đức lại còn mang một tật bất trị, là tôn trọng luật pháp quá đáng.

Heinrich Böll giận dữ, ngao ngán cho dân Đức.

TRANG THIÊN

Triển lãm sách báo

Cuộc Triển lãm Sách Báo do Hội Thư-Viện V.N. tổ chức, trái với dự định lúc đầu (là từ 27-9 đến 5-10-69 như trên Bách-Khoa số 304 có nói đến), đã khởi sự từ 20 đến 28-9 để mở đầu cho Tuần-lễ Văn-hóa của Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-trách Văn-hóa.

Phòng Triển - lãm đặt tại Trường Trung-học Kỹ thuật Cao Thắng gồm có 3 phòng ở tầng dưới: 2 phòng triển lãm thành tích hoạt động của các cơ quan trong khối Văn hóa, 1 phòng triển lãm sách báo Việt-Nam; 2 phòng trên lầu trình bày sách báo ngoại quốc: Mỹ, Trung-Hoa, Nhật, Úc, Đại Hàn, Phi Luật Tân, Pháp v.v..

Như vậy là Sách báo Việt-Nam được trưng bày trong có một phòng rộng: chung quanh tường là các nhà xuất bản hoặc các nhóm xuất bản bỏ tiền

tự trình bày lấy sách của mình. Ở giữa phòng là những sách báo của các nhà xuất bản gửi tới do Hội Thư viện trưng bày.

Các gian do các nhà xuất bản tự lo liệu phần triển lãm cũng khá đặc sắc : Tinh viêt văn đoàn, Sách báo Công giáo, Trung tâm học liệu, Zên Hồng, Nam Sơn, Phạm quang Khai, Khai Trí, Thời Triệu, An Tiêm, Lá Bối. Khách tới xem ai cũng thấy sự rối rào của sách báo Công-giáo, vẻ đẹp trang trọng của nơi trình bày sách của Lá Bối, sự đom đàng, ấm cúng của gian sách An Tiêm, sự trang nhã đồng loạt của sách Phạm quang Khai, và số tác phẩm vừa phong phú vừa bao quát nhiều bộ môn của nhà Khai-Trí. Riêng nhà Lá Bối có trưng bày tập kinh, chữ vạch trên lá cây Bối, từ thời kỳ chưa có giấy viết, nét chữ rõ và đẹp vô cùng.

Cũng nên ghi lại là ngày khai mạc phòng Triển lãm sách báo, một số nhà xuất bản đã được các giải thưởng : Cơ sở Phạm-quang-Khai về sách biên-khảo đẹp (cuốn « Văn Minh V.N. » của Lê văn Siêu), nhà Khai Trí về sách giáo khoa đẹp (« Học Hạ Uy Cầm » của Lan Đài) nhà An-Tiêm về sách phổ - thông đẹp (cuốn « Hát vào Đời » của Phạm Duy), nhà Lá Bối về gian hàng đẹp ..

Về sách đẹp không biết Ban Tổ chức đã căn cứ vào những tiêu chuẩn nào, nhưng ai cũng thấy sách của Thời Triệu (nhà xuất bản của Giáo hội Cơ đốc phục lâm) đẹp cả bìa lẫn ruột, không thua gì các sách đẹp của ngoại quốc. Sách biên khảo trình bày đẹp thì những cuốn mới đây của nhà An-Tiêm (dịch Khrisnamurti) cũng khó có cuốn nào trang nhã một cách trẻ trung hơn.

Người đến xem hầu như chỉ chú trọng

đến các gian sách đẹp mắt chung quanh do các nhà xuất bản tự trang hoàng, bày biện (nhà Lá Bối chẳng hạn phải chi tiêu chừng 40.000 đ) mà không còn lưu ý mấy tới khu vực ở giữa phòng gồm những sách báo do các nhà xuất bản gửi đến — theo lời mời của Hội Thư viện — đề Ban Tổ chức Triển lãm tự ý trình bày. Công trình của Hội Thư viện cũng thu gọn vào có một nơi này ! Người ta đã thấy rải rác các tên : Nam Cường, Sống Mới, Sáng Tạo, Văn Nghệ, Thời Nay, Bách Khoa Hoa Đăng, Việt Bằng, Nguyễn Hiến Lê v.v... và một vài cuốn sách báo gài ở dưới hoặc kê bên các tên đó, hay đặt trên các bàn phủ vải xanh ở phía dưới. Có cả một khung dành riêng cho những sách do các tác giả gửi tới, và một khung dành cho những tác phẩm của các nhà xuất bản không còn hoạt động nữa.

Điều ai cũng nhận thấy là sự vắng mặt của các nhà xuất bản quan trọng: Trình Bày, Cơ sở Văn, Giao Điểm, Ca dao, Cảo Thơm, Hoàng Đông Phương, Mặc Lâm, Miền Nam, Phù Sa, Quỳnh Lâm v.v... những nhà xuất bản đã cung cấp từ nhiều năm nay một số lớn tác phẩm biên khảo, văn nghệ, dịch phẩm được đông đảo người đọc tại miền Nam này. Sách đã thiếu như vậy mà những tác phẩm gửi tới, Ban Tổ chức cũng không chịu bày cho hết. Thí dụ nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê gửi tới 6 chục cuốn sách thì chỉ thấy bày ra có phân nửa. Như vậy làm sao mà trình bày «khả năng văn hóa Miền Nam» được !

Điều đáng tiếc nữa là địa điểm Triển lãm đặt ở một chỗ không thuận lợi cho người tới xem. Nhà Lá Bối có tặng một bộ «Chiến tranh và hòa bình» cho người

khách thứ 5000. Một con số thật khiêm nhượng. Nhưng tới chiều ngày 24 (ngày thứ 5) mà số người xem mới có 3.000 kể cả các em học sinh trường Kỹ-thuật Cao-Thắng là nơi đặt phòng Triển lãm. Thiết tưởng Bộ Thông Tin cũng nên cho điều tra lại là tại sao cuộc Triển lãm sách báo này lại không mượn được phòng Thông tin Đô-thành để tổ chức như các cuộc Triển lãm khác.

Năm 1959 có 2 cuộc Triển-lãm sách-báo, một của chính quyền và một của nhà phát hành Thống nhất. Phải đợi đến tận năm nay — 1969 — mới lại có cuộc Triển-lãm sách báo nữa. Bởi vậy ai cũng hoan nghênh thiện chí của Hội Thư viện, nhưng rồi ai cũng phải nhận thấy rằng Hội cũng chẳng rút được bao nhiêu kinh nghiệm ở các cuộc triển lãm của 10 năm trước đây, mặc dầu có vị đi vận động các nhà xuất bản tham dự đã hứa hẹn rằng lần này có đủ kính trưng bày và sách không thể mất !

Kiểm duyệt sách

Trong buổi họp báo và tiếp tân của Bộ Thông-Tin hồi 18 giờ ngày 17-9-69 nữ ký giả Lam Thiên Hương đã nêu câu hỏi của một nhóm nhà văn như sau :

— Theo hiến-pháp thì mọi người được tự do hành nghề, vậy nhà văn có phải bọn hủi không mà Bộ Thông-Tin dùng Sở Phối hợp nghệ thuật để ngăn họ hành nghề. Bộ Thông Tin có định bãi bỏ Sở Phối hợp nghệ thuật không ?

Ông Tổng trưởng Thông-tin đã trả lời là Bộ Thông-tin lúc nào cũng chủ trương làm đúng hiến-pháp, cố gắng thực thi hiến pháp. (Nhật Báo Hòa-Bình ngày 19-9-69)

Bữa tiếp tân các văn-ngệ-sĩ, nhân ngày Điện ảnh tối 22-9-69 sau đó, một

ký-giả lại đặt câu hỏi với ông Tổng-trưởng Thông tin như sau :

— Mới đây ông tuyên-bố sẽ có biện pháp để không vi hiến về vai trò của Sở Phối hợp nghệ thuật, một cái sở cắt bỏ tác phẩm các nhà văn vô tội vạ. Ông cho biết biện pháp đó như thế nào ?

Ông Tổng trưởng đã trả lời : « Trong hiến pháp có qui định các cơ chế ngoại hiến pháp chỉ có thể tồn tại 2 năm sau khi hiến pháp ban hành. Chúng tôi cần sự góp ý của giới văn hóa. Đầu tiên tôi sẽ cho xé lại vấn đề nhân sự của Sở này để tìm những người thích hợp và có khả năng hơn. » (Tiên Tuyến, ngày 24-9-69) Đáng tiếc là cuộc phỏng vấn đã bị cắt ngang ở chỗ này.

Nếu những câu trả lời của ông Tổng trưởng đã gây lại được cảm tình và tin tưởng nơi người cầm bút thì những câu hỏi cũng phản ánh được sự bất bình và phẫn nộ của văn giới đối với Sở Phối hợp nghệ thuật bấy lâu nay.

Tuy nhiên từ lúc này cho đến khi nghệ thuật không còn bị cưỡng bức phối hợp e còn phải một thời gian chờ đợi chẳng biết đến bao lâu. Nhưng chừng nào mà chưa thực thi được hiến pháp đối với việc xuất bản sách thì chắc rằng Bộ Thông Tin cũng chẳng bao giờ muốn những bất bình và phẫn nộ trên chất chồng thêm mãi. Bởi vậy mà Ông Tổng-trưởng cũng đã nói đến sự thay đổi về nhân sự. Nhưng sự sửa đổi tất nhiên không phải chỉ có thể mà cơ cấu tổ chức của Sở Kiểm duyệt cũng sẽ được cải tổ và cái tên «Phối hợp» hằm hồ sẽ không còn nữa.

Thêm vào đó những thẻ lệ kiểm duyệt lỗi thời mà báo chí đã nêu lên từ

trước tới nay chắc cũng được Bộ Thông Tin xét tới để định lại cách làm việc cho hợp tình hợp lý hơn :

— Nêu lên rõ ràng các tiêu chuẩn kiểm duyệt (đừng đề như cuốn sách của Ô. Đoàn Nhật Tấn được trả lời là bị cấm vì "không còn hợp thời nữa" !)

— Nếu tác phẩm có chỗ nào gây thắc mắc Sở Kiểm duyệt sẽ gửi giấy mời tác giả hoặc nhà xuất bản đến để yêu cầu giải thích.

— Nếu tác phẩm nào bị cấm, Sở sẽ trả lời về lý do cấm minh-bạch trên giấy tờ (tránh trường hợp như " Cúi mặt " của Bùi Đăng).

HỘP THƯ

— Tạp chí Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Đặng-thanh-Hữu. Đinh xuân Phương, Hoài Nhã Liên Văn, Hải thanh Lê. Hoàng Hôn, Trần-Thạch Thy, Ngụy Du, Nguyễn tăng Liên, Nguyễn phương Danh. Nguyễn bân Sơ. Trần thị Mạc Băng. Phạm mỹ Khánh. Tê Hà. Hoàng Lộc. Tô nhược Châu. Đặng đức Côn. Khế Iêm. Hy Bằng. Khánh Linh. Cao tha Duyên. Vũ phan Trân. Phạm ngọc Lư. Lương trọng Minh. Nguyễn đức Phồ, Trần nhật Tuấn. Nhã Nam. Phạm đăng Thiêm. Lê miên Tường. Hoàng Lộc. Lê Nhược Thủy. Thủy Triều. Bồng Tiên Bồng Lai. Nguyễn Trung Hạ.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc nhắn tin ở mục Hộp thư này trên 2 số báo tới đây.

— Ô. Lê Văn Trung (Blao). Đã nhận được thêm một số bài của anh và sẽ lựa đăng.

— Ô. Trần Dza Lữ (KBC 4537). Muốn liên lạc với H.N.C. xin anh gửi thư về 68 Phạm Phú Quốc Blao.

— Ô Nguyễn Kim Phương (KBC 4061). Đã nhận được bài của anh. Vì

— Giấy phép kiểm-duyệt không còn giới hạn vô lý 3 tháng, 6 tháng nữa... vì giới hạn đó chứng tỏ sự bất ổn và bất nhất về đường lối chính sách của chính quyền đã để ra thề lệ đó.

Những ý kiến trên cũng như bài của Ô. Nguyễn Hiến Lê về vấn đề " kiểm duyệt " đăng trên Bách-Khoa số này chính là để đáp ứng niềm mong mỏi góp ý mà ông Tổng-trưởng Thông-tin đã bày tỏ cùng các nhà văn nhà báo trong buổi tiếp tân vào hạ tuần tháng 9 vừa qua.

THU THỦY

BK. đã bỏ các mục điểm-sách từ lâu nên khó có thể đăng bài đó trong lúc này được.

— Ô. Nguyễn Kim Phúc (Nha Trang) Rất cảm ơn những nhận xét của ông. Tạp chí Bách Khoa có những bút hiệu mà có thời-kỳ dành chung cho tất cả các anh em trong tòa soạn như : Thế Nhân, Tràng Thiên, Thu Thủy. Riêng bút hiệu Tràng-Thiên trước 1963, đã dùng chung cho các anh em viết về mục "Điểm sách" hay "Qua các hàng sách", rồi từ 1964 trở đi, nhất là từ 1965, ông Võ-Phiến thường dùng bút hiệu đó để viết các bài về văn-học và trong mục " Sinh hoạt " nên Tòa-soạn đã danh bút hiệu này cho riêng ông. Do đó mà trước năm 1964 có nhiều bài với bút hiệu Tràng Thiên mà thực ra là của nhà văn Ngu-Í, Vũ Hạnh hay những văn hữu khác không muốn dùng bút hiệu thực của mình. Thí dụ bài Điểm sách trên số 99 (15-2-1961) trang 113, như ông hỏi trong thư, là của ông Vũ-Hạnh, dưới bút hiệu Tràng-Thiên.

— Ô. Đặng Kim (Saigon). Giá báo Bách-Khoa rồi cũng phải tăng lên 40đ. một số như các tạp chí khác, nhưng chừng nào công việc ấn loát được chấn chỉnh lại thực hoàn bị, tờ báo in được rõ ràng đẹp đẽ, chúng tôi mới bán theo giá chung của các tạp chí bạn.

đã phát hành :

• **Ý NGHĨA VỀ SỰ CHẾT, ĐAU KHỔ VÀ THỜI GIAN**

của Krishnamurti

bản dịch của Nguyễn Minh Tâm và Đào hữu Nghĩa

240 trang, giá 150đ

• **NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC TÍNH KHÔNG**

biên khảo của Sơn Nam

112 trang, giá 80đ

• **CÁI CHUÔNG KHỈ**

truyện của Nguyễn đức Sơn

136 trang, giá 80đ

những sách trên đều do nhà An Tiêm xuất bản và phát hành, các đại lý ở tỉnh, xin liên lạc với nhà Lá Bối 120 Nguyễn Lâm Chợ Lớn

NHẠC PHẠM DUY

HÁT VÀO ĐỜI

*một bàn tay * xuân hành * tìm nhau * chiều về trên sông
* tiếng bước trên đường khuya * viễn du * lữ hành
quán bên đường * nhạc tuổi vàng * nước mắt rơi *
đường chiều lá rụng * tôi còn yêu tôi cứ yêu * xuân ca *
tạ ơn đời.*

... Phạm Duy, ca khúc Phạm Duy, như thế, thật đã sống đến tận cùng cái hạnh phúc sáng láng của cả tình yêu đau khổ lẫn cái chết, đúng như Pasternak từng viết: nghệ sĩ là kẻ suy nghiệm không một mối về cái chết, đề từ đó sáng tạo ra sự sống.

trích lời Bạt HÁT VÀO ĐỜI

HÁT VÀO ĐỜI nhạc của Phạm Duy, gồm 14 bài, ấn loát bằng offset, in trên giấy màu ngà, giá 110 đ do nhà AN TIÊM xuất bản và phát hành.

Thời sự thế giới

TỪ TRỊ

Hiện thời chính phủ Hoa-kỳ đang hết sức lúng túng trước những khó khăn ngoại-giao. Vấn đề nhức đầu thứ nhất vẫn là chiến cuộc Việt-Nam. Hoa-kỳ đang ở vào một thế tiến thoái lưỡng-nan.

Nếu Hoa kỳ lúng túng thì Nga-sô cũng ở trong một tình trạng chẳng khả quan hơn. Thật vậy, cuộc chiến tranh ý-thức-hệ giữa Nga - xô và Trung-Cộng « anh em » càng ngày càng trầm trọng. Nga đang tìm cách tái lập lại quan hệ bình-thường với Bắc-Kinh mà vẫn giữ nguyên được địa vị lãnh-tụ khối Cộng-sản.

Các quốc-gia Trung-Đông cũng lúng túng không kém hai đại-cường. Hòa hay chiến, nếu hòa thì phải làm sao hay nếu chiến thì tương lai sẽ thế nào. Đó là những câu hỏi mà các lãnh tụ Do-hái cũng như Ả-Rập không tìm được ra câu trả lời.

Trong khi đó cuộc nội chiến tại Nigeria càng ngày càng rời xa hy vọng hòa-bình. Cả chính-phủ trung-ương lẫn phe ly-khai Biafra đều tỏ ra hết sức cứng rắn không ai chịu nhượng bộ ai. Các quốc-gia lân cận, vì quyền lợi riêng, cũng không dám can thiệp trực tiếp để chấm dứt một cuộc chiến tranh tàn bạo.

Những lúng túng của ngoại-giao Hoa-Kỳ

Sau một thời gian nghỉ hè tại tiểu-bang California, Tổng-Thống Mỹ Richard

Nixon đã trở về Hoa-thịnh-đốn. Tại thủ đô nhiều vấn-đề quan trọng đã đợi ông. Việc đầu tiên cần phải được ông giải quyết vẫn là vấn-đề Việt-Nam. Chiến-tranh Việt-Nam vẫn là một vấn-đề nhức đầu nhất của bất cứ một chính phủ Hoa-kỳ nào.

Một buổi họp quan trọng đã được triệu tập tại tòa Bạch-ố và đã kéo dài tới 4 giờ đồng hồ để duyệt xét vấn-đề Việt-Nam. Ông Bunker và Tướng Abrams đã từ Saigon về dự phiên họp. Người ta còn thấy sự hiện diện của Đô-đốc Mc. Cain từ Honolulu tới, ông Philip Habib từ hòa-hội Paris trở về.

Sau khi buổi họp bế-mạc, người ta ngạc nhiên là không có một biện-pháp nào mới lạ được công bố như thường lệ. Sự-kện này đã chứng tỏ sự lúng túng của ngoại-giao Mỹ. Thật vậy, nếu hết thấy mọi người đều đồng ý là nên hòa-bình ở Việt Nam thì lại không một ai biết làm cách nào để thực-hiện hòa-bình cả.

Ông Nixon không phải thuộc phe « điều kâu », điều đó không ai lạ. Nhưng con « bồ câu » Nixon trong 9 tháng trời ở chính-quyền vẫn tỏ ra bất lực trước vấn đề vẫn hỏi hòa-bình không kém Tổng-thống tiền nhiệm Johnson. Ông Nixon đã thử mọi công-hức, nào là rút quân làm nhiều đợt, nào là đe dọa leo thang trở lại, nào là kêu gọi Bắc-Việt thương thuyết nghiêm-chỉnh. Với những sáng kiến này, Hoa-kỳ có quyền

chờ đợi phe bên kia một vài cử chỉ nào đó như cũng giảm mức chiến tranh, cũng rút quân. Nhưng phe Cộng-sản vẫn chưa có một hành động nào đáng được coi là đã đáp ứng với sự nhượng bộ của phe đồng-minh. Thái-độ của những người cộng-sản là một thái độ lừng khừng, không tiến không lui. Họ áp dụng trong lãnh-vực ngoại giao chiến thuật du-kích, lúc ẩn lúc hiện. Tuy hiểu rõ phương pháp thương-thuyết của cộng-sản qua các Hội-ngị Bàn-môn-điểm và Genève 1954, 1961, nhưng người Mỹ vẫn không đủ kiên nhẫn để chịu đựng sự giằng dai của cộng-sản. Vì vậy người ta thấy chính phủ Hoa-kỳ đã quả thật lúng túng: mới đầu ông Nixon nhượng bộ bằng cách rút quân về; sau đột rút quân lần thứ nhất, cộng sản không làm gì để đáp ứng, ông Nixon lại hoãn rút quân đợt hai. Nhưng rồi ông lại nhượng bộ đến nỗi có những hành động vô lý là quyết định hưu chiến 72 giờ khi Hồ-Chí-Minh chết. Vô lý hơn nữa là ngoại giao Hoa Kỳ còn làm áp-lực để Nam-Việt có một thái độ tương tự. Lúc thì ông Nixon ra lệnh ngưng oanh tạc các cơ-sở Việt-cộng ở Nam-Việt bằng phi-cơ B52, nhưng lúc thì ông lại hủy bỏ lệnh trên.

Phe Cộng-sản, trước sự lúng túng của Mỹ lại càng cố kéo dài thời giờ, vì họ cho rằng thời gian là yếu-tố giúp họ thành công. Nhưng hình như họ đã đi quá xa trên con đường này. Vì thời gian dần dần đã không giúp cho họ thành công như họ hy vọng mà còn chứng tỏ rằng lực lượng võ trang cộng sản càng ngày càng không chịu nổi áp lực quân sự của phe đồng minh.

Sau cái chết của Chủ-tịch Bắc-Việt,

thái độ chờ đợi của Bắc-Việt lại tỏ rõ nhược điểm của phe Cộng sản. Thật vậy, đảng Cộng-sản Việt-Nam đang bị chia rẽ trầm trọng. Một phe khuynh hữu "xét lại", do Lê Duẩn cầm đầu muốn tạm hy sinh cách mạng cộng-sản miền Nam để xây dựng chủ-nghĩa xã-hội ở miền Bắc, trong khi phe khuynh tả, do Trường-Chinh lãnh đạo, đòi thực hiện ngay cách-mạng cộng-sản ở miền Nam và chỉ tính chuyện xây dựng xã-hội chủ-nghĩa khi nào Cách-mạng thành công trên toàn thềm lãnh thổ Việt-Nam. Cuộc tranh chấp ý - thức - hệ này không phải chỉ giới hạn trong địa hạt lý thuyết mà thôi. Nó còn có ảnh hưởng tới chiến cuộc Nam-Việt nữa. Khi Hồ Chí Minh còn sống, thế quân bình còn thực hiện được giữa hai phe. Người ta vừa tiếp tục chiến tranh để thực hiện cách-mạng vừa xây dựng kinh tế Bắc-Việt. Ngày nay Hồ-chí-Minh không còn nữa, một cuộc tranh đoạt chính quyền sẽ xảy ra. Nếu Trường-Chinh thắng, chiến tranh sẽ tăng cường nếu ngược lại Lê Duẩn thắng, một cuộc hòa bình tạm bợ sẽ có thể được thực hiện. Phe đồng minh như vậy có đủ lý do để tránh mọi quyết định hấp tấp tại hòa-hội Balê và cũng phải biết sử dụng thời gian làm vũ-khí.

Trung Đông sôi động

Trong những ngày qua tình hình Trung-Đông lại trở nên sôi động. Các quốc-gia Ả-Rập đột nhiên bỏ thái độ tương đối thận trọng để kêu gọi dân chúng tiêu diệt Do-Thái. Ai-Cập áp dụng một chiến thuật mới mà họ gọi là «chiến tranh tiêu hao». Biết rằng Do-thái rất bảo trọng sinh mạng của công dân mình vì Do-thái chỉ có 3 triệu người, nên Ai-Cập dùng đủ mọi phương pháp

để làm tiêu hao sinh mạng dân Do-thái. Quân đội Ai-cập từ bên này bờ kênh Suez oanh tạc sang các cơ sở quân-sự cũng như dân-sự Do-thái. Trước phương thức chiến tranh tiêu hao của Ai-Cập, chính phủ Do-thái, do bà Golda Meir—người đàn bà có tiếng là điều hâu—lãnh đạo, đã quyết định tổ chức những cuộc chinh phạt táo bạo. Đêm hôm 19-9 vừa qua một lực-lượng hải, lục, không quân Do-thái từ bán đảo Sinai vượt kênh Suez tiến tới 100 cây số cách Thủ-đô Ai-Cập, Le Caire và từ đó đi dọc bờ kênh Suez để phá những cơ sở quân-sự Ai-Cập, phá hủy 40 chiếc xe vận tải, 5 chiến xa, 2 đài radar và một dàn hỏa-tiến địa-không SA2 của Ai-Cập.

Ai-Cập đợi hai ngày sau mới phản công bằng cách cho phi cơ tấn công Do-thái và một cuộc không chiến lớn nhất, kể từ tháng 6. 1967, đã diễn ra.

Đồng thời các thiếu nhi Ả-Rập cũng khởi đầu một phong trào khủng bố ở Âu-Châu. Họ đã phá hủy những toa đại-sứ. những hãng hàng-không Do-thái ở Bruxelles, Bonn và La Haye.

Tuy dân Ả-Rập được Nga ủng hộ và Do-thái được Mỹ ủng hộ, nhưng cả hai đại cường đều không muốn chiến tranh. Bà Golda Meir sửa soạn sang Hoa-thịnh-đốn để mua thêm phi-cơ và Tổng-Thống Nasser cũng sang Mạc-tư-khoa với sự-mạng tương-tự.

Hội đàm Chu-ân-Lai — Kossyguine

Thủ tướng Trung-Cộng Chu-ân-Lai sang Hà nội phúng Chủ tịch Bắc-Việt xong vội trở về để tránh mặt Kossyguine, khi ông nay sang dự tang lễ. Khi tang lễ xong, ông Kossyguine, trước đó định về thăm Mạc-tư-khoa sau đã đổi ý kiên

vào phút chót và quyết định ghé Bắc-Kinh

Tại Bắc-Kinh, Thủ - tướng Nga đã được Chu-ân-Lai tiếp tại phi-trường và hai lãnh-tụ cộng-sản đã hội đàm trong hơn 4 tiếng rưỡi đồng hồ.

Đây là lần đầu tiên mà hai nhân vật này gặp nhau từ 4 năm nay. Cuộc gặp gỡ làm mọi người ngạc nhiên và về phía Tây-phương, người ta tỏ ra lo ngại sẽ có hòa-giải giữa Nga và Trung Cộng.

Nhưng ngay sau đó, người ta được biết rằng cuộc gặp gỡ này không đưa lại một sự hòa-giải nào vì không những ông Kossyguine chỉ được Chu-ân-Lai tiếp ở phi-trường mà 24 giờ trước khi hai người gặp nhau, điện Kremlin đã đưa ra một bản tố-cáo Trung - Cộng vi-phạm 488 lần lãnh thổ Nga. Nga công bố một bản thông - cáo nói rõ rằng hai bên đã trao đổi ý kiến một cách « thẳng thắn », nhưng người ta đều hiểu rằng như vậy là hai bên đã « thẳng thắn » đả-kích lẫn nhau trong buổi đàm thoại này.

Nhưng người ta vẫn không khỏi tự hỏi tại sao ông Kossyguine đã chấp nhận gặp lãnh tụ Trung-Cộng trong điều-kiện này. Có lẽ các nhà lãnh-đạo Nga-sô, trước cơn bịnh trầm trọng của Mao-Trạch-Đông, đã cố gắng thăm dò các người được coi là kế-vị Mao để ước định tình-hình thế giới. Người ta cũng còn nêu ra một lý do khác là có lẽ Điện Kremlin muốn tỏ cho thế giới Cộng-sản biết là Nga đã cố gắng làm hết những gì có thể làm được để hòa-giải với Trung - Cộng và những biến-cố có thể xảy ra sau này sẽ thuộc về trách-nhiệm của Trung Cộng.

Nội-chiến Nigeria khó được giải quyết

Cuộc nội chiến Nigeria đã diễn ra âm thầm ít được mọi người để ý tới, tuy nó tàn bạo hơn mọi cuộc chiến trên thế giới hiện thời. Mỗi quốc gia Phi-châu, khi can thiệp vào vấn đề này, đều nhằm vào mục-tiêu tuyên truyền hơn là thực sự muốn hòa bình.

Tổ chức Thống-Nhất Phi-Châu vừa họp thường-niên phiên thứ 6 tại Addis-Abeba. Chủ tịch phiên họp năm nay là ông Nyerere Tổng-Thống Tanzanie đã kêu gọi chấm dứt nội chiến ở Biafra. Nhưng Tanzanie là một trong 4 quốc gia đã thừa nhận Biafra, vì vậy phái đoàn Nigeria đã cực lực phản đối lập trường thiên vị của ông Nyerere. Một số lớn các quốc gia hội-viên của Tổ-chức đều bị những phong-trào ly-khai nội bộ đe dọa

nên đều không dám tích cực ủng hộ lời kêu gọi của ông Nyerere. Một quyết nghị của Tổ-chức được biểu quyết đề kêu gọi đình chiến "trong khuôn khổ thống nhất quốc gia Nigeria".

Chính phủ Nigeria hy vọng rằng Biafra sẽ phải xin đầu hàng vì từ tháng 6 vừa qua chính-phủ này đã cấm mọi công cuộc cứu-trợ cho Biafra. Nhưng Đại-tá Gowon vẫn kêu gọi Biafra thương thuyết mà không đặt điều kiện tiên quyết: Lời kêu gọi này đã bị Biafra bác bỏ. Càng bị khó khăn, càng thất bại, Biafra lại càng cương quyết chiến đấu với nghị lực cuối cùng của những người tuyệt vọng. Trong điều kiện này, cuộc nội chiến Nigeria rất khó mà tìm ra giải pháp thỏa mãn được cả hai phe.

TỪ TR

• đã phát hành :

THẬP TÌNH

thơ Thành Tôn ★ Ngưỡng Cửa xuất bản ★ Giá 200 đ

Vì phương tiện phát hành eo hẹp, các bạn ở xa yêu thơ Thành Tôn, xin liên lạc về cô Phan-hị-Điêu, 215 Phan chu Trinh, Tam Kỳ.

THUỐC BÒ :

ACTIVIT

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỔ CƠ THỂ,

CO CHAT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.